

A. J. Cronin's
**THE
GREEN
YEARS**

Charles **COBURN**
Tom **DRAKE**
Beverly **TYLER**
Hume **CRONYN**



with
GLADYS COOPER · DEAN STOCKWELL · RICHARD HAYDN

Directed by **VICTOR SAVILLE**



NHỮNG NGÀY XANH – THE GREEN YEARS

A. J. CRONIN

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	
Chương một	
Chương hai	
Chương ba	
Chương bốn	
Chương năm	
Chương sáu	
Chương bảy	
Chương tám	
Chương chín	
Chương mười	
Chương mười một	
Chương mười hai	
Chương mười ba	
Chương mười bốn	
Chương mười lăm	
Chương mười sáu	
Chương mười bảy	
Chương mười tám	
Chương mười chín	
Chương hai mươi	
Chương cuối	

Lời giới thiệu

Archibald Joseph Cronin sinh tại Tô Cách Lan năm 1896.

Ông học Y khoa ở đại học Glasgow.

1916, thế chiến thứ nhất ông tình nguyện gia nhập hải quân với cấp bậc Trung úy Y sĩ.

Chiến tranh kết thúc, ông trở lại tiếp tục học Y khoa.

Rồi ông tập sự bốn năm trong những khu vực hằm mổ phía nam vùng Wales.

Thời gian này ông thu thập được rất nhiều tài liệu về đời sống cơ cực của dân lao động nghèo, nhất là đời sống của thợ thuyền trong hằm mổ.

Sau đó, ông chuyển hẳn về Luân Đôn và mở phòng mạch tại khu vực phía Tây khá nhiều năm. Kể đến, vì sức khỏe kém ông buộc phải ngừng làm việc để dưỡng bệnh.

Là bác sĩ, A. J. Cronin có nhiều dịp tiếp xúc với đủ hạng người, đầu óc tinh nhạy không chỉ trong lĩnh vực nghề nghiệp nên ông hiểu rõ tâm tình, cá tính, mặt tốt cũng như mặt xấu của từng người. Nhờ vậy, ông đã tích lũy được số vốn lớn, rất quý cho việc trước tác về sau, khi phải bỏ nghề y, vào năm 1930.

*Văn nghiệp của ông bắt đầu... và vừa đặt bút, ông thành công ngay ở tác phẩm thứ nhất: **“Lâu đài người bán nón” (1931)**. Những tác phẩm khác kế tiếp ra đời cũng đều được đón tiếp nồng nhiệt, không chỉ trong nước mà cả ở nước ngoài.*

*Tại Việt Nam, chúng ta được đọc khá nhiều sách ông qua các bản dịch, tiêu biểu nhất, ngoài **“Lâu đài người bán nón”** còn có **“Thành trì”**, **“Gươm công lý”**, **“Số phận của Robert Shannon”** v.v...*

Ông có lối viết giản dị, chân thật, chính xác, đầy hấp lực. Từ kẻ hung bạo, vô lương, thâm độc đến người thuần phác, đôn hậu, vị tha, qua ngòi bút tinh sắc của ông họ đều như sống thật, đi lại, nói năng, hành động... Cá tính họ nổi bật rất tự nhiên, không chút gượng ép. Văn ông giàu tình tiết, hết sức lôi cuốn mà không sa đà. Ông tả hạng người thế nào thì phong cách biểu hiện đúng như thế. Điều đáng kể nhất là tác phẩm ông chan chứa lòng nhân mà không hề có giọng dạy đời, công thức.

Hiển nhiên, chúng tôi không xác quyết là văn ông hay nhất. Tuy vậy, có một điều quan trọng để người thưởng ngoạn đánh giá tác phẩm, ấy là sau khi đọc xong ta cảm thấy yêu đời hơn lên, muốn phấn đấu chứ không nản lòng, bỏ cuộc.

Với niềm tin ấy, chúng tôi gửi đến bạn đọc quyển sách nhỏ này.

Chương một

Nắm chặt tay bà ngoại, tôi bước ra khỏi nhà ga tối om, tiến vào thành phố xa lạ, sương mù bao phủ.

Hôm nay, lần đầu tiên gặp mặt ngoại tôi nhưng tôi sẵn sàng chờ đợi bàn tay dịu hiền che chở của người. Tôi cũng sẵn sàng để yêu thương, tin tưởng bà tôi dù là tình cảm trong lòng không được... tự nhiên mấy và dù bà tỏ ra rất vồn vã, sẵn đón đứa cháu mồ côi, bạc phước của người... Bên cái máy tự động bán sô cô la, bà tôi mua cho tôi một miếng, đó là thứ quà tôi rất thích, song tôi vẫn khó mà vui cho được.

Có lẽ do bà cháu tôi gặp nhau đột ngột quá, và phần nữa bởi khuôn mặt bà tôi cần cỗi, chất chứa đầy lo lắng khác hẳn khuôn mặt xinh xắn, tươi đẹp của mẹ tôi, cho nên dù tôi đã được người ta cho biết trước đó là người đã sinh ra mẹ tôi, tôi vẫn ngỡ ngàng, bối rối.

Bà cháu tôi khởi hành từ Winton và suốt cuộc hành trình dài đặc bà tôi ngồi đối diện với tôi trong toa xe hỏa hạng ba. Bà tôi phục sức đơn giản, áo vải màu xám sần cổ, một khăn quàng bằng lông thú mỏng quấn quanh cổ, đôi hoa tai đen, nhỏ, lủng lẳng và một món nữ trang rẻ tiền nhận hột đá đỏ, nom bà còn buồn bã hơn cả chính tôi.

Đôi mắt không ngớt nhìn ra khung cửa sổ, đôi môi mấp máy như đang nói mà không thành lời, thỉnh thoảng bà ngoại đưa khăn lên phất phất vài cái trước mắt như để đuổi những con ruồi lì lợm: đáng bộ bà hết sức nôn nả.

Xuống ga, bà ngoại vui vẻ một chút, mỉm cười âu yếm và nắm chặt tay tôi:

- Con không khóc nữa! Con ngoan quá! Con có thể đi bộ về nhà với bà chứ? Không xa lắm đâu, con ạ!

Muốn người vui lòng, tôi quả quyết rằng tôi đi bộ được. Trong thoáng chốc chiếc xe ngựa độc nhất đón khách bỏ xa chúng tôi, rời ga.

Vừa đi, bà tôi vừa chỉ cho tôi những dãy nhà to lớn, cốt để tôi được thêm hăng hái. Chúng tôi đi sâu vào con đường lớn dẫn vào thành phố.

Con đường như thể lắc lư theo nhịp bước, tai tôi vẫn còn ù ù vì tiếng sóng gầm trên mặt bể Ái Nhĩ Lan.

Ngang một dinh thự khá đẹp có những hàng cột đồ sộ bằng đá mài, trước mặt tiền có bầy hai khẩu đại bác và một cột buồm cao, bà tôi cất giọng hãnh diện:

- Robert này, đây là Tòa Đô sảnh của Levenford. Đẹp ghê không? Ông ngoại con làm việc trong đó. Ông lo việc Vệ sinh Công cộng.

Tôi băn khoăn suy luận thầm: ông ngoại? À! Chắc là chồng bà ngoại, mà bà ngoại là mẹ của mẹ mình vậy thì ông là cha của mẹ mình?... Ông có hiền không? Ông ấy là cha của mẹ mình chứ không phải là cha mình, vậy thì...

Tôi bắt đầu mồm chân và bà tôi nhận biết điều này, giọng bà ái ngại:

- Thật không may cho bà cháu ta, hôm nay tàu điện không chạy, xe ngựa đắt tiền...

Tôi thấm mệt và hơi lo sợ nữa. Buổi trưa tháng 8 trời xám xịt, tiếng ồn ào trên công lộ làm tôi càng cau có vì nhớ lại những tiếng động quen thuộc thường vọng lên tận cửa sổ nhà tôi ở Phoenix Terrace. Tiếng búa gõ chan chát từ một xưởng đóng tàu gần đó... Ngoại giơ bàn tay (với chiếc gang rẻ tiền, xấu xí) chỉ cho tôi thấy một hăng đồ nhôm và tôi nhận thấy ánh lửa lập lòe, khói tuôn lên cuồn cuộn. Rồi bà cháu rẽ vào một con đường nhỏ hơn, đến ngã tư, gió thổi

mạnh tạt bụi vào mắt tôi làm tôi ho sặc lên.

Chúng tôi đã bỏ lại phía sau sự náo động nhức đầu, tiến gần một công viên nhỏ, có hồ nước lấp lánh và một quán nhạc. Rồi ra ngoại ô. Nơi này nom như một làng nhỏ xinh xắn và êm ả nằm dưới chân một ngọn đồi xanh tươi. Nhiều khóm cây, bồn cỏ, vài quán tạp hóa nhỏ, một lò rèn phía trước có chỗ cho ngựa nghỉ chân, uống nước và cũng có những biệt thự mới tinh đáng ghét, mang những cái tên kiểu cách như: "Helensville" hay "Glenelg" khắc trên tấm bảng vàng chói gần ngay trước cổng.

Cuối cùng, chúng tôi dừng lại trên đường Drumbuck, trước một căn nhà song lập cao ráo, bằng đá xám, cửa sổ treo rèm màu kem và mang tên "Lomond View". Đây là căn nhà nghèo nàn nhất của con đường êm ả này. Chỉ những khung cửa ra vào và cửa sổ mới được tô xi măng. Mặt tiền căn nhà bớt vẻ buồn thảm, nặng nề nhờ những hàng cúc nở vàng khắp chân thềm và lác đác quanh đó.

- Đến nơi rồi, con ạ!

Ngoại tôi thở phào khoan khoái vì đã tới nhà, vui vẻ tiếp:

- Vào những ngày nắng ấm, chúng ta có thể ngắm khắp vùng từ cửa sổ trên kia. Chúng ta ở gần làng Drumbuck, con ạ! Levenford chỉ là một thị trấn nhỏ đầy khói nhưng mấy vùng lân cận thì rất đẹp... Nào! Hãy tỏ ra ngoan ngoãn nhé? Lau mặt đi con! Rồi theo ngoại...

Tôi đã đánh mất khăn tay trong khi khóc nhưng vẫn tuân lời bà, đi dạo một vòng quanh nhà, tìm đập loạn xạ trong lồng ngực lép xẹp, vì nghĩ đến cuộc sống mới, giữa những kẻ xa lạ, chưa hề biết mặt. Những lời nói chứa đầy xót thương, ái ngại do bà Chapman thốt ra – bà là láng giềng của mẹ tôi ở Dublin - vẫn còn vang ở tai tôi: "Tội nghiệp cho con, bé bỏng thế mà đã mồ côi cả cha lẫn mẹ... Số phận con rồi đây không biết sẽ ra sao". Phải! Bà ta nói thế trong khi hôn từ biệt tôi ở ga Winton, trước khi giao tôi cho bà ngoại. Bà khóc, nước mắt ướt đầm má tôi.

Đến cửa sau, ngoại tôi dừng chân trước một thanh niên, anh ta cỡ 20 tuổi dáng bộ nặng nề, lạnh nhạt, nước da xanh mét, tóc màu đen và đôi mắt cận thị giấu sau cặp kính dày cộm; anh ta đang quỳ xới đất. Thấy bà cháu tôi, anh ta đứng lên, tay vẫn khư khư cán cuốc. Bà tôi trách nhẹ:

- Mẹ bắt gặp con rồi đấy nhá? Murdoch nhá!

Đoạn, bà đẩy tôi tới trước, tiếp:

- Đây! Cháu Robert đã về đây, con ạ!

Thanh niên nhìn tôi chăm chú một giây rồi giọng cậu cất lên nồng nhiệt:

- Cậu rất vui được gặp cháu, Robert ạ! Chúng ta sẽ là bạn thân với nhau, cháu chịu không?

Và cậu quay sang bà tôi:

- Mẹ ơi! Hạt giống này do bác làm vườn cho con đó, chẳng tốn xu nào hết.

- Dù vậy, con cũng nên rửa tay trước khi ba trở về. Con đừng quên là ba con không thích thấy con làm vườn, Murdoch ạ!

- Thừa mẹ, gần xong rồi, con sẽ vào ngay.

Trước khi tiếp tục công việc, cậu ấy còn bảo bà tôi, giọng hãnh diện:

- Con đã luộc khoai tây giúp mẹ rồi, mẹ ạ!

Bà dắt tôi vào nhà bếp, bàn ghế tại đây không mấy tiện nghi, bằng gỗ đào chạm trổ, vách dán giấy kẻ ô được dùng làm phòng ăn và nơi tụ họp trong gia đình. Một đồng hồ quả lắc treo trên tường, tiếng tích tắc to một cách kỳ khôi.

Giọng dịu dàng, bà bảo tôi ngồi xuống rồi cởi mũ, áo choàng mắc vào cái tủ khuất sau tấm màn cũ kỹ. Mang tấm tạp dề xanh vào, nom bà tôi như vừa lấy lại được tự tin, bà thoải mái nhìn

quanh căn nhà quen thuộc bằng ánh mắt âu yếm và bắt tay vào việc tức thì.

Còn tôi? Tôi ngồi thật thẳng trên ghế - nhưng nép vào một góc - cạnh lò sưởi và chỉ dám thở nhẹ như tường không dám làm kinh động ngôi nhà xa lạ bằng tiếng thở của mình.

Ngoại tôi ôn tồn bảo:

- Hôm nay đặc biệt, vì bà bạn đi đón con nên bữa ăn chính của chúng ta sẽ là bữa chiều. Con nhớ khi ông ngoại về cố gắng tươi tỉnh lên một chút nhé? Ông con cũng có nhiều điều lo âu, bực bội, đừng làm ông con... Tội nghiệp ông con, ông cực nhọc vì trách nhiệm ở công sở quá...

Bà ngoại ngừng lại để thở rồi tiếp:

- Dì Kate của con cũng sắp về đây, dì con là giáo viên. Có lẽ mẹ con có nói đến dì với con chớ?

Thấy đôi môi tái nhợt của tôi run run, ngoại an ủi:

- Bà biết, dù con là con trai lớn nhưng gặp họ hàng lần đầu chắc cũng làm cho con lo lắng chút đỉnh. Không sao đâu, con ạ! Con phải biết rõ họ hàng, còn cậu Adam, con trai trưởng của bà nữa, cậu làm việc tại hãng Bảo hiểm ở Winton. Cậu không ở đây nhưng cậu rất hay về thăm nhà mỗi khi có dịp. Con cũng phải để ý đến cụ cố, mẹ của ông ngoại con (tuy hiện giờ cụ đi nghỉ mát ở nhà một người bạn rất xa, mỗi năm cụ ở đây với chúng ta sáu tháng). Sau hết là cụ cố ngoại, cha của bà ngoại đây...

Hình như bà biết tôi mệt nhoài với các nhân vật vừa kể, vội vàng mỉm cười âu yếm:

- Hiếm có đứa trẻ nào cỡ tuổi con mà có diễm phúc được còn thấy ông cố ngoại. Ngoại nói thật đó, con ạ! Nhưng ngoại có ý kiến này: con không gọi hai cụ cố bằng cố mà gọi là ông và là bà, còn bà và ông ngoại con thì con gọi bằng ba mẹ, nghe không? Chốc nữa đây, con bung cơm lên cho ông nghe? Như vậy, con vừa giúp bà... quên, giúp mẹ và có thể dễ dàng làm quen với ông nữa.

Bà tôi - mà kể từ phút này, tôi sẽ gọi bằng mẹ - đặt bàn ăn cho năm người. Đoạn, bà dọn một mâm riêng, trên đó có ba khoanh bánh mì, một bát sứ đựng nước trà, ít mứt, phô mai. Tôi tò mò hỏi:

- Thừa ngoại, ông không ăn chung với chúng ta sao?

Bà ngoại bối rối một giây:

- Không con ạ! Ông dùng riêng trong phòng (bà đưa mâm cho tôi) con giúp ngoại được chứ? Lên thang gác, ở tận cùng đó. Cần thận kéo ngã, nhé!

Tôi run rẩy, hai tay giữ chặt cái mâm bằng sơn mài, bước lên các bậc thang bằng gỗ đánh bóng. Ánh sáng yếu ớt của buổi xế rồi qua khung cửa sổ tròn trên mái nhà. Đến nơi, tôi thấy hai cánh cửa đối diện nhau, cửa thứ nhất khóa. Tôi run tay vặn quả nắm cửa thứ hai và cửa bật ra ngay. Gian phòng ông cố ngoại tôi bừa bãi không thể tả: trên giường cao, bốn trụ đồng đã mất nước bóng, treo rèm sặc sỡ; chăn gối vứt lung tung. Dưới chân giường có tấm thảm bằng da gấu được cuộn tròn trong một góc. La va bô ngả màu vàng, cũ kỹ, khăn mặt thì như thể là giẻ lau bàn.

Một cái đồng hồ đen nằm trên mặt lò sưởi. Quanh phòng phảng phất mùi thuốc lá, mùi thức ăn, mùi hơi người tạo thành một thứ mùi hỗn tạp, thứ mùi của một gian phòng nhỏ có người ở thường xuyên.

Ông cố tôi ngồi trong cái ghế bành xiêu vẹo cũng già như ông, cạnh lò sưởi. Đôi giày vải trong chân ông rách mướp, bộ áo quần dày cũ mềm. Trước mặt ông là cái bàn thấp trải khăn màu lá úa, ông đang cầm cúi ghi chép, tập tài liệu dày cộm trải trước mắt ông, và tờ giấy mà ông đang ghi chi chít chữ, đều đặn xinh đẹp. Bàn tay ông sử dụng cán bút một cách vững vàng. Cạnh ông,

vừa tầm tay là một lô toàn gậy chống. Bên kia bàn, một hộp diêm và nhiều ống điếu bằng đất sét có nắp kim khí.

Dáng dấp cao lớn, đôi vai rộng, nét mặt tươi tắn, mái tóc hoe đỏ lấm tấm bạc song ánh sáng rọi vào hóa thành vàng rực, râu ông cùng màu với tóc ông. Lòng trắng mắt hơi vàng, nhưng con ngươi màu xanh trong trẻo, sáng quắc, đây không phải là thứ màu xanh lòe đời như mắt bà ngoại tôi mà là màu xanh của hoa lưu ly, trông thật đáng yêu! Điều làm tôi hơi bất mãn trên khuôn mặt ông cố tôi chỉ là cái mũi: cái mũi kỳ cục, thật to, đỏ và sần sùi. Thật tôi chưa hề thấy người nào có cái mũi như vậy, nó gần như muốn lấn hết các phần khác trên mặt ông cố tôi, giống như một quả dâu tây chín tới.

Chợt thấy tôi, ông cụ ngừng tay, cài bút lên mang tai, quay lại. Cử động của ông làm cho cái ghế kêu lên ken két như thể đánh dấu phút quan trọng giữa ông cố và đứa cháu.

Hai chúng tôi cùng im lặng khá lâu, cho đến khi cái mũi dễ sợ kia không còn "đe dọa" tôi nữa, tôi mới cảm thấy bối rối vì nghĩ đến bộ dạng tiều tụy của tôi lúc này: thân hình gầy như cái que trong bộ quần áo nâu đen, dây giày thì tuột ra, khuôn mặt xanh xao, nhem nhuốt nước mắt, tóc bù rối.

Ông cố lẳng lặng đẩy giấy tờ qua một bên, ra hiệu cho tôi đặt mâm cơm lên bàn. Rồi ông bắt đầu ăn rất mau, mắt vẫn không rời tôi. Vội vàng cho xong bữa, uống nước trà, đoạn ông cúi râu cẩn thận và vói tay lấy một ống điếu hút.

-Robert đó hả?

Giọng ông cố thân thiện, cởi mở. Tôi ấp úng thưa:

- Thưa ông cố, vâng, con đây ạ!

- Con đi đường khỏe chứ?

- Thưa ông, khỏe.

- Ờ, đó là những chiếc tàu có hạng. Hồi ta còn làm ở quan thuế, ta thấy chúng cập bến hoài. Chiếc Adder có một lần sơn trắng trên sườn tàu, rất đặc biệt. Này, Robert, con biết chơi cờ "dame" không?

- Thưa ông cố, không ạ!

- Được rồi, ta sẽ dạy con nếu con ở đây.

- Thưa ông cố, chắc con phải ở đây. Bà Chapman có nói với con là con không còn nơi nào nương tựa nữa.

Thốt nhiên, nỗi thống khổ lại dâng lên chen lấy cổ họng tôi. Tôi muốn được ông thương yêu, tôi rất cần một người để trút gánh nặng đang đè tôi xuống. Ông há không biết rằng cha tôi chết vì bệnh lao và chứng bệnh di truyền đó đã giết cả hai cô tôi lẫn mẹ tôi ư? Láng giềng xì xầm bàn tán rằng tôi cũng đã nhiễm bệnh rồi, nhưng còn... nhẹ, kia mà? Than ôi! Ông tôi vẫn ngậm ống điếu, mép hơi nhếch, đổi hướng câu chuyện:

- Robert, con lên tám phải không?

- Thưa ông cố, chưa, con chưa được tám tuổi...

Tôi muốn tỏ cho ông biết là tôi còn nhỏ lắm, nhưng lúng túng vì vẻ cứng rắn của ông:

- Con lớn rồi, Robert ạ!

Chúa ơi! Tôi mà lớn rồi? Tôi, tôi chưa đầy tám tuổi tròn mà đã mất cha mất mẹ, tôi khổ sở thế này... Giọng ông vang lên sang sảng:

- Vào tuổi con, lại là con trai, phải có can đảm... Này, con thích đi bộ chứ?

- Thưa, con chưa bao giờ đi xa.

- Được rồi, ta sẽ dắt con đi dạo mát. Không khí trong lành của Tô Cách Lan sẽ có ích cho con. Ông thấp giọng xuống, tâm sự:

- Ta rất bằng lòng về màu tóc của con, con có màu tóc của họ nhà ta... Người mẹ đáng thương của con đã thừa hưởng màu tóc này, Robert ạ!

Tôi không thể không nén được nữa, nước mắt trào ra. Kể từ tuần trước, sau khi chôn mẹ tôi, hễ ai nhắc đến bà là tôi khóc ròng, và sự thương hại của mọi người càng có cớ cho tôi khóc khỏ. Vậy mà hôm nay đây, không có bà Chapman để bà ôm chặt tôi vào lòng, cũng chẳng có cha sở để ông cúi xuống an ủi, vỗ về tôi...

Tôi biết rằng nước mắt của tôi làm cổ tôi phật ý nên cố nén và cũng hết sức khó chịu. Tôi nén khóc cho đến nỗi bật ra tiếng ho. Và tôi ho dữ dội, thót cả bụng lại vì ho. Một trận ho xúng đáng, không thua chi những cơn ho đáng sợ của cha tôi. Chờ khi cơn ho thật dứt, tôi đưa mắt nhìn ông dò xét.

Cổ tôi không hề tìm lời an ủi tôi, không nói gì cả, ông lẳng lặng rút trong túi áo choàng ra một hộp kẹo bằng thiếc, thông thả mở nắp và lấy ra viên kẹo to. Chắc ông sẽ cho mình? Tôi tự hỏi, song tôi thất vọng biết bao khi thấy ông cho viên kẹo vào miệng, không lý gì đến tôi cả. Tôi càng tủi thân thêm.

Giây lâu, ông mới lên tiếng, giọng nghiêm khắc:

- Này cháu! Có một điều ta không kham nổi, đó là đựng phải một đứa con trai mít ướt. Robert! Con mau nước mắt quá đi! Con phải tỏ ra can đảm coi!

Ông rút viết từ mang tai xuống, vươn vai thở mạnh đoạn nói tiếp:

- Ta đây, ta cũng gặp vô số chuyện khó khăn, nếu ta yếu đuối, làm sao ta có thể vượt qua? Bài đại luận của cổ tôi chắc sẽ còn dài hơn nữa, dài ngoằng, nếu đúng lúc ấy không có tiếng chuông reo từ nhà dưới. Cổ tôi ngừng lại, ra hiệu cho tôi đem mâm xuống. Trước khi khép cửa, tôi ngoái lại, thấy ông đã cầm bút trên tay, cầm cúi ghi.

Chương hai

Xuống nhà, tôi thấy ông ngoại tôi, bà ngoại tôi, dì Kate, cậu Murdoch đang đợi tôi nơi bếp. Họ cùng nói chuyện và họ ngưng bật đột ngột làm tôi hiểu ngay là họ đang bàn tán về tôi. Là con một, tôi hết sức nhút nhát và tính này càng tăng thêm gấp bội trong tình cảnh tôi, nhất là tôi đoán được lò mờ cái hố sâu ngăn cách giữa mẹ và ông ngoại (mẹ tôi đã cãi lời cha, lấy một người nghèo).

Tay chân tôi cứng đờ khi ông tiến lại gần tôi, nắm tay tôi cúi xuống hôn tôi:

- Ông rất vui được gặp con, ông rất tiếc là không gặp con sớm hơn.

Giọng ông buồn bã nhưng âu yếm, không cáu kỉnh như tôi tưởng. Tôi nhớ lời bà, cố ngăn không cho nước mắt trào ra. Dì Kate cũng dịu dàng hôn tôi.

- Thôi, bây giờ ngồi vào bàn! Cháu tôi đói lắm rồi đó.

Bằng giọng vui vẻ giả tạo, bà ngoại chỉ chỗ cho tôi. Khi mọi người ngồi hết rồi, ông tôi ngồi chỗ đầu bàn, đọc to một bài kinh lạ hết sức, tôi chưa từng nghe và ông cũng không làm dấu thánh giá chi cả. Đoạn, ông cắt miếng thịt bò bốc khói đặt trong cái đĩa hình thuẫn trước mặt ông trong khi bà tôi cho mọi người su và khoai tây. Ông thì chia cho tôi miếng thịt to nhất.

Ông ngoại tôi trên dưới 50 tuổi, người nhỏ nhắn, khuôn mặt hẹp, mắt cũng nhỏ, râu chải cần thận, vài lọn tóc xõa trên trán (chùng để che bớt cái trán hói chi đây?). Cổ áo hồ cứng, phía trước có thắt nơ đen. Điều làm tôi ngạc nhiên hơn hết là cái áo bằng nỉ xanh lơ đính nút đồng. Sau lưng ông, trên buýp phê đặt một cái mũ cát kết tựa như mũ của sĩ quan hàng hải. Ông không có gì nổi bật.

Ông có vẻ cần cù, an phận, tuy tin rằng tài năng mình chưa được dùng đúng chỗ.

- Robert! Con phải ăn su với thịt, bổ lắm. Đừng bỏ phí!

Khiếp hãi vì bao nhiêu đôi mắt chăm chăm nhìn mình, tôi cầm dao nĩa một cách vụng về, lúng túng, phần thì nĩa dao đều lớn quá đối với tuổi tôi - Hừ! Vậy mà ông cố bảo tôi lớn rồi! - Tệ nhất là món su nhào nhoét tôi vốn ghét, còn thịt bò thì dai và mặn ghê hồn.

Hồi còn cha tôi, luôn luôn trên bàn ăn có thức ăn ngon. Mỗi bận về nhà, cha tôi đều có mứt cho tôi hay kẹo, bánh. Than ơ! Tôi là đứa con cứng cho nên rất kén ăn. Ngay cả khi cha tôi mất rồi, mỗi lần muốn cho tôi chịu ngồi xuống ăn món cánh gà, mẹ tôi phải hứa cho tôi 6 pence (1) và kèm một cái hôn, tôi mới chịu.

Song giờ đây, tôi đã biết thân, tôi hiểu rằng không nên làm phật ý ông ngoại tôi, tôi cố nuốt món su đáng sợ.

Ngỡ tôi mãi ăn, ông ngoại liếc nhìn và và trở lại câu chuyện bỏ dở lúc nãy:

- Bà Chapman không đòi gì hết sao?

- Không! Tôi xem ra bà ta đã cạn túi vì mua vé và mọi phí tổn khác. Tôi nhận thấy bà ta là một người nhân hậu, rất tốt bụng, tuy...

Bà tôi trả lời nhỏ. Ông ngoại thở một hơi dài như thể vừa trút được gánh nặng trăm cân:

- Thật là một điều sung sướng khi được biết trên thế gian này vẫn còn có những người lương thiện. À, mà bà có phải thuê xe không?

- Không, ông ạ! Cháu nó cũng chẳng có đồ đạc gì cả. Áo quần chật hết. Vả lại, tôi tin là có gì đáng giá, "họ" cũng chẳng chừa cho đâu.

Ông cố nhặn mặt như tuồng phải chứng kiến cảnh tượng đau lòng lắm, và ông nói như rên:

- Chúng nó chỉ biết tiêu vong lên, tưng đỏi thế là đáng lắm.

- Kìa, ông quên là chúng bệnh hoạn...

- Thì đã hẳn, nhưng sao chúng không lo bảo hiểm nhân mạng chớ? Có phải đỡ hơn không?

Đôi mắt nhỏ của ông chợt nhìn tôi chăm chú và tôi càng cố để nuốt món su. Giọng ông trang nghiêm:

- Robert! Cháu phải ăn hết đi! Ở đây, không được phí phạm món gì cả.

Dì Kate ngồi đối diện tôi từ nãy chỉ quay ra dán mắt ngoài cửa sổ, không chú ý đến câu chuyện bỗng quay lại cười với tôi để khuyến khích tôi.

Bà tôi cho biết dì nhỏ hơn mẹ tôi ba tuổi, nhưng dì không giống mẹ tôi chút nào cả, dì xấu ghê đi: mắt xanh lơ đờ buồn bã, da khô, gò má cao. Tóc mẹ tôi óng ả còn tóc dì thì không giống bà ngoại, cũng không giống ông ngoại, nó pha trộn giữa hai màu ấy: hung và đen, trông nó làm sao ấy thôi.

Thình lình dì hỏi tôi:

- Cháu đi học chưa?

- Thừa dì, có ạ, cháu học ở lớp do cô Barty, gần nhà...

Dì Kate gật đầu đáng hài lòng, còn tôi thì đỏ mặt lên.

- Cháu thích học ở đó chứ?

- Thừa dì, thích lắm. Mỗi khi cháu trả lời đúng một câu hỏi giáo lý hay ngữ vựng cháu được cô cho một viên kẹo. Trong tủ sách cô có đầy kẹo, dì ạ.

- Ở Levenford có một trường rất đẹp. Dì tin là cháu sẽ thích học.

Ông ngoại dặng hắng:

- Kate, ba thấy trường con dạy gần đây cũng được chớ?

Đột nhiên, mắt dì Kate rời khung cửa sổ, dì quay phắt lại, nhìn ông vẻ bất bình gần như giận dữ nữa.

- Bà biết chứ: trường John Street chả ra cái quái gì hết. Phải cho nó đến Trường Trung học như chúng con chứ! Ở địa vị ba, không thể làm khác hơn.

- Có lẽ con có lý. Nhưng... (ông tôi nhìn xuống mũi giày) không cần phải cho nó vào học trước tam cá nguyệt thứ nhì. Con thử hỏi xem cháu học lớp mấy...

Dì Kate lắc đầu:

- Chưa phải lúc, nó nhọc mệt suốt ngày nay, đáng lẽ nó phải được nằm từ chiều kia.

Quay sang bà tôi, dì hỏi:

- Thừa mẹ, cháu ngủ với ai đây?

Bà tôi lúng túng, có lẽ vì bà chưa kịp nghĩ ra điều này. Bà vỗ vào trán:

- Xem nào... xem nào... Robert lớn rồi không thể ngủ với dì, ngủ với cậu thì được, nhưng giường Murdoch hẹp quá, nó lại hay lăn trở, nó dám hất con xuống đất lắm à. Với lại, cậu hay thức khuya dò bài... (với ông ngoại tôi). Này, mình! Má đi vắng, ta có thể cho nó ngủ trong phòng má tạm không?

Ông ngoại tôi lắc đầu quày quật:

- Tầm phơ! Má đã trả tiền phòng khá đắt, không có quyền dùng phòng má mà không có ý kiến bà. Vả lại, má sắp về rồi, mình biết mà.

Từ nãy, cậu tôi vẫn im lặng, cắm cúi ăn. Chốc chốc cậu quay sang đọc cuốn sách đặt cạnh đĩa, cậu cúi mũi vào sát cuốn sách cho đến nỗi tôi tưởng cậu đang hít mùi giấy. Bất ngờ, cậu ngẩng lên, giọng chắc nịch:

- Hãy để cháu Robert ngủ với ông ngoại được đó, mẹ ạ!

Ông ngoại tôi gật đầu song ánh mắt sa sầm lại khi nghe nhắc đến bố vợ. Vậy là vấn đề coi như giải quyết ổn thỏa. Phần tôi gần ngủ gật song tim cũng thắt lại và trở thành tỉnh táo khi nghĩ đến tai họa mới: đời tôi sẽ gắn liền với con người có cái mũi kỳ quặc trên kia?

Tuy nhiên, tôi đâu dám tỏ lời khiêu nại, vì quá mệt mỏi và vì sợ nữa. Hai mắt tôi riu lại sau đó, trong lúc dì Kate vẫy tôi lại gần và hỏi bà ngoại để lấy nước nóng rửa ráy cho tôi.

- Có đấy, nhưng nhớ đừng dùng nhiều quá, phải chừa cho mẹ rửa bát, con ạ.

Dắt tôi vào phòng tắm, dì tôi giúp tôi cởi áo quần, mặt dì đỏ lên, chắc dì xấu hổ vì thấy tôi trần truồng (!). Bồn tắm lát gạch men trắng đã ngả màu ngà chỉ chứa một ít nước chưa quá gối tôi.

Dì lấy xà phòng xát khắp thân mình tôi. Đầu nặng trĩu, mắt khô lại, tôi đứng yên cho dì kỳ cọ, rửa ráy, lau khô và mặc áo ngủ vào. Khép cửa phòng tắm, dì tôi lên lầu. Tôi như đi trong mơ.

Kìa, nơi đầu cầu thang, sừng sững giữa sương mù, sóng biển, con tàu hiện ra, cùng một lúc với ông cố ngoại tôi, ông giang hai tay đón tôi và ôm chặt vào lòng.

Chú thích.

(1) Một xu Anh.

Chương ba

Ngủ chung với ông cố tôi thật chả thú vị gì: ông ngáy ầm ầm, trăn trở trên cái giường nệm thụng chính giữa, ép sát tôi vô vách. Tuy thế, tôi vẫn ngủ rất ngon.

Cho đến khoảng gần sáng, tôi gặp một cơn ác mộng.

Tôi thấy cha tôi mặc áo ngủ dài, nghiêng mình trên bình dưỡng khí, một cái bình đồng nối liền với cái ống cao su đỏ. (Một người bạn của cha tôi đã chỉ cách trị liệu này sau khi tất cả thuốc men đều trở thành vô hiệu). Chốc chốc, cha tôi ngẩng phắt lên, đôi mắt nâu tinh quái nhìn thẳng mẹ tôi đang đứng cạnh và mỉm cười vui vẻ... Rồi viên bác sĩ lớn tuổi vẻ nghiêm nghị xuất hiện giữa phòng. Cùng lúc ấy có tiếng sấm nổ rền rền một con tuần mã có cái bờm đen tuyền, óng mượt bước tới. Tức thì cha mẹ tôi lên ngựa phi nước đại, bỏ lại mình tôi bơ vơ. Tôi tuyệt vọng, hai tay bưng lấy mặt khóc ròng.

Khi thức giấc, trán tôi lấm tấm mồ hôi, tim đập mạnh, tôi bị chói mắt do ánh sáng mặt trời tràn ngập trong phòng. Ông tôi kéo cửa sổ nghe ken két, quay lại hỏi:

- Ông đánh thức con? Dậy mau lên! Trời hôm nay tuyệt lắm, con ạ!

Trong lúc tôi thay áo quần, ông cố cho tôi biết là dì tôi đã đi dạy, cậu tôi đi xe buýt đến Winton học ở trường Trung học. Cậu tôi theo học tại đó và sẽ xin vào làm việc ở Ty Bưu Điện theo ý ông ngoại tôi. Khi ông ngoại tôi đến sở rồi thì ông cố và tôi sẽ được thông thả, tự do xuống nhà. Đầu óc non nớt của tôi bị lóa đi vì những cái nút đồng trên áo ông ngoại, tôi ngỡ ông ngoại có một chức vụ đặc biệt, đáng nể lắm. Song than ối! Tôi không khỏi thất vọng vì mấy lời của cố tôi:

- Đừng tưởng bỏ, Robert! Bộ đồng phục của rể ta oai vệ thật đó, nhưng hắn chỉ là thanh tra của sở Vệ sinh khu vực này. Chà! Rể ta cũng có tham vọng lắm chứ, lúc nào cũng mơ đến chức Giám đốc Thủy cục nhưng phận sự của hắn chỉ là...

Ông cố tôi ngừng lại, cười khùng khục đoạn tiếp:

- ... Chỉ là kiểm soát các thùng rác và nhà tiêu cho sạch sẽ, thế thôi!

Cửa phòng sịch mở, tiếng bà ngoại tôi vọng vào:

- Thế nào? Hai ông cháu hợp nhau chứ?

Trên khuôn mặt đầy lo âu của bà tôi, một nụ cười hé mở. Cố tôi và tôi đi xuống, giọng cố tôi lịch sự:

- Khá lắm, Hannah ạ! Cảm ơn con.

Cố tôi đến ngồi đầu bàn, chỗ của ông ngoại vẫn ngồi. (Sau này tôi mới biết rằng chỉ có bữa sáng là cố tôi dùng tại nhà dưới). Gian bếp ấm cúng, dễ chịu. Trên bàn ăn, chỗ cậu tôi đầy vụn bánh và vết bẩn.

Giữa ba thế hệ, tôi cảm thấy một sự thân mật khó tả nên lời. Bà ngoại mở hộp, múc cho cố và tôi vài muỗng sữa cao đoạn chế nước sôi từ một cái ấm đầy những lọ vào ly.

- Cha ối, cha có dắt cháu Robert theo sáng này không?

- Có chứ, con gái của ba.

- Con biết cha sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp con... (Bà ngoại ngần ngừ). Lúc đầu, mọi sự có vẻ khó khăn, nhưng nhờ ơn trên...

- Đừng lo lắng lắm, vô ích, Hannah ạ!

Cố tôi an ủi con gái và bưng sữa lên bằng cả hai tay. Bà ngoại nhìn ông tôi, mỉm cười nhưng tôi

biết bà tôi không vui về chi cả. (Về sau này, tôi mới biết rõ tình thương sâu đậm bà dành cho ông cố tôi).

Ông cháu ăn xong, bà ngoại ra khỏi phòng một lúc rồi trở lại với can chống và mũ cho cố, cả tập tài liệu dày cộm mà tôi thấy ông ghi chép hôm qua. Bà ngoại chải cẩn thận cái mũ cũ mềm của ông cố tôi, cột sợi dây đỏ trên xấp tài liệu thật chặt. Bà nói, giọng như nghèn nghẹn:

- Một người như cha đáng ra không làm công việc khiêm nhượng thế này, nhưng chắc cha hiểu rằng công việc này giúp đỡ chúng con nhiều lắm.

Cố tôi mỉm cười, nụ cười khó hiểu và đứng lên đội mũ, vẻ rất kiêu cách. Bà ngoại đưa cha và cháu ra tận cửa. Đến thềm, bà tôi nói nhỏ, giọng khẩn thiết:

- Cha nhớ lời hứa với con chứ?

- Hannah! Con cứ lo lắng chuyện không đâu...

Ông cụ cười dễ dãi và nắm tay tôi bước ra đường cái.

Chỉ một lát sau, ông cháu tôi đến trạm xe điện. Ông cháu tôi ngồi ở cạnh cửa sau, xe chạy về hướng Levenford. Tôi nắm chặt tay cố, cố tôi nheo mắt ra vẻ khuyến khích tôi.

- Xin quý khách mua vé! Xin...

Tôi nghe tiếng bấm vé tanh tách của bác soát vé cùng lúc với tiền loảng xoảng va chạm trong cái xắc bác ta đeo trên vai, song ông tôi không hề mảy may chú ý tới điều này; ông ngồi im như một pho tượng, như tâm trí đang bận nghĩ ở đâu đâu.

Người soát vé ngừng lại trước ông tôi, do dự. Ông tôi không nao núng chút nào, gã này ban đầu có vẻ ngạc nhiên, song sau đó nhận ra cố tôi, mỉm cười lúng túng:

- Chào bác Dandie!

Nói xong, anh ta còn nán lại một giây rồi mới đi qua. Tôi hết sức nể cố tôi, chao! Cố tôi có uy tín quá!

Đại lộ hiện ra và tôi nhận thấy Tòa Đô Sảnh nữa. Xe ngừng lại. Cố tôi chững chạc bước xuống. Hai ông cháu cùng đến một căn nhà có mấy bậc cấp cao.

Trên cái bảng đồng có hàng chữ đã mờ nhiều: "Duncan Mc Kellar – Đại Tung".

Phía dưới các cửa sổ ở hai bên cửa chính có treo 2 tấm bảng kẻ chữ vàng:

"Levenford địa ốc" và tấm kia: "Hãng Bảo hiểm Le Rocher".

Vào đến văn phòng, cố tôi bỗng mất hết vẻ hiên ngang mà trở thành khép nép. Tuy vậy, cố tôi cũng quay lại, nheo mắt với tôi một cách tinh nghịch khi thấy một phụ nữ cau có thò đầu ra ghi sê bảo cố tôi bằng giọng khó thương là ông Mc Kellar đang tiếp chuyện ông Thị trưởng, phải chờ. (Về sau này, tôi biết bà ta luôn luôn cau có với cố tôi và cố tôi cũng luôn luôn nhăn mặt khi thấy bà ta).

Năm phút sau cửa văn phòng mở, một ông đứng tuổi, da dẻ hồng hào, bộ râu đen mượt vừa đi vừa đội mũ, bước ra. Ánh mắt ông ta có vẻ xoi mói làm tôi bối rối, chợt ông nhíu mày và đến gần ông cháu tôi, hỏi nhỏ:

- Thăng bé đấy ư?

- Vâng, thưa ông Blair.

Ông râu mượt quan sát tôi một lúc lâu và tưởng như ông biết rõ hết cả mọi sự về tôi. Tôi run rẩy vì xấu hổ, tưởng như ông đang lần lượt ôn lại trong trí nhớ những thảm nhục, khổ sở tôi đã trải qua. Giọng ông dịu dàng:

- Con chưa có dịp làm quen với bọn con trai cùng tuổi, phải không?

- Thưa ông vâng ạ!

- Thằng Gavin của ta sẽ rất thích thú được kết bạn với con. Hôm nào con đến nhà ta nhé! Ở gần đây thôi.

Tôi cúi đầu do dự. Có nên trả lời là tôi chẳng ao ước kết bạn với Gavin Gaviết nào cả hay không? Tôi có biết mặt hắn đâu? Hắc ác hay hiền? Ông ta đứng im một giây, sờ cằm rồi cúi chào cổ tôi, đi ra.

Văn phòng ông Mc Kellar cũ kỹ nhưng xinh đẹp, một cái bàn giấy lớn bằng gỗ đào tâm, thảm lót dày có vẽ hình màu đỏ êm mướt dưới chân, nhiều cúp bạc đặt cạnh lò sưởi: trên tường màu xanh có treo những tranh và ảnh của các nhân vật quan trọng. Ông Kellar ngồi trên một cái ghế dựa chân xoay. Không ngẩng lên, ông hỏi cổ tôi:

- Công việc xong rồi chứ bác Dandie? Hay là sắp bị cô nào lôi ra tòa đó?

Ông vừa ngẩng lên, nhận thấy tôi, tức thì ngưng câu nói đùa. Ông ta cao lớn khoảng tuổi, ăn mặc chải chuốt, mặt hồng hào, râu cạo nhẵn, tóc dày. Tia nhìn sắc sảo song lương thiện, mày rậm và nhạt màu.

Đón xấp tài liệu trên tay cổ tôi, ông liếc nhanh lên đó, mím môi và gật gù ra dáng hài lòng:

- Chúa ơi! Bác Dandie! Chữ bác thật chẳng khác chữ in. Thật đáng tiếc là bác đã không thành công trên đường đời như trong nghề chép ghi này.

Cổ tôi cười nhạt:

- Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, ông quên sao, ông Mc Kellar? Tôi thành thật cảm ơn ông đã giúp tôi có việc làm ăn, ông Kellar ạ.

Ông Kellar ghi thêm một con số vào cuốn sổ đặt sẵn giữa bàn giấy, nói:

- Tôi ghi thêm số tiền này vào sổ nợ cũ còn thiếu bác. Cuối tháng bác sẽ đến lãnh chi phiếu nhé? À! Thằng bé đến rồi đấy ư?

- Vâng! Cháu mới đến hôm qua.

Kellar dựa ra lưng ghế quan sát tôi có vẻ kỹ hơn cả ông Blair. Rồi hình như ông cảm thấy thành kiến của ông về tôi sai lầm, ông tặc lưỡi một cái, thì thầm:

- Cảm ơn Chúa! Thằng bé xinh xắn làm sao chứ! Vậy mà phải chịu bao nhiêu thảm khổ, tội nghiệp biết chừng nào!

Sau một giây suy nghĩ, ông móc túi lấy ra một nắm tiền lẻ, chọn một đồng Shilling (1) đưa cho cổ tôi:

- Đây bác Dandie, để bác mua cho cháu nước ngọt. Thôi, bác về nhé! Cô Glennie sẽ đưa cho bác tài liệu khác, về chép thêm hộ tôi. Tôi còn công việc bù cả đầu lên đây.

Ông cháu tôi khoan khoái rời văn phòng, cổ tôi vươn vai thở mạnh như để thưởng thức làn gió mát ban mai. Khi xuống hết bậc thềm chót, ông chỉ cho tôi thấy hai cô bán đồ máy. Một cô trẻ hơn cao lớn, da sẫm, tóc hung, màu hung nóng bỏng của xứ Tô Cách Lan: hàng hóa đội trên đầu, dáng đo ưỡn ẹo, mông đong đưa, bộ ngực nảy nở. Cổ tôi nói bằng giọng thần phục:

- Nhìn xem con! Thật là một bức tranh linh động, đáng yêu vào buổi sáng thu trời đẹp như sáng hôm nay... Đáng chiêm ngưỡng quá!

Tôi chẳng thấy có gì đáng yêu, đáng chiêm ngưỡng như lời ông cổ vui tính của mình. Phần khác, những điều vừa xảy ra trong văn phòng Mc Kellar làm tôi lo âu trước viễn tượng đen tối của đời tôi: như thể tôi luôn luôn gây ra sự tò mò, thắc mắc cho mọi người.

Trên đường về, tôi chỉ cố ý tìm cách giải thích điều này. Tại sao mọi người nhìn tôi như nhìn một quái vật? Sao họ thay đổi thái độ khi gặp tôi? Sao họ cứ lắc đầu khi nhìn tôi? Tôi có gì khác họ đâu?

Với số tuổi lên tám, tôi làm sao hiểu được rằng dân chúng cái tỉnh lị nhỏ này đều óc họ đầy thành kiến, nên họ không tán thành cuộc hôn nhân của cha mẹ tôi. Mẹ tôi vốn là một thanh nữ xinh đẹp giỏi giang, mẹ tôi có thể chinh phục bất cứ ai... Thế mà, bà lại hạ mình đi yêu và thành hôn với cha tôi, một người Ái Nhĩ Lan khi đôi bên gặp nhau vào một mùa hè. Cha tôi, một người ngoại quốc xa lạ, không rõ tông tích, làm việc tại một hãng trà, địa vị tầm thường, không có gì đáng để ý. Theo họ thì cha tôi chỉ có chút ưu điểm là lịch thiệp, vui vẻ, xinh trai. Mà mấy cái đó không có lợi ích thiết thực gì hết. Không ai cần để ý rằng cha mẹ tôi đã sống nhiều năm trong hạnh phúc.

Vì vậy, cái chết của mẹ tôi đi kế liền sau cái chết của cha tôi được dân tỉnh này cho là một hình phạt thích đáng và chuyện tôi phải sống nhờ, ăn bám vào bên ngoại là một bằng chứng hiển nhiên tỏ ra ông trời cao vẫn có con mắt tỏ tường đây chứ không phải lơ mơ.

Ông tôi dắt tôi đi dạo trên con đường cạnh bờ hồ độ nửa giờ rồi vào làng Drumbuck. Làng xinh xắn thu mình dưới chân đồi, một con sông nhỏ chạy quanh dưới hai cầu đá. Chúng tôi đi ngang một hàng bánh kẹo mà lại mang bảng hiệu: "Tibbie Minns, bán thuốc lá có giấy phép!".

Rồi đến một căn nhà tranh, cửa để mở, tôi thấy một bác thợ dệt cặm cụi làm việc. Phía trước là một bác đóng móng ngựa, mang tạp dề da lom khom đóng móng một con ngựa bạch. Sau lưng bác ta, lò rèn đỏ rực, mùi sừng cháy lừng lờ trong không khí.

Xem ra cổ tôi quen biết hết mọi người trong làng này, cả đến anh hàng rong đẩy xe chất đầy vật dụng linh kính và người đàn bà vui vẻ rao, giọng kéo dài:

- Đại hoàng đây! Mút đạ...ại hoà...àng đây!

Với tất cả mọi người cổ tôi đều dừng lại chào hỏi rất là niềm nở, thân mật. Cổ tôi quả là một nhân vật quan trọng, rất quan trọng, tôi tự nhủ.

- Mạnh khỏe chứ? Anh?

- Bác cũng thế hử? Bác Dandie?

Một gã đàn ông béo phệ đứng nơi thềm lữ quán Arms chào cổ tôi một cách nồng nhiệt làm ông phải dừng lại, giở mũ ra lau mồ hôi trán, vẻ mặt hớn hở lạ thường.

- Con đừng quên nước ngọt nhé?

Cổ vào trong, còn tôi thì ngồi xuống bậc thềm nóng rực vì nắng đốt từ sáng đến giờ. Một đàn gà trắng đang hồi hả mổ thóc ngoài sân, bên bụi râm. Tôi tận hưởng sự êm ả, vắng vẻ của giờ trưa cùng một lúc quan sát kỹ bà Minns, chủ hàng bánh kẹo. Bà này cũng đang tò mò nhìn tôi qua khung cửa kính xanh cũ kỹ của cửa hàng, bóng bà lơ mơ do thủy tinh làm biến dạng, khiến tôi nghĩ đến một quái vật nho nhỏ của bể sâu đang bơi trong cái hồ nuôi cá.

Giữa lúc đó, cổ tôi mang ra cho tôi cốc "limonade". Chắt nước này vừa ngọt vừa the the làm tê đầu lưỡi tôi và mát xuống tận cổ họng, tôi thích quá. Rồi cổ tôi trở lại với đám người đang uống dưới bóng mát của lữ quán. Nom họ đều có vẻ quan trọng. Cổ tôi thì nốc một hơi hết ly rượu nhỏ và sau đó cổ uống từng ngụm bia trong cái ly to sủi bọt, và tôi đoán rằng cổ tôi phải uống như thế mới đầy được chất rượu vàng đặc lúc trước xuống.

Tôi bắt đầu chú ý đến tiếng la hét của hai đứa bé gái đang chơi nhảy vòng trên bãi cỏ công cộng phía bên kia đường, trước lữ quán. Biết rằng cổ tôi còn bận trò chuyện lâu với đám người ở lữ quán, tôi đứng lên thông thả băng qua đường. Lũ con trai cùng tuổi tôi, không được tôi chú ý mấy, vì ở trường học do cô Barty chỉ có toàn con gái nên tôi cảm thấy dễ chịu và thích làm quen với con gái hơn.

Trong khi bạn mãi chơi, một đứa lại ngồi trên băng đá, nó mặc một cái váy kẻ ô vuông có dây

quàng trên vai và nó bằng cỡ tuổi tôi. Con bé hát lên khe khẽ, tôi lắng nghe nhưng không thèm nhìn, chỉ đến ngồi đầu băng kia, sẫm soi vết sưng trên đầu gối. Bài hát đã chấm dứt, im lặng như cũ. Rồi như ý tôi mong muốn, đưa con gái nhìn tôi, có vẻ thân thiện:

- "Ấy" biết hát không?

Tôi buồn bã lắc đầu, tôi chưa hề thuộc một bài hát nào cả, chỉ nhớ loang loáng mấy câu trong một bài hát cha tôi đã cố công dạy tôi, trong đó nói về một cô gái đẹp chết trong cảnh thảm nhạc. Song tôi thích chơi với con bé này và không muốn cho câu chuyện nhạt đi, tôi hỏi:

- Vòng bằng sắt phải không?

- Chớ sao! Không bằng sắt thì bằng gì?

Con bé kia hướng cái vòng về phía chúng tôi, tôi lại hỏi:

- Chị "ấy" đó hả?

Con bé mỉm cười, vẻ dịu dàng dễ thương hết sức:

- Không đâu. Louisa là chị bà con của tôi, chị ấy ở xa đến chơi đó. Tôi là Alison Keith. Tôi ở với mẹ tôi đằng kia kìa.

Nó chỉ tay về phía cuối làng, nơi có ngôi nhà đồ sộ bị một phần cây cối che khuất. Tôi cho là Louisa thuộc thành phần khá giả hơn mình, nên khi nó tiến lại gần chúng tôi, tôi đón nó bằng nụ cười dè dặt. Thật vậy, Louisa chặn cái vòng sắt dừng lại một cách tài tình, vừa thở vừa nhìn tôi, cất giọng kể cả:

- Ê! Mày ở đâu chui ra đó? Hở?

Nó vào khoảng 11 hay 12 tuổi chi đó, dáng bộ kiêu hãnh thêm khi nó hất mớ tóc vàng óng ả ra sau lưng. Tôi hiểu ngay là nó muốn thị oai với tôi và con em họ. Tôi trả lời:

- Tao ở Dublin! Tao mới đến đây ngày hôm qua.

- Chà! Dublin! Ngon quá ta! Ở thủ đô Ái Nhĩ Lan. Mày sinh ra ở đó hở?

Tôi gật đầu, thầm hãnh diện vì được chú ý. Nó lại gặng:

- Mày là dân Ái Nhĩ Lan hở?

- Tao vừa là Ái Nhĩ Lan vừa là Ê-cốt.

Giọng đầy tự tin, tôi trả lời. Những ngờ nó sẽ nể mình, ai ngờ nó khinh khỉnh thêm:

- Ê! Tao thấy chuyện này hơi... kỳ cục: không thể được!

Giọng nó lạnh lạnh thêm:

- Mày không thể là hai một lần, mày chỉ có thể là...

Bất ngờ, nó ngừng lại, nhìn tôi dò xét làm tôi hơi gờm gờm... và cuối cùng, nó lại hỏi, giọng kể cả:

- Mày đi lễ nhà thờ nào?

Nhà thờ nào? Tôi mà không biết mình đi nhà thờ nào ư? Tôi định trả lời thẳng là tôi đi nhà thờ Dominique thì chợt ánh mắt nó làm tôi chùng lại, tôi trả lời lửng lơ:

- Tao đi lễ trong một nhà thờ như mấy nhà thờ khác, có gác chuông thật cao. Nhà thờ ở gần nhà tao ấy!

Tôi đã bắt đầu lo lo, muốn chấm dứt câu chuyện ngay, vì nó làm tôi bối rối. Tôi nhảy lò cò trên băng đá, rồi biểu diễn trò nhào lộn, trở tài đến những ba lần liên tiếp. Vậy mà, than ôi! Khi tôi đứng lên, mặt đỏ bừng vì mệt, Louisa vẫn không tha cho, nó tiếp tục nhìn tôi bằng cái nhìn soi mói rất là khó chịu.

Rồi với một sự độc ác (độc ác rất vô tâm của trẻ con) nó bảo tôi:

- Tao nghi lắm: mày là người Thiên Chúa giáo, đúng không?

Và nó cười lém lỉnh. Tôi càng đỏ bừng mặt, ấp úng:

- Ai nói mà mày biết rõ như vậy?

- Cần gì phải có ai nói, tự nhiên tao biết à!

Tôi khổ sở cúi gầm mặt nhìn mũi giày rách của mình, Alison dường như cũng ái ngại cho tôi mà không dám mở miệng nói gì cả.

Louisa lại hất mái tóc óng ả ra sau, tươi cười như không:

- Bây giờ mày về đây ở hẳn?

- Phải! – Tôi lí nhí đáp và thêm – ba tuần nữa tao sẽ vào trường Trung học.

- Ý cha! Alison cũng học ở đó. Chúa ơi! Tao cá là mày sẽ không giống bất cứ một đứa nào hết, phải không Alison?

Alison bối rối cúi gầm mặt, lắc đầu. Mắt tôi cay sè. Con bé tai ác cúi nhặt cái vòng, cười hí hỏn:

- Thôi, đến giờ ăn trưa rồi, về Alison!

Và quay sang tôi, ném một cái nhìn mỉa mai khinh thị:

- Đừng có làm bộ khổ sở. Mọi người sẽ tốt đẹp nếu mày đã nói thật với tao.

Alison nhìn tôi bằng hai mắt chứa chan cảm tình, tuy nó chẳng dám mở miệng nói câu nào để bênh tôi.

Còn tôi, từ phút ấy tôi lại thêm mối lo ngại mới: đã mồ côi, tôi lại khác tôn giáo với mọi người ở đây, tôi sẽ ra sao?

* * *

Trong lúc tôi đứng nhìn theo hai đứa con gái, nước mắt rưng rưng thì cổ tôi cất tiếng gọi to từ bên kia đường. Nét mặt hớn hỏ, cổ tôi trêu tôi:

- Robert, ta xem ra con có số đào hoa đấy. Có phải con bé Keith đó không?

- Thừa cố, vâng.

Cổ tôi vỗ vai tôi, thân mật:

- Gia đình nó khá lắm. Cha nó là một sĩ quan hàng hải, thuyền trưởng à! Ông ta chết rồi. Bà vợ đẹp lắm, nhưng phải cái yếu đuối, chà!... Bà ta đàn dương cầm không chê. Con nhỏ đó thì hát như chim. Tốt lắm! Kết bạn với nó tốt... Ừa, Robert, con làm sao vậy?

- Thừa cố, không sao cả.

Cổ tôi tặc lưỡi một cái rồi thản nhiên huýt sáo vang lên. Giọng ông trầm bổng, hay lắm, nhưng tôi không vui được.

Về gần đến nhà, cổ tôi lại hát nho nhỏ:

- Tình yêu ta nồng thắm như đoá hồng nhung, vừa nở vào tháng sáu...

Song rồi ông chợt ngưng lại, dặn tôi:

- Này Robert! Đừng nói với ngoại con là cố và con đi uống nước nghe không? Ta không muốn con gái ta lo lắng tầm phơ. Nó hay lo lắng tầm phơ, hiểu chưa?

Chú thích.

Shilling: một hào Anh, bằng 12 pence.

Chương bốn

Lúc đầu tôi có cảm tưởng là ông ngoại muốn tách rời tôi với những người trong nhà. Tôi thường chỉ được gặp ông vào buổi tối, vì các giờ khác ông bận đi xem thợ tháo một ống lò, đi kiểm soát phẩm chất sữa, nên ít khi về dùng bữa trưa. Ông đúng là gương mẫu của sự cần mẫn, ngay buổi tối cũng ít khi nghỉ ngơi, ngồi trên ghế, ông xem xét các báo cáo hệ thống đúc chì hoặc các phẩm vật hư thối. Chỉ vào tối thứ năm, ông đến dự buổi họp hàng tuần của công ty Bất động sản Levenford.

Cậu Murdoch ở lại trường suốt ngày. Buổi chiều, cậu nán lại bàn ăn khá lâu. Đôi khi cậu có vẻ muốn bắt chuyện với tôi.

Tôi thấy cậu bày sách vở lên bàn và bắt đầu học một cách miến cưỡng, đáng bộ cậu rất uể oải. Dì Kate thì luôn luôn lăm lăm, ít nói tuy dì có mặt trong buổi ăn trưa. Buổi tối ít khi có mặt dì trong phòng khách, nếu không đến thăm một cô bạn thân thì dì rút lui vào phòng sửa bài hoặc đọc sách. Tôi thường nhìn vầng trán cao và hơi vồ của dì nhăn nhúm và tự hỏi phải chăng dì cũng có điều gì bất mãn hoặc khổ sở trong lòng?

Bà ngoại – mà tôi gọi bằng mẹ từ đây – thì bận bịu vô số công việc.

Do lẽ đó mỗi ngày tôi càng chịu ảnh hưởng của ông cố tôi trong lúc rảnh rỗi chờ đợi ngày nhập học.

Cố tôi, ngoài việc ghi chép, không phải làm gì khác, luôn luôn cố tôi kêu ca rằng tôi là gánh nặng của thân ông; tuy vậy ông không hề chê sự bầu bạn với tôi. Hầu như tất cả những xế trưa trời tốt, ông đều dắt tôi đi xem đá bóng ở sân vận động.

Những lần khác, cố dắt tôi đến thư viện thị xã hoặc đến xem đội lính cứu hỏa của Levenford tập dượt (và luôn luôn họ bị ông chỉ trích).

Một hôm thừa dịp Parker, chủ tàu vắng mặt, cố tôi dắt tôi đi một vòng tàu miễn phí trên hồ trong công viên, thật vui.

Chỉ ngày chúa nhật là ngày trống rỗng đối với tôi. Chương trình ngày ấy khác hẳn. Hôm đó, mẹ tôi dậy sớm hơn thường lệ và sau khi mang tách trà vào phòng cho ba, mẹ tôi cho thịt vào lò nướng và soạn áo jaquette với quần có sọc cho ba.

Sau đó, cả nhà xôn xao vì sửa soạn quần áo tề chỉnh đi lễ. Dì Kate mặc váy mới lên xuống cầu thang cả chục lần. Mẹ tôi thì cố hết sức để nông đôi găng tay co lại sau khi giặt vào đôi bàn tay chai ngắt vì công việc hằng ngày.

Rồi đôi khi, vào phút chót, cậu Murdoch thò cái đầu chưa chải nơi cầu thang, hỏi vọng xuống: - Mẹ! Mẹ để bút tất sạch của con đâu?

Trong khi ấy, ba mặc áo cổ cồn cao và cứng tưởng có thể suốt cả da, đi tới đi lui ngoài hành lang, chốc chốc lại nhìn vào đồng hồ tay, nhắc mãi một câu:

- Chuông sắp đổ rồi, một phút nữa thôi đó nghe!

Tôi hiểu rằng hơn bao giờ hết, không nên làm vướng chân ông bà dì cậu, nên tôi ở yên trong phòng cố tôi cho tận khi nào nghe tiếng chuông đổ dồn dập xa xa trong buổi mai vắng lặng.

Hình như tôi vừa yêu lại vừa ghét những hồi chuông này, vì nó làm tăng cái cảm tưởng mình là người đơn độc, lạc loài.

Cố tôi không bao giờ đi lễ, cố không quan tâm đến tín ngưỡng song tôi (lúc ấy còn quá nhỏ để có thể hiểu) tôi nghĩ rằng bởi cố tôi không có áo quần tốt mà thôi.

Khi cả nhà đi dự lễ ở nhà thờ Tin lành, nơi có cả ông Thị trưởng và những vị tai mắt khác cùng đến, cổ tôi nháy mắt với tôi; thế là hai ông cháu qua thăm bà Bosomley, láng giềng của chúng tôi.

Bà này là quả phụ của một người hàng thịt, nghe đâu như lúc trước bà là đào hát của một đoàn ca kịch và đã nổi tiếng nhờ vai trò Joséphine trong vở "Người yêu của Hoàng Thượng". Thân mình phốp pháp, tóc nâu uốn cong, mặt tròn vành, da dẻ hồng hào, nom bà trong ngoài tuổi 50. Mỗi khi bà cười đôi mắt hiền từ híp lại chỉ còn hai khe nhỏ.

Đôi khi nhìn qua hàng rào tôi nom thấy bà đi lại trong khu vườn nhà, chú mèo vàng có tên là Miikado leo đèo theo sau. Rồi đột nhiên bà dừng lại, sửa điệu bộ, trình trọng đọc to lên một đoạn thơ. Có lần tôi nghe rõ ràng bà ngâm lớn:

- Hãy chiến đấu cho năm mỡ của tổ tiên!

Hãy chiến đấu cho quê hương yêu dấu!

Thực ra, Levenford không phải là quê hương của quả phụ này. Tụi bạn học tôi kháo nhau rằng bà không phải kịch sĩ có tài, bà chỉ góp mặt trong một gánh xiếc nhỏ và bà có xăm bụng! (ghê quá!). Ngoài ra không ai biết rõ nguồn gốc bà. Mà thôi, tôi sẽ có dịp kể rõ về bà sau này. Bây giờ, tôi chỉ cần kể cho bạn biết về sự tiếp đãi rộng rãi của bà đối với ông cháu tôi, khác hẳn sự hà tiện kỳ quái ở nhà – hay nói rõ ra là nhà ông bà ngoại.

Trong khi cổ tôi và bà uống café ở gian trước, luôn luôn bà nhớ mang ra cho tôi cốc sữa ngọt kèm với bánh xăng uýt ngon lành.

Điều làm tôi kinh ngạc thật tình là khi thấy bà hút thuốc, vì đó là lần đầu tôi biết một phụ nữ phì phèo trên một điếu thuốc lá. Và dù nhiều năm trôi qua, tôi còn nhớ rõ nhãn hiệu trên bao thuốc màu xanh: Phong thảo.

Khoảng xê xế, ba tôi cởi áo ngoài, nới cà vạt nằm ngủ trên ca na bé trong phòng khách, dì và cậu đi dạy giáo lý đằng nhà thờ, cổ tôi lại kín đáo ra hiệu.

Thế là hai ông cháu lên đường, rời khỏi bầu không khí uể oải sau bữa ăn trưa. Qua khỏi công viên một đoạn, đến ngã rẽ, cổ tôi dừng lại, vẻ tự tin, đứng bên rào, thứ hàng rào bằng cây dâm bụt bao quanh vườn cây ăn trái của ông Dal.

Vườn rộng và thật đẹp, nơi cổng treo cái bảng tróc sơn như sau: "A.Dalrymphe, trồng tía rau và trái cây". Những hàng cà rốt xen kẽ với những hàng cải trắng, cải đỏ. Trong vườn, những cây lê, cây bon sai oằn trái. Cổ tôi nhìn trước, nhìn sau như thể cố ý tìm kiếm, ai đó, kêu lên bằng giọng buồn bực:

- Tiếc chưa! Ông chủ tốt bụng lại vắng nhà rồi.

Và quay lại, cổ đưa mũ cho tôi, tôi nở nụ cười rất dễ thương:

- Robert! Con chui qua rào đi, không cần vào cổng chính. Hái loại "lê bơ" ấy nhé, mấy trái đó ngon nhất. Và nhớ khom lưng xuống một tí.

Theo đúng lời chỉ dẫn của cổ tôi, tôi chui vô vườn, hái đầy mũ những quả lê vàng mọng trong khi ông đứng ngoài canh chừng, miệng hát nho nhỏ, hết sức ung dung.

Rồi khi tôi ra khỏi vườn cũng bằng cách đó, hai ông cháu vừa cắn những quả lê giòn tan, ngọt lịm, nước chảy dài ướt cả cằm, thì mười lần như một, cổ bảo tôi với giọng nghiêm trang:

- Có chú Dal ở nhà coi, chú dám cho ông cháu ta đến trái cuối cùng ấy chứ! Tội nghiệp chú! Chú thương ông lắm. Robert ạ!

Tôi không bao giờ ngạc nhiên về ông chủ vườn tốt bụng, vắng mặt này. Thật ra, là đứa trẻ trầm mặc, u buồn, thế nhưng phải công nhận rằng bên cạnh cổ, tôi luôn luôn được thích thú; tu

nhiên niềm vui ấy chỉ lóe lên một chút rồi tắt ngấm như tia nắng của buổi chiều tà. Cố tôi được mọi người niềm nở nhưng lũ trẻ thì luôn luôn trêu chọc rất hỗn láo. Chúng không phải là học sinh Trung học như Gavin Blair mà có bạn ông chỉ cho tôi. Chà! Lần đó tôi đỏ mặt lên vì rụt rè – Chúng là bọn trẻ trong làng, thường tụ tập nơi cầu tàu để lấy mũ vớt cá lia thia và đùa nghịch.

Mỗi lần thấy ông cháu tôi, chúng nhìn chăm chăm vào cổ tôi một cách xác xược rồi hét lên:

- Lão hề Gow đây này! Hỏi lão coi cái mũi góm ghieếc kia lão nhặt ở đâu ra?

Tôi xấu hổ ghê gớm, nhưng cổ tôi thì vẫn tỉnh như không. Lúc đầu, tôi vờ như không nghe gì hết, nhưng sau tò mò quá, tôi liền hỏi cổ:

- Ông ơi! Sao mũi ông to thế, hở ông?

- Tại ông đánh nhau với tụi Zoulous, Robert!

Cố tôi im lặng một giây rồi trả lời với giọng hãnh diện. Tôi sung sướng, không xấu hổ nữa mà chỉ tức giận lũ trẻ ngu dốt kia. Tôi kêu lên:

- Ông ơi! Ông kể cho cháu nghe chuyện ông đánh tụi Zoulous đi! Cháu thích nghe!

Cố tôi có vẻ do dự, nhưng rồi cũng nói:

- Này! Robert! Ông không thích khoe khoang, đó là một thói xấu. Song cháu đã nằn nì, thì đây... Vậy là tôi đi cạnh ông, kinh ngạc, say sưa, hồi hộp, thích thú nghe câu chuyện của ông: một chiếc tàu chiến chở đầy lính từ từ rời bến giữa tiếng than khóc của vô số phụ nữ xinh đẹp, rồi bí mật cập bến, một bờ biển nắng cháy.

Trong hàng ngũ của Lữ đoàn thiện chiến Tô Cách Lan tên "Bạch Mã" đó, có một sĩ quan anh dũng, dưới quyền Đại Tá Dougal. Sĩ quan ấy được thăng chức nhanh chóng nhờ trận đánh hào hùng với bọn Matabele. Về sau ông ấy được Đại Tá rất tin cẩn và trở thành cánh tay mặt của Đại Tá. Một lần kia, Lữ đoàn bị vây hãm. Thế rồi...

Tôi nín thở theo dõi viên sĩ quan trong bóng đêm: hai súng lục trong hai tay, miệng ngậm thêm một dao găm, ông ta bò rạp mình trên vách đá lởm chởm. Khi ông tôi – vâng! Sĩ quan đó chính là ông tôi – sắp thoát ra khỏi vòng vây thì bỗng mặt trắng – kẻ phản trắc – ló ra khỏi đám mây. Thế là trong một nháy mắt, bọn man rợ lao đến tấn công ông tôi... "Bằng! Bằng! Bằng!"... liên tiếp, ông tôi nhả từng loạt đạn, rồi ông tôi dùng dao chống cự. Từng cái xác đen ngòm đầm máu nằm la liệt quanh ông tôi... Rồi sau cùng, ông thối còi hiệu tức thì con ngựa kim yêu quý, con ngựa rất khôn ngoan của ông xuất hiện ngay giữa bóng đêm. Lộc cộc, lộc cộc, giòn giã, gấp rút, tôi như nghe tiếng vó ngựa vang dội bên tai, tiếng ngựa phi nước đại mới hấp dẫn làm sao! Bọn Zoulous khát máu đuổi theo bén gót, tên bay rào rào, veo véo, song rốt cuộc ông tôi thoát được, dù người kiệt sức vì mất nhiều máu quá, ông nằm rạp trên lưng con tuấn mã khôn ngoan trở về đồn...

- ... Mầu cò được cứu thoát!

Cố tôi kết luận, tôi thì thở phào nhẹ nhõm. Mắt tôi sáng ngời vì hãnh diện và thán phục cố tôi.

- Cổ ơi! Cổ bị thương nặng lắm hả?

- Còn phải hỏi! Ông như tắm giẻ nhúng máu vậy đó. Robert ạ!

- Vì vậy nên từ đó mũi cổ...

- Cháu rất thông minh, quả đúng như cháu nghĩ:

Một mũi tên tẩm độc được cắm giữa mũi cổ.

Cố tôi gật gù bằng bộ dạng hết sức trang trọng, nói. Đoạn cổ kéo mũ sụp xuống một chút cho đỡ chói nắng, thêm:

- Chính Hoàng hậu đã tỏ lời khen ngợi ông trong khi Ngài gắn huy chương cho ông, tại Balmoral (ông xoa xoa lên mũi). Mà này, đừng gọi ông cố nữa nghe! Gọi là ông, nhớ chưa? Tôi dạ một tiếng, nhìn ông vô cùng khâm phục và thương yêu ông thập bội. Ông cố tôi phi thường quá, anh hùng quá! Nữ hoàng ban khen là phải. Trên đường về tôi nắm chặt tay ông tôi hơn. Trời ơi! Giá lúc đó có tôi thì tuyệt biết chừng nào!

Về đến nhà, mẹ tôi đang đọc một bưu thiếp. Bà quay lại nói:

- Bà sẽ về ngày mai. Được thấy con ở đây, bà sẽ vui lắm, Robert!

Tôi thần nhiên đối với tin ấy, nhưng ông tôi thì khác hẳn, ông phản ứng bằng cách nhăn mặt khó chịu như phải nuốt viên thuốc đắng không bọc đường rồi lặng lẽ lên lầu không thốt nửa lời. Mẹ tôi hiểu ý cha, ngẩng lên nhìn ông, hỏi với giọng âu yếm:

- Con mang nước trà lên lầu cho ba nhé? Cha muốn dùng thêm chút trứng chứ?

- Thôi! Hannah, thôi! Nghe tin này thật cha chẳng còn lòng dạ nào mà uống trà, ăn trứng nữa, con ơi!

Vị anh hùng của Lữ đoàn Bạch Mã, cánh tay phải của Đại Tá Dougal, vị sĩ quan anh hùng, kẻ thù đáng sợ của bọn Zoulous bỗng mất hết anh hùng khí, oai dũng trong nháy mắt. Ông tôi bước vào phòng, buông mình trên ghế dựa, lò so kêu lên ken két dưới sức nặng của ông.

* * *

Dù phản ứng của ông tôi khác lạ như thế, tôi vẫn không có gì lo lắng nếu không muốn nói là rất vui. Hôm sau, vào buổi chiều thứ bảy, tôi nghe có tiếng xe ngựa mà tôi hết sức mong đợi ngừng trước thềm. Tôi đang nôn nao nên vội chạy ù ra cửa sổ, nhìn xuống.

Bà cố tôi – mẹ của ông ngoại – hơi cúi đầu, một tay thận trọng kéo váy bước xuống xe, một tay xách cái ví đen có đính hạt trai. Khi bà tôi trả tiền xe hình như người đánh xe không bằng lòng sao đó, bác ta giơ cả hai tay lên trời để phản đối, song cuối cùng, bác ta cũng chịu thua, lăm lè vác mấy va li vô nhà.

Ông tôi không báo cho tôi biết một lời đã bỏ đi chơi từ lúc nào rồi, thật bất ngờ. Dì Kate và cậu Murdoch lễ phép đón bà trên thềm cửa. Mẹ thì kêu to:

- Robert đâu? Ra giúp bà mang va li lên lầu nào !

Giữa sự rộn rịp đó, tôi đem những hành lý nhỏ, gọn lên lầu. Thỉnh thoảng, tôi nhìn trộm bà cố và nhận thấy bà cao lớn hơn cả ông ngoại, khuôn mặt dài, vẻ cương nghị, da nhăn nheo. Trên đầu bà phủ một chiếc mũ, áo choàng đen tra những đườn ren trắng toát. Tóc rẽ giữa vẫn còn giữ được màu nâu.

Trong lúc rối rít kể lại những điều xảy ra trong cuộc hành trình, bà để lộ hàm răng vàng quá to, gây khó khăn cho miệng bà không ít.

Cánh cửa bí mật trên lầu đã được mở ra, rồi trong khi bà cố còn nán lại uống trà ở dưới nhà, tôi tự do quan sát căn phòng mà lâu nay sự tò mò đã dày vò tôi không ngớt. Tôi ngồi dạng hai chân trên cái va li được đặt trước cửa ra vào, ngó quanh phòng, thăm thán phục sự ngăn nắp và sạch sẽ tại đây. Lại nghe thoang thoang mùi long não và sáp. Dưới sàn gỗ có trải hai tấm thảm hình ô van nom như hai hải đảo trên mặt bể.

Giữa hai tấm thảm là cái giường đồ sộ bằng gỗ đào hoa tâm, chân giường chạm trổ công phu và rèm giường cũng như khăn trải giường tất cả đều được thêu tỉ mỉ.

Dưới gầm giường, trong một góc kín đáo đặt cái ống phóng bằng đồng sáng loáng, trong góc

phòng có một máy may. Gần khung cửa sổ, một ghế dựa đong đưa khả ái. Trên tường treo ba tấm tranh lộng lẫy: "Samson phá hủy đền thờ", "Cuộc vượt bể Đỏ" và "Sự phán xét cuối cùng". Bên cánh cửa, tấm khung gỗ trầm nom như một tấm nắp mộ, là một bài điếu văn in trên giấy viền đen mang tựa đề "Ngày vinh quang" ca ngợi Abraham đã gọi Samuel Leckie trở về nước Chúa, mặc dù là như thế, vợ ông (tức là bà cố tôi) hết sức đau buồn.

Chợt, tôi nghe tiếng bước chân bà từ từ chậm rãi bước lên cầu thang, tôi theo bà vào phòng. Bà tỉ mỉ xem xét mọi vật trong phòng để biết có bị xê dịch chi chăng?

Và rồi, bà lắc đầu tỏ ý bất mãn. Đoạn bà mở túi hành trang lấy ra hộp kính đeo mắt, cuốn Thánh Kinh, vài lọ thuốc, và đặt tất cả lên bàn ngủ một cách trịnh trọng. Bàn ngủ phủ tấm khăn ren. Sau rốt bà quay lại nhìn tôi, hỏi bằng giọng hơi cứng cứng của người ở vùng quê:

- Trong lúc bà đi vắng cháu ngoan chứ?

- Thưa bà, vâng.

- Tốt lắm! Bà rất bằng lòng.

Và giọng bà thân mật hơn:

- Có cháu đây, cháu hãy giúp bà thu dọn lại cho ngăn nắp. Thực bực mình, hể mà bà rời cái phòng này một ngày là y như có người làm lộn xộn liền.

Tôi vâng lời, giúp bà mở các va li và nhìn bà sắp những áo quần phẳng phiu, thẳng nếp vào tủ. Vừa làm việc bà vừa khuyên nhủ tôi rằng: " Sự sạch sẽ đưa ta đến con đường đạo đức" rồi bà đưa cho tôi một cái khăn mỏng bảo đi lau các chân giường bằng đồng và các vật trong phòng. Còn bà, bà dùng cái chổi lông gà vừa lôi trong tủ ra phúi bụi bám trên mấy conchó bằng sành đặt ở lò sưởi. Hình như bà rất hài lòng về cách làm việc của tôi nên bà tỏ ra dịu dàng hơn, bà âu yếm nhìn tôi:

- Cháu có vẻ ngoan đấy chứ! Bà cho cháu cái này, nhé?

Bà lấy trong ngăn kéo trên cùng một nắm kẹo bạc hà, cho một viên vào miệng, còn lại bà cho tôi tất cả, không quên dặn:

- Ngậm chớ đừng nhai, ngậm thế lâu tan hơn.

Rồi bà xoa đầu tôi ra dáng che chở:

- Này cháu, cháu sẽ làm bạn với bà, bà sẽ lo cho cháu. Chốc nữa hai bà cháu ta đi uống trà, nhé? Như lời hứa, bà giữ tôi lại suốt ngày cạnh bà, hỏi chuyện tôi và kể cho tôi nghe chuyện của bà nữa. Bà tôi sinh trưởng trong một gia đình nông dân khá giả. Những tháng vừa rồi bà về thăm người cháu, trại chủ ở Ayrshire. Chồng bà là một vị Thánh. Chính ông đã dẫn bà đến con đường đạo hạnh. Một hôm, đó là ngày bà nhớ mãi – trong lúc ông băng ngang trong sân xưởng, chiếc cần trục làm rơi một tấm thiếc ngay trên đầu ông làm ông vỡ sọ tức thì. Ông là cai thợ trong xưởng đóng thùng thiếc ở Levenford. Tội nghiệp ông biết bao nhiêu! Bà chỉ còn được một niềm an ủi là tin ông vào thẳng thiên đàng. Anh em nhà Marshll cũng tỏ ra rất rộng rãi: cho đến chết, bà được hưởng một số tiền trợ cấp mỗi ba tháng một lần. Nhờ đó bà có thể trả tiền nhà, ăn tiêu các thứ mà khỏi nhờ vả vào ai.

Khoảng bốn giờ chiều, bà bảo tôi đi rửa mặt, rửa tay. Bốn rưỡi hai bà cháu lên đường đến làng Drumbuck.

Tôi rất khâm phục vẻ đạo hạnh, nghiêm nghị của bà tôi và muốn bà vui lòng, tôi giữ vẻ ngoan đạo của một con chiên hiền lành. Tôi bắt chước bà, ngay trong cả cái cách gục gặc đầu và đi cạnh bà, tôi thấy mình quan trọng hẳn lên. Mặc dù trời nóng, bà tôi vẫn mang đủ bộ lệ, khăn choàng v.v... Tay bà cầm một cây dù xếp như một cây trượng, cán dù bằng vàng khảm xà cừ

lóng lánh. Ôi chào! Đi cạnh bà tôi hãnh diện biết bao! Đố đứa nào dám chòng ghẹo bà cháu tôi. Khi hai bà cháu đến gần quán bán bánh kẹo nằm giữa lò rèn và quán nước, bà còn cẩn thận dặn dò tôi lần nữa:

- Cần nhất là cháu nhớ tỏ ra ngoan ngoãn nhé? Bà Minns là bạn thân của bà đấy, cháu ạ! Bà ấy vẫn đi xem lễ với bà. Đừng ồn ào khi uống trà và chỉ trả lời khi được hỏi thôi, nghe chưa? Nhất nhất, tôi đều vâng dạ, lễ phép. Chao ời! Những khi dán mũi vào tủ kính cửa hàng bà Minns tôi có bao giờ tưởng tượng được rằng có một ngày tôi sẽ là khách của bà này?

Bà tôi đẩy cửa vào trước, tôi theo bà bước xuống vài bậc cấp dẫn đến căn phòng nhỏ hơi tối, thoang thoang mùi bạc hà, mùi kẹo hồi, mùi xà phòng thơm và mùi sáp.

Bà Minns lưng còng, mặc áo hàng dày màu đen, cặp kính gọng thiếc của bà được đẩy lên tận trên trán – thật kỳ cục! Mà tôi đâu dám phê bình? – Bà ngồi đan nơi quầy hàng. Trông thấy bà cháu tôi, bà ấy ngạc nhiên quá, kêu lên giọng âu yếm và kinh ngạc:

- Chúa ời! Chị yêu quý! Có phải chính chị đó không?

- Phải! Phải! Chị Tibbie ời! Chính tôi đây chứ còn ai nữa...

Bà tôi vui thích vì gây được bất ngờ cho bạn nên tỏ ra vui vẻ thái quá, khác hẳn với bản tính mình. Hai bà ôm nhau mừng rỡ một cách khá... ồn ào.

Rồi thì bà Minns đi lom khom – chả là bà ta bị tê thấp – đưa hai bà cháu tôi vào gian trong. Đoạn bà nhanh nhẹn sắp tách đĩa lên bàn tròn và đặt ấm nước lên bếp, vừa làm việc bà vừa chăm chú nghe bà tôi kể chuyện, câu chuyện xảy ra trong thời gian bà tôi đi nghỉ ở Kilmarnock. Bà tôi kể rõ từng chi tiết một, nhất là về những buổi lễ bà đi dự. Khi bà tôi kể xong, bà Minns gật gù:

- Tốt lắm! Chị không bỏ phí thì giờ. Tôi cũng thích nghe mục sư Dalgetty giảng lắm, song phải công nhận là chị biết thưởng thức hơn tôi.

Chủ nhà rót trà mời khách và tỉ mỉ kể lại những gì xảy ra trong thời gian bạn mình vắng mặt: chuyện sinh, tử, chuyện hôn lễ v.v... Bà cũng nhắc đến tên những bà có mang (điều này thú thật tôi không hiểu nổi nó có nghĩa gì).

Thế rồi, sau khi đã duyệt hết những tintức địa phương, hai bà cụp nhìn nhau. Cái nhìn tựa như những tay sành ăn đã thưởng thức bốn món ăn chơi và bây giờ mới đứng vào lúc bắt đầu dùng món chính.

Bà cụp Minns vào đề thẳng thừng không cần quanh co chi cả:

- Thẳng bé khẩu chứ? Ăn thêm miếng bánh nữa đi, cháu! Ngon lắm!

Tôi sung sướng và hãnh diện vì được bà ta săn sóc chu đáo. Bà kê thêm một cái ghế cho tôi ngồi và còn đặt ngay trước mặt tôi đĩa bút quy. Nhận thấy tôi không uống trà, bà quay xuống lấy cho tôi một chai limonade có nhãn hiệu một lực sĩ khoác áo bằng da báo, vác tạ đôi!

- Nào! – giọng hiền từ, bà Minns hỏi tôi – Bây giờ cháu kể cho hai bà biết từ hôm về nhà ngoại đến nay, cháu làm gì? Cháu có thích ông cố ngoại không?

- Cháu làm bạn với ông cố, thưa bà.

Tôi nhanh nhẩu, lễ phép đáp. Hai bà nhìn nhau, ra chiều biểu đồng tình:

- Làm bạn với ông vui không, hử cháu?

- Thưa bà, vui lắm. Cháu không rời ông...

- Vậy thì hai ông cháu làm được những gì nào? – giọng bà tôi như lạc đi.

- Thưa bà, nhiều lắm, nhiều lắm...

Tôi hăm hở đáp và nhai thêm một cái bánh nữa, rồi kể tiếp: nào ông cố bày tôi chơi banh với

ông Boag, ông cố kể chuyện ông đánh bọn Zoulous... Nào ông cố bảo tôi vào vườn ông Dalrymphe hái trái cây. Tôi nhắc đi nhắc lại rằng ông Dalrymphe rất tốt, bằng lòng cho ông cháu tôi leo rào vô vườn chứ không cần đi cửa chính.

Tôi hãnh diện thấy hai bà chăm chú nghe cho nên tôi càng khen ông không tiếc lời. Tôi kể cả chuyện ông đi xe buýt không cần mua vé, chuyện ông dẫn tôi vào Lữ quán Drumbuck và cuối cùng, là chuyện ông cố trầm trồ về hai cô gái bán hoa trong buổi sáng đầu tiên hai ông cháu ra đường.

Im lặng khá lâu. Bà vẫn nhìn tôi vẻ thương xót làm tôi rất ngạc nhiên. Sau cùng, bà dịu dàng nhưng cương quyết – như một người cương quyết muốn biết điều tệ hại – hỏi tôi về quá khứ, về đời sống ở Dublin. Đáng diệu bà nhân từ cho đến nỗi tôi không ngại ngừng gì, kể tuốt ra một mạch về nền giáo dục đầu tiên của tôi. Khi tôi kể hết, hai bà nhìn nhau, sự im lặng lần này thật nặng nề.

Giọng bà Minns trầm trầm:

- Đó, chị thấy rõ đó! Chị thấy rõ tình trạng cháu đó! Hãy liệu...

Bà tôi trang trọng gật đầu, và quay sang tôi:

- Robert, con hãy ra ngoài chơi một chút, bà có câu chuyện bàn với bà đây.

Tôi vâng lời bà, song trong khi chờ đợi tôi hết sức ngại ngừng, bối rối

Một lát sau, khi ra về bà tôi không nói gì với tôi song bà nắm tay tôi thật chặt, đáng bộ âu yếm.

Đến nhà, bà dắt tôi vào phòng ngay, đóng cửa lại, cởi áo khoác xong, bà hỏi tôi:

- Robert! Con cầu nguyện với bà nhé?

- Thưa bà, vâng!

Tôi sốt sắng đáp và hai bà cháu quỳ cạnh nhau trong một căn phòng mờ tối dần. Bà tôi thành tâm, sốt sắng cầu nguyện cho tôi, thành khẩn xin cho linh hồn tôi được cứu rỗi. Mặc dù lo lắng, tôi vẫn xúc động vì những lời kinh thành khẩn của bà tôi – mắt tôi ướt đẫm khi nghe bà tôi ký thác tôi cho Thiên Chúa nhân từ sau khi đã xin Ngài tha thứ cho kẻ tội lỗi là tôi và xin Ngài giúp bà tôi kiên nhẫn vượt mọi thử thách.

Xong rồi bà tôi đứng lên, tươi cười đi khép cửa sổ và thắp nến. Đột nhiên, bà kêu lên:

- Robert! Cháu mặc bộ áo quần trông ghê quá: Vô trường Trung học, họ sẽ nghĩ sao về cháu?

Bà gọi tôi đến gần, sờ vào cái áo vải vá của tôi tiếp:

- Ngày mai, bà sẽ may cho cháu một bộ áo quần, bà có máy may. Nào! Đến gần kéo lấy cái thước dây cho bà!

Tôi đứng im, thẳng băng như pho tượng trong khi bà đo ni tắc của tôi, bà dùng một cây bút chì thấm nước bọ ghi số đo trên một mẫu giấy nâu cắt ra từ tờ báo "Thời trang" của Weldon. Sau đó, bà mở tủ nhìn và nói lầm bầm.

- Xem nào: ta có một cái váy hàng xec còn tốt có thể dùng được...

Trong lúc bà đang lục trong ngăn tủ thì có tiếng gõ cửa và ông tôi lên tiếng:

- Robert! Đến giờ đi ngủ rồi!

Bà tôi tức thì quay lại:

- Để tôi cho Robert ngủ cũng được.

- Nhưng... nó ngủ với tôi.

- Không! Từ nay nó chỉ ngủ với tôi thôi!

Giọng bà cương quyết.

Im lặng một lúc rồi:

- Áo ngủ nó còn trong phòng tôi.

- Tôi sẽ cho nó áo ngủ khác.

Lại im lặng. Tôi đợi khá lâu không nghe động tĩnh gì, rõ ràng là ông cố tôi chịu thua, tôi nghe ông kéo lê dép trong khi rút lui. Tôi hoảng hốt... bà tôi vốn tế nhị nhận ra điều này khi thấy mặt tôi tái và buồn thiu nên bà càng có vẻ hiền từ, che chở hơn. Bà dịu dàng cởi áo cho tôi, chế nước ra thau giúp tôi rửa ráy và sau đó túm tôi trong cái áo cánh bằng nỉ mỏng, đoạn đỡ tôi lên giường.

Ngồi trên đầu giường, bà vuốt trán tôi âu yếm, nét mặt đăm chiêu ra dáng như một người sắp phải thực hiện một nhiệm vụ lớn lao, khó nhọc.

- Tội nghiệp cháu tôi! – Bà thở dài ảo não – bà sắp làm cháu thất vọng. Nhưng không thể nào khác được: ông cố cháu thật ra chưa bao giờ đánh giặc, chưa bao giờ! Suốt đời ông, ông chưa đi khỏi Winton quá 50 dặm đường.

Ơ kìa! Bà tôi nói cái gì vậy chứ! Tôi kinh ngạc mở to mắt nhìn bà không chớp, bà chậm rãi tiếp:

- Tính bà không thích nói xấu ai, nhưng đây là một bốn phạm, bốn phạm thiêng liêng, nếu bà im lặng sẽ có ảnh hưởng đến cả tương lai cháu...

Bà tiếp tục chậm rãi nói, tôi cố gắng để gạt ra ngoài tai những lời bà, song nó vẫn chui vào mồn một, đứt khúc, loạn xạ... Trời ơi! Những lời độc ác biết ngần nào!

"... Thất bại trong tất cả mọi công việc, luôn luôn bị đuổi... Làm việc ở sở Quan thuế, sống nhờ vào thủ đoạn... vợ ông chết vì vậy... Rồi thì ông nghiện rượu... nhìn mặt ông là biết liền, nhất là nhìn cái mũi... Còn những kẻ mà ông giao du ư? Toàn là hạng chặt đầu cá, vá đầu tôm cả đấy: lão Boay đã sạt nghiệp ba bận, lão Dickie sống trong viện dưỡng lão, không một trình dấn tui. Ông thì... ông sống nhờ vào lòng tốt của con trai bà..."

- Không! Không! Cháu không muốn biết, cháu...

Tôi van nài bà đừng kể nữa, bịt hai tai lại, vùi đầu vào gối. Bà kéo mền đắp cho tôi, từ tốn bảo:

- Cháu cần phải biết rõ sự thật, cần biết... Cháu không thể làm bạn với ông ấy. Đừng khóc! Cháu ngoan của bà! Bà sẽ chăm sóc cháu kể từ nay.

Rồi bà kiên nhẫn chờ cho tôi bình tĩnh lại mới đứng lên. Bà buồn rầu nói với tôi rằng bà cũng mệt lắm và không vui vì chuyện này, nhưng bốn phạm bắt buộc. Bà đọc câu ngạn ngữ: "Ngủ sớm dậy sớm sẽ mang lại cho ta sức khỏe và thịnh vượng" đoạn bắt đầu thay áo.

Một chốc sau, bà tắt đèn, lên nằm cạnh tôi. Khác với ông cố, bà nằm thật yên lặng nhưng hai bàn chân bà chạm vào chân tôi, giá lạnh. Tôi nằm nghiêng. Trong bóng tối, tôi bàng hoàng nhìn sững hàm răng giả của bà ngâm trong cốc nước đã đặt trên bàn ngủ. Hàm răng ngời sáng như dọa dẫm và chế giễu tôi (làm bằng kiểu xưa, rất xưa, có vẻ nặng và chắc chắn).

Chúa ơi! Ông tôi không có hàm răng như thế và có rất nhiều tính xấu, tôi vừa được biết do bà tôi tiết lộ, song tôi ao ước hết lòng được trở về nằm bên cạnh ông. Vâng! Có trời chứng: tôi ao ước hết lòng!

Chương năm

Trên một thế kỷ nay, trường Trung học cổ kính với vách đá xám, tháp vuông cao có gắn đồng hồ cũng vuông vức, những bậc thềm cũ kỹ, những hành lang thăm thẳm ẩm ướt, những lớp học vàng ố bay mùi bụi phấn và khí đốt lò không thay đổi.

Cổng trường nằm ngay trên đại lộ gồm một vòm cung phía trên trông tối tăm và đồ sộ. Ốc tượng tượng phong phú của tôi chưa chi đã so sánh cổng này với khe núi Hamelin!

Buổi sáng trước khi vào cổng trường, tôi thức dậy, hồi hộp và nôn nao vô tả. Bà tôi cho tôi hay là bộ áo quần mới đã sẵn sàng. Bà rất hài lòng, dắt tôi đến cái tủ thấp kê dưới khung cửa sổ. Bà cố ý gây cho tôi một bất ngờ nên đã trải bộ áo quần trên tờ giấy lụa.

Thoạt nhìn qua bộ áo quần mong đợi, tôi kinh ngạc đến nỗi há hốc miệng ra: nó là thứ màu xanh lá cây, trời ạ! Không, không phải màu xanh dương sậm kín đáo của kẻ nam nhi mà là thứ màu xanh tươi, chói lọi, hí hửng của thứ đồ con gái! Thật ra tôi cũng đã thấy bà cắt và may đấy chứ, nhưng tôi ngu ngốc quá, cứ ngỡ là bà may lót lớp trong!

- Cháu mặc vào xem nào!

Bà dịu dàng bảo tôi. Bộ quần áo rộng thùng thình: áo thì trùm vào thân trên như cái bao, còn quần thì như gần là quần dài của người lớn cắt ngang dưới gối mà kêu là quần soọc!

- Tốt lắm! Hoàn toàn nhé! Bà may hơi... rộng một tí, nhưng rồi cháu sẽ còn lớn lên là vừa. Con nít may ra, bà già may vô mà lại.

Bà tôi vừa vỗ vai tôi thân mật, âu yếm nói, vừa kéo bên này vai áo một chút, vuốt chéo áo bên kia một cái, đáng đặc ý. Tôi nói như rên:

- Nhưng thưa, cái màu này...

Tôi cứng miệng lại vì bà cắt lời tôi:

- Màu này đã làm sao, kia chứ?

Ngậm một cái kim cúc nơi miệng và rút mấy sợi chỉ lượt còn sót trên bộ quần áo – một kỳ công của bà – bà tiếp, giọng dịu hơn một tí:

- Màu này thì có làm sao mà con chê? Hàng tốt lắm, không cần ủi, lại đứng áo quần con ạ!

Tôi tái mặt khi đưa tay áo lên nhìn kỹ, tôi khám phá ra hàng còn có những đóa hoa hồng be bé nổi lên. Chúa ơi! Đã màu xanh còn điểm thêm hoa hồng, đích thị là hàng dành cho con gái đàn bà. Tôi nuốt nước bọt khó khăn, nói:

- Sáng nay bà cho cháu mặc bộ áo quần cũ một bữa nữa, bà nhé!

- Nhảm! Bộ áo quần cũ bà đã cắt ra làm giẻ lau chiều qua rồi.

Hãnh diện về công trình của mình, bà tôi không quan tâm đến mối ưu tư của tôi. Bà đẩy tôi ra khỏi phòng, tưởng đã thuyết phục được tôi rồi. Nào ngờ đâu, gặp cậu Murdoch bao nhiêu tự tin còn lại trong tôi tiêu tan nốt:

- Ái chà! Mùa xuân đến rồi! Mùa xuân tươi đẹp, tung bừng quá!

Cậu dừng lại nơi cầu thang, lấy tay che mắt vẻ kinh ngạc rồi dựa hẳn vào tay vịn cười ngặt nghẽo, nói.

Trong bếp, mẹ tôi tế nhị hơn: bà lặng lẽ dọn điểm tâm cho tôi, nhìn tôi bằng đôi mắt chứa chan âu yếm, song bà vẫn không giúp tôi vững bụng chút nào.

Sáng hôm đó trời xám xịt, lạnh lẽo. Tôi chán nản rời nhà, ý thức rằng giữa miền quê Tô Cách Lan này với sương mù ảm đạm của mùa đông, chỉ mình tôi có dấu hiệu mùa xuân.

Ngoài đường, thiên hạ quay lại trở mắt nhìn tôi sau khi vượt qua rồi. Tôi xấu hổ tránh đường lớn, lách vào đường nhỏ vắng người và xa hơn, vì vậy tôi đến trường bị trễ.

Sau khi lạc trong mấy hành lang, tôi cũng tìm được lớp mình một cách khó khăn. Dì Kate ghi tên tôi vào lớp này. Ông Dalgish – thầy giáo – đã bắt đầu giảng bài. Tôi định lén vào một chỗ trống nhưng nửa đường thì bị ông bắt gặp, chặn lại. Sau này tôi mới hiểu rõ là ông không độc ác, nhưng lúc này thì... (Có những hôm vui vẻ, ông dạy thật hăng, thật hay, nhưng có những lúc ông như bị quỷ ám, mà làm không bằng). Tôi kinh hoàng khi nhìn ông, nom cái cách ông giận dữ giật râu, tôi biết ngay là ông không được dễ chịu.

Tôi chờ đợi một cơn giông tố. Tôi đợi ông trừng phạt tôi đi trễ, nhưng đáng sợ thay: ông không rầy la chi cả. Rồi bực, ông đến cạnh tôi, hơi nghiêng đầu, vẻ thần nhiên trong khi lũ học trò rướn mình lên... chắc chúng cũng đang chờ đợi? Giây lâu sau ông mới mở miệng:

- Thì ra cậu học trò mới đây! Thoạt nhìn là biết ngay bộ đồ mới. Kỷ nguyên phép lạ hẳn chưa chấm dứt.

Có nhiều tiếng cười dè dặt, rúc rích nổi lên. Tôi nhột nhột đứng im. Ông lại tiếp:

- Nào! Lại gần đây xem! Đừng phật ý, cậu! Bộ đồ này mua ở đâu vậy hở? Hợp tác xã hay trong hiệu Miller danh tiếng đây?

Mặt tái ngắt, tôi ấp úng:

- Thừa thầy, bà cố con may cho con.

Cả lớp cười rộ lên. Nhà giáo đỏ ngầu mắt nhìn tôi trừng trừng, bước quanh tôi như thể tôi là một kỳ quan cần ngắm kỹ, gật gù:

- Hà! Mày nổi bật lên, nổi bật! Theo cung cách này ta biết mày thuộc gốc gác Ái Nhĩ Lan, đúng không?

Tiếng cười càng to thêm. Lớp học như biến thành đấu trường rộng lớn. Tuy nhiên, giữa những khuôn mặt chế giễu ấy, tôi vẫn nhận ra hai trò không hợp tác trong trò vui quái ác với bạn bè và thầy: Gavin-Blair ngồi bàn đầu, nhìn ông giáo bằng đôi mắt lạnh lùng, khinh bỉ và đôi mắt nâu của Alison Keith như bồn chồn lo lắng hộ tôi: nó cúi gầm mặt trên cuốn sách rồi liếc nhanh về phía tôi. Vẫn chưa buông tha tôi, nhà mô phạm hỏi gặng:

- Này, hãy trả lời câu hỏi của ta: mày là đồ đệ của thánh Patrick hở?

- Thừa thầy, con... không biết.

Tôi càng xám ngoét thêm, trả lời. Giọng ông ta lần này mỉa mai:

- Cha chả, thật đáng tiếc!... Nó không biết, các trò thấy không?

Cả lớp lại cười ầm như coi trò xiếc trong khi ông ta vờ ngạc nhiên nói. Rồi ông gheo thêm:

- Lão thánh Patrick của dân Ái Nhĩ Lan chuyên mặc áo xanh lá cây, mày hiểu ra chưa?

Xem chừng vui đùa chán rồi, ông ta quay lại trừng mắt, lũ học trò im lặng liền. Lần này giọng ông ta bình tĩnh trở lại:

- Mày là học trò cũ của ta. Song nhìn mày, ta e rằng ta sẽ phí công dạy dỗ thôi, con ạ! Đủ rồi! Về chỗ ngồi!

Hai chân run rẩy, tôi cúi gầm mặt lúi vào chỗ ngồi, thầm nghĩ vậy là giai đoạn khổ nhục đã qua. Nào ngờ đâu, đó chỉ là mới bắt đầu.

Giờ ra chơi, học trò vây quanh tôi la hét, cười nhạo không ngừng. Từ đầu, người ta đã cho tôi là không giống ai, nhưng bây giờ tệ hơn: tôi biến thành con chiên ghẻ trong bầy.

Jamieson và Boay là hai đứa độc ác hơn cả:

- Màu lá cây là màu của nó! Màu da trời là màu của Đức Mẹ toàn thánh.

Những lời chế nhạo của chúng so với ông giáo thì cũng một nguồn, song chúng thô lỗ hơn và bộ áo quần xanh lá cây là có cho sự kỳ thị chủng tộc và tôn giáo trong lòng lũ trẻ.

Giờ nghỉ trưa, tôi chui vào nhà tiêu, không buồn đựng đến ổ bánh mì phết mứt ngọt mẹ tôi đã gói theo cho tôi trong cặp. Vậy mà chúng vẫn chưa tha, chúng khám phá ra chỗ tôi trốn nấp, lôi tôi ra.

Giờ thể dục do ông gác đàn, vốn là cựu trung sĩ đoàn quân tình nguyện, dạy trong gian phòng rộng nhất trường.

Bắt chước các bạn, tôi cởi áo ra trong lúc Boay và Jamieson tiến lại, vẻ đe dọa:

- Giờ bãi học, mày sẽ biết tay ta!

Boay là đứa vũ phu, trán vồ, hung tợn, luôn luôn chạy theo trêu ghẹo bạn gái cùng lớp. Tôi kinh ngạc lắp bắp hỏi:

- Tại sao vậy? Sao mấy trò...

- Tại sao hả? – Chúng cười hề hề khả ố - Đặng cho mày đi theo Đức Giáo Hoàng của mày chó tại sao.

Suốt thời gian tập, tôi co chân, duỗi tay theo nhịp, không ngừng run rẩy. Sau giờ thể dục, thầy đi khỏi đó tức thì bọn chúng chặn tôi lại trong phòng móc áo, hầu hết túi lớn đều có mặt. Chúng dấm đá túi bụi vào người tôi như một quả bóng vô tri, đến nỗi tôi phải lùi vào một góc.

Jamieson nắm tay tôi bẻ quặt ra sau lưng, tôi kêu lên oai oái, trượt chân ngã nhoài xuống đất, nó liền cõ lên ngực tôi và nắm đầu tôi động xuống đất trong lúc bạn nó giữ chặt tôi. Nhiều thằng khác reo hò cổ vũ:

- Nữa! Nữa đi! Để coi có gì trong sọ nó.

Câu này làm tăng thêm sáng kiến cho Jam, nó buông đầu tôi ra, nhìn lũ bạn hỏi:

- Đứa nào có dao không? Tao muốn xem thử óc nó có xanh như áo quần nó không.

Tim tôi nháy đùng đùng, may thay: đúng lúc đó chuông rung lên, chúng đành buông tôi ra. Khi tôi đến gần cửa lớp, ông giáo Dal đứng đợi tay còn nắm dây chuông, trông thấy tôi tóc bù xù, áo quần lem luốc bèn hỏi:

- À! Tụi bay bày trò gì nữa đó?

- Thừa thầy, đâu có gì.

Cả lớp cùng một giọng đáp. Và từ dưới cuối lớp, thằng bé Howie, hí hớn lắc cắc như con cóc, thêm vào:

- Chúng con chỉ chiêm ngưỡng bộ đồ xanh của nó thôi, ạ!

Vị giáo sư nhếch mép.

*

* *

Tuần lễ đầu trôi qua nặng nề. Tôi chịu đủ mọi khổ hình mà lũ bạn hành hạ vẫn chưa thấy chán. Mỗi lần tan học là đã có một băng đông đảo chờ sẵn đón tôi ở cổng trước nhà thờ Saints – Anges. Tôi không hề đi lễ ở nhà thờ này, song chúng buộc tôi phải vào xưng tội, hôn chân cha sở và vô số trò khác. Bọn chúng không hề tỏ ra biết thương hại một chút nào. Đôi khi quá uất ức, tôi đánh trả, nhưng rốt cuộc lần nào tôi cũng chịu thua vì sức yếu, thể cô. Lấm la lấm lét, tôi trốn chui trốn nhủi như một con lươn. Đi và về, tôi chọn những con đường nhỏ vắng vẻ như con đường đi ngang xưởng thiếc để được yên thân.

Dù vậy, tôi vẫn không thoát khỏi những lời chế giễu tàn nhẫn của mọi người. Mấy anh thợ tre trẻ thấy tôi đi ngang, kêu to:

- Ê! Cọng cái! Mẹ mày trang hoàng cho mày vậy đó hử!

Có lẽ họ không ác ý, họ vui miệng nói thế thôi, song tôi, tôi đã quá tuyệt vọng, không phân biệt được một lời trêu chọc vô tâm với một lời sỉ nhục.

Càng ngày tôi càng chán nản, tuyệt vọng, bài vở bỏ bê, vào lớp tôi rầy mướt đầy tập, trở nên... hầu như tôi trở nên một tên dần.

Một hôm thấy giáo gọi tôi lên trả bài, một bài thơ tôi thuộc lòng từ lâu. Thế mà tôi ấp a, ấp úng lâu lắc đến nỗi ông sốt ruột, quát lên.

- Còn chờ gì nữa! Ông phổng đá?

Đầu óc hoang mang, tôi trả lời như cái máy:

- Thừa thầy, bộ đồ xanh! Bộ đồ xanh của con!

Sau đó là sự kinh ngạc trong phút chốc rồi một trận cười bằng thích vang dội cả lớp.

Tôi nghĩ là điều này không thể kéo dài mãi, tôi không chịu nổi. Vì vậy, tối hôm ấy tôi vào phòng ông tôi với tất cả cương quyết.

Cái mùi ẩm ỉm, mông mốc trong phòng ông quả là một thứ mùi khó chịu song nó quen thuộc đối với tôi, quen thuộc thân yêu đến nỗi vừa nhận ra nó tôi trào nước mắt vì xúc động.

(Kể từ khi bà tôi chiếm đoạt tôi cho đến nay hai ông cháu không hề có dịp trò chuyện cùng nhau). Và phần tôi, tuy tôi đã tha thứ những lời huyênh hoang giả dối của ông từ lâu mà ông nào có biết; mỗi bận đi ngang tôi, ông ngẩng đầu lên cao và môi ông điểm một nụ cười khinh khỉnh, khó chịu. Tôi bối rối, toan tìm lời biện hộ thì ông đã lạnh lùng nói:

- Cháu muốn ngủ với ai thì ngủ, chẳng việc gì đến ta!

Tối hôm ấy, ông tôi ngồi trong ghế dựa, nhàn rỗi vẻ lãnh đạm như một triết gia.

- Ông ơi! Cháu...

Tôi chỉ nói được có thế rồi khóc ròng. Ông tôi chậm rãi quay lại. Hình như mắt ông sáng lên – đâu có lý tôi làm? Tôi tinh mắt lắm mà! – Ông nhìn tôi, im lặng một lúc rồi chậm rãi nói:

- Ông biết, ông biết sớm muộn gì cháu cũng về với ông mà!

Tôi khựng lại trong khi ông thích thú ngâm lên một câu ngâm ngữ:

- Sa cơ mới biết bạn hiền là ai!

Chương sáu

Bây giờ tôi đã ngồi gọn trong lòng ông. Ông cháu tôi đã làm hòa rồi, thưa các bạn! Tôi liền mang hết những gì đè nặng trong lòng ra kể với ông. Ông lắng lẽ nghe, không thốt một lời. Sau đó giây lâu ông từ từ rút ống điếu hút một hơi đoạn mới bảo tôi:

- Có một điều con phải làm, nhưng vấn đề là con có chịu làm hay không đây?

Giọng ông tôi bình thản nhưng âu yếm. Chao! Giọng nói làm tôi yên lòng biết chừng nào sau những ngày dài sống cô đơn trong hỏa ngục! Tôi sốt sắng:

- Thưa ông, con làm chứ. Con xin hứa với ông con sẽ làm!

Tuy không biết mình sẽ phải làm gì, tôi vẫn trả lời với giọng tự tin. Ông tôi rít vài hơi thuốc nữa:

- Trong lớp con, đứa nào khỏe nhất, can đảm nhất. Cương quyết nhất?

Tôi không cần phải do dự:

- Gavin-Blair thưa ông.

- Con trai ông Thị trưởng, hở?

- Thưa vâng.

- Trường hợp này, con phải đánh nhau với Blair!

Tôi nhìn ông kinh ngạc: Gavin không hề trêu chọc tôi. Nó luôn luôn tránh xa trò đùa bỉ ổi này.

Từ khi vào trường, tôi chỉ trò chuyện với nó hai bận. Nó là một học trò giỏi nhưng dè dặt, không mấy cởi mở. Luôn luôn đứng nhất, được bạn học nể trọng, kể cả giáo sư, ngay cả các môn thể thao nó cũng thuộc hàng đầu. Học trò kháo nhau đến thân hình dẻo dai, nhanh nhẹn, cái cầm cứng rắn, đôi mắt xám sáng ngời của Gavin. Phải! Tôi không phải Ec-quyn, cũng không phải Xam-xông. Tôi không phải là các bậc anh hùng trong cổ tích, tôi sợ lắm!

Nhưng mặt mũi nào mà nói toạc ra như thế với ông? Tôi lắp bắp:

- Thưa ông, con chưa biết đánh.

- Ông sẽ dạy cho! Chỉ một tuần lễ là xong. Sức mạnh và vóc dáng không đáng kể, điều cần nhất là nhiệt tâm...

Thấy tôi im lặng, ông nhún vai, thêm:

- Dĩ nhiên, nếu con hèn quá, thì ông có thể viết thư thẳng cho giáo sư, nhờ ông can thiệp... con sẽ khỏi bị hành hạ, nhưng như thế chúng càng khinh con thêm. Theo nguyên tắc, con phải liều đánh với một đứa, đứa mạnh nhất, tiêu biểu, đại diện cho cả lớp. Sao? Dám không?

Tôi rùng mình, tuy nhiên có điều lạ này: trong bước đường cùng, tôi tưởng có thể đủ can đảm để liều lĩnh nhảy từ mái nhà xuống đất, bất cần nguy hiểm đón chờ.

Thế rồi tối hôm đó, sau khi phụ rửa bát với mẹ xong, tôi bắt đầu tập dượt dưới sự hướng dẫn của ông tôi. Câu chuyện được giữ kín, bà tôi không hay biết tí ti.

Ông tập cho tôi thế đứng cứng nhắc, nắm tay đưa ra trước, cầm rút cao đến nỗi tôi chỉ còn thấy mũi giày thôi. Đứng đối diện tôi, cũng thủ thế như tôi, ông tôi hạ lệnh cho tôi thoi bên trái. Tôi tức thì tuân theo, vội vàng, hăng hái đến nỗi đâm vào bụng dưới của ông một thoi đáng đích.

Ông tôi gập người lại, ngồi phịch trên ghế dựa, thở hổn hển. Tôi hoảng hồn, hỏi:

- Ông ơi! Con làm ông đau lắm hở?

Ông tôi tỏ ra giận dữ - không phải vì tôi đâm ông đau mà vì tôi đâm sai phương pháp. Đợi đến khi bớt đau, ông nghiêm trang dạy tôi một bài học chuyên biệt về những cú đâm. Sau đó ông

bắt tôi chạy bộ từ nhà đến trường để luyện cặp giò.
Những ngày kế tiếp, ông kiên nhẫn dạy tôi nghệ thuật quyền Anh, buộc tôi cẩn thận khi uống nước, uống rất ít, hay dùng uống tốt hơn để da được săn chắc.
Hy sinh phần phô mát buổi chiều, thức ăn mà ông thích nhất, ông cho tôi. Ông lại bắt tôi ngồi trước mặt ông nhai chậm rãi cho dễ tiêu – ông bảo thế - và tôi biết rằng ông tôi thêm đến rõ dần ra.
Ông vui vẻ bảo tôi:
- Không gì bổ hơn phô mát Dunlop con ạ! Ăn nhiều vào cho mau lớn. Ông bảo đảm đó!
Tôi cũng tin lời ông, song những ngày kế tôi xót ruột ghê gớm.
Chiều thứ bảy, ông dắt tôi đến nghĩa địa để biểu diễn cho các bạn ông cùng thưởng thức tài nghệ.
Tôi dang tay, dạng chân múa may những thế độc diễn khác nhau trong lúc ông hứng khởi giải thích lý do của trận đấu dự định bằng giọng văn chương để các bạn hiểu.
- Ủa, anh quên mớ lý thuyết nằm lòng trứ danh của anh rồi hả? Anh luôn luôn khuyên người ta phải sống vui vẻ, giờ lại phản chính anh, xui thẳng bé đánh nhau là nghĩa lý gì?
Ông tôi, bằng giọng cao xa, bóng bẩy trả lời:
- Anh Boay này, đôi khi ở đời người ta cần phải đánh nhau để được yên thân mà sống vui vẻ, hiểu chưa?
Ông bạn không chống đối lời nào, song nom cái cách ông nhìn chúng tôi, tôi hiểu rằng ông ta cho là chúng tôi khó thành công.

*
* *

Ngày định mệnh đã tới. Khi tôi đi ngang phòng, ông gọi tôi vào, trang trọng siết chặt tay tôi như truyền hết niềm tin tưởng, nhiệt tâm vào đó. Nhìn thẳng tôi, ông bảo:
- Con nên nhớ điều này: con làm gì tùy ý, được hết, trừ sợ hãi.
Tôi suýt bật khóc, vì thú thật với các bạn: dù đã ăn khá nhiều phô ma của ông, tôi khó mà quên được những năm sống êm đềm cạnh mẹ cha tôi.
Hơn nữa, lúc sau này Gavin hình như muốn bênh vực tôi: đã có lần trong lúc chơi nhảy cừu, Jamieson nhân dịp đó chạy đến húc mạnh vào tôi khiến tôi ngã lăn, Gavin liền trị nó một trận ra trò. Và lần khác, trong giờ học thấy tôi tìm mãi tẩy không ra, Gavin đã lặng lẽ đưa cho tôi viên tẩy. Tôi quả không có cố gì để gây sự đánh nhau với Gavin-Blair. Song tôi đã trót hứa với ông tôi làm sao có thể thả trôi lời hứa dễ dàng?
Huấn luyện viên của tôi đã khẳng định rằng bốn giờ chiều tan học là lúc rất thuận tiện cho trận thư hùng, tôi chỉ còn biết tuân theo.
Suốt ngày hôm ấy tôi lo lắng bồn chồn quá đỗi không ngớt lên quan sát khuôn mặt bình thản và thông minh của Gavin ngồi ở góc lớp đối diện tôi, nó có đôi lông mày thật đẹp hai hàng lông mi rậm, dài, môi trên ngắn, hãnh diện.
Vài lần tôi không cầm lòng được, ném về phía nó một tia nhìn van lơn kỳ lạ. Tôi buồn rầu khi

nghĩ rằng tôi bắt đầu yên mến nó như một bạn thân, vậy mà lại phải sắp đánh nhau với nó, theo đúng kế hoạch ông tôi.

Đồng hồ trên tháp trường thông thả gõ bốn tiếng. Tôi còn hy vọng hão huyền là ông giáo sẽ giữ tôi lại phạt về lỗi gì đó. Nhưng vô ích: tôi rời lớp cùng một lượt với các bạn, đi ngang sân chơi. Gavin bước mau phía trước, cặp vắt trên vai.

Tôi hiểu rằng giờ hành động đã điểm, nếu tôi không muốn phải xấu hổ trước mặt huấn luyện viên của mình: tôi phóng tới và xô mạnh Gavin. Gavin quay lại hơi ngạc nhiên nhưng cũng nhận ra tôi đang khiêu khích nó; hai nắm tay tôi đặt lên nhau trước ngực như đang cầm đèn rước kiệu.

Tức thì bọn học trò bao quanh hai đứa tôi kinh ngạc và thích thú reo to:

- Lại xem tụi bay! Gavin và Robert sắp đánh nhau!

Gavin đỏ bừng mặt, nó bực bội nhìn bọn con trai vây quanh. Nó không thể gạt bỏ sự thách thức của tôi, dù là một đứa yếu xiu. Với một tay, nó đủ gạt luôn một lượt hai quả đấm của tôi gửi đến cho nó.

Tôi quên cả những bài học của ông. Đôi cánh tay gầy nhom khoa như những cánh quạt. Tôi đánh trúng nó song vào những chỗ cứng như cùi chỏ, gò má hay những cúc áo bằng đồng vuông vức, vì thế mỗi lần đánh trúng tôi lại bị đau hơn địch thủ.

Gavin trái lại, luôn luôn đánh trúng những nơi có thể làm địch thủ đau nhất. Hai lần, tôi ngã sấp giữa những tiếng cổ vũ của bọn học trò vây quanh.

Cả hai đứa cùng lem luốc và thở như những cái đầu máy xe lửa cũ kỹ ráng lên dốc. Tuy vậy, tôi càng lúc càng hăng cho đến nỗi một thằng bạn lớn nhất cũng phải kêu to lên:

- Cha! Cọng cái chơi trội chó phải lơ mơ đâu, tụi bay? Coi nó hăng thua gì sư tử?

Trận đấu kết thúc khi tôi nhận một cú húc đầu của địch và máu cam chảy ròng ròng. Máu làm miệng tôi ấm và mằn mặn. Chỉ giây lát thân áo trước tôi nhòe nhoẹt máu. Tôi không ngờ thân thể gầy còm nhỏ nhắn của tôi mà chứa nhiều máu đến mức đó, mà kỳ lạ: tôi không thấy khó chịu chi cả. Trái lại, tôi có vẻ như sáng suốt hơn, bình tĩnh hơn dù đôi chân quả có run rẩy. Vẫn tiếp tục chiến đấu, tôi vung tay tiến tới tuy mắt tôi như tóe lửa. Bỗng, tôi có cảm tưởng bị ai kéo lùi về phía sau. Gavin cũng vậy. Một anh lớn nhất kêu lên:

- Thôi! Đủ rồi! Bắt tay nhau đi! Tụi bay đánh nhau khá lắm! Đứa nào lấy chìa khóa cổng coi!

Robert chảy máu như bò bị thọc huyết dây nê!

Tôi được đặt nằm ngửa trong sân chơi, trên mặt sỏi, cái chìa khóa to, lạnh ngắt đặt dưới ót trong khi Gavin nhem nhuốc và lo lắng, quỳ cạnh tôi. Áo tôi đầm ướt máu và mấy anh đầu bò nhất cũng bắt đầu lo sợ khi thấy máu không ngừng chảy. Họ lảng quăng cứu cấp, sau cùng nhờ mảnh khăn tay thấm nước nhét vào hai lỗ mũi, máu cầm lại...

- Em nằm yên mười lăm phút nữa nhé?

Họ dặn dò và rời chúng tôi. Các bạn học cùng lớp cũng đã ra về, trừ Gavin. Sân trường vắng vẻ chỉ còn lại hai đứa. Đầu choáng váng song tôi cũng cố gắng mỉm cười với Gavin một cách khó khăn – vì mũi bị bịt kín và máu khô cứng trên mặt – Gavin khe khẽ bảo:

- Đừng động dậy! Không phải tao cố ý muốn húc đầu vào mũi mày đâu, như vậy trái luật...

Tôi lắc đầu dù biết rằng làm vậy máu có thể tuôn ra và cố gắng mỉm cười:

- Còn tao, tao cũng buồn vì đánh trúng mắt mày.

Gavin lấy tay sờ nhẹ vào mí mắt và cười theo, nụ cười nồng hậu làm ấm lòng tôi như những ngày đông giá rét nhận được tia sáng mặt trời!

Một lát sau, nó nhẹ tay gỡ hai cuộn vải trong mũi tôi và đỡ tôi ngồi lên. Hai đứa lặng lẽ sóng bước trên đường về làng Drumbuck. Đầu tôi vẫn còn choáng váng, Gavin bảo tôi khi ngang nhà nó:

- Vào nhà tao rửa ráy sạch sẽ rồi hẵng về.

Tôi nghe lời nó rụt rè bước qua cái cổng mang huy hiệu ông Thị trưởng.

Hai đứa đi trên con đường trải sỏi, hai bên đầy hoa dẫu vào biệt thự. Khu vườn rộng thênh thang được chăm sóc kỹ lưỡng. Gavin kéo tôi ra sau, chỗ máy nước. Trong lúc hai đứa kỳ cọ, một bà bồi phòng mặc toàn đen mang tạp dề trắng nhìn thấy chúng tôi qua cửa sổ và có lẽ bà ta đi báo tin nên chỉ chốc sau, có một cô gái mặc áo nâu vội vã chạy ra:

- Tội chưa! Các em sao vậy?

Đó là chị Julia-Blair (từ khi mẹ chết, chị là nội tướng trong gia đình). Nhìn kỹ chúng tôi, chị đoán hiểu nguyên do, không gạn hỏi thêm. Chị đưa tôi vào phòng em trai, căn phòng tuyệt đẹp trang hoàng nào hình ảnh, gậy, vật dụng đi câu và vô số đồ chơi bằng gỗ do nó làm lấy. Chị giúp tôi cởi bộ áo quần đầy máu đưa cho bà bồi phòng – tôi thoáng thấy bà ta nhẵn mặt – đem đi gói lại. Chị bắt tôi mặc bộ đồ màu xám của Gavin tuyệt đẹp, chưa cũ mấy.

- Chị quen với mẹ em, Robert ạ! - Giọng chị dịu dàng – Hãy đến chơi với Gavin khi nào...

Chị quay sang thì không thấy Gavin, nó đã đi xuống bếp để được săn sóc con mắt sưng, chị ôn tồn tiếp:

-... Khi nào hai đứa hết đau...

Và chị đưa tôi ra tận cửa, trả gói áo quần cho tôi, khuôn mặt hiền từ với tia nhìn âu yếm, ấm áp, chị cúi sát bên tôi, hơi đỏ mặt, chị bảo:

- Robert ơi! Em cứ giữ bộ áo quần này nhé? Gavin nó lớn rồi, chui không vô nữa đâu, em nhé?

Rồi chị đứng yên im sững trên thềm nhìn tôi thật lâu cho đến chừng bóng dáng còm nhom nhỏ nhắn của tôi khuất dần... vào màn đêm.

Tận lúc ấy tôi mới thấm mệt. Trên đường về tay chân tôi ê ẩm, đầu óc quay cuồng. Tôi lê chân trong chán nản và mệt mỏi. Chán nản vì được thấy ngôi nhà sang trọng của Gavin, mệt mỏi vì trận đánh không đồng cân sức.

Đến cửa, ông tôi đã đợi sẵn, ông âu yếm nhìn tôi thật lâu. Thấy vẻ xanh xao, mệt mỏi của tôi, ông hỏi:

- Sao, con thắng chứ?

- Thừa ông, hình như... là con thua.

Ông không gặng lại câu nào nữa, nắm tay tôi dắt lên phòng, đỡ tôi ngồi lên ghế dựa. Tôi chậm rãi kể:

-... Nhưng con không sợ, bắt đầu xong là con hết sợ liền.

Ông từ tốn hỏi kỹ mọi chuyện. Sau khi tôi kể xong, ông lặng lẽ vớ bộ quần áo – nguyên nhân thảm nhục của tôi – ném vào lò sưởi. Phải khá lâu sau đó, bộ quần áo đã biến tôi thành cọng cải mới chịu cháy hết cho, khói tỏa nồng nực khắp phòng.

Bấy giờ, ông mới bảo:

- Đó, ông nói có sai đâu!

Chương bảy

Bà tôi tức giận vô cùng về chuyện bộ áo quần. Tôi bị tát tai, buổi tối vào giường tôi còn phải nghe một bài giảng dài ngoằng về tội vong ân bội nghĩa, và bà kết luận:

- Nếu cháu muốn là cháu trai yêu của bà thì phải ngoan.

Càng ngày, tôi càng được bà chăm sóc hơn về sức khỏe và hạnh kiểm. Tôi hắt hơi một cái ư? Bà tin là tôi có thể bị sung phổi đến nơi và tức thì ngửa bằng cách bắt tôi uống thứ xi rô đen ngòm không rõ xuất xứ, do bà bào chế.

Tuy vậy, tôi thực sự sung sướng, sung sướng hơn bao giờ cả: việc tôi táo gan đánh nhau với Gavin, mà lại do chính tôi khiêu khích trước làm cho lũ bạn kiêu nể ra mặt, hết dám khinh thường. Song điều làm tôi được nhìn bằng con mắt đặc biệt, chính là do câu chuyện tôi chảy máu mũi. Chuyện đó trở thành một biến cố quan trọng trong lịch sử nhà trường, cho đến nỗi mỗi khi bàn về một điều gì xảy ra, chúng thường dùng một câu đại khái như:

- Điều này xảy ra sau ngày Robert chảy máu cam...

Hay là:

- Chuyện đó đến trước ngày Robert chảy máu cam...

Nghĩa là chuyện tôi chảy máu mũi được dùng để đánh dấu, để làm mốc ghi thời gian như thể là ngày một vị anh hùng dân tộc khởi nghĩa vậy.

Ngoài ra, nhờ bộ y phục xám lịch sự tôi không còn bị chế nhạo nữa. Bọn Jamieson làm hòa với tôi và bạn bè đều biết rằng sau ngày lịch sử đó, tôi với Gavin trở thành đôi bạn chí thân. Tôi hết lòng ghi ơn chị Julia.

Gavin, như tôi đã kể cùng các bạn, vốn ít chơi với bạn cùng lứa tuổi, không phải nó kiêu căng hay lập dị - dù cha nó không chỉ là Thị trưởng, ông ta còn là chủ một công ty bán thóc lâu năm và phát đạt nhất vùng - Thật ra, Gavin rất dè dặt, có cuộc sống nội tâm phong phú.

Thứ sáu, kể từ ngày đánh nhau, tan học ra, tôi thấy Gavin đã đợi tôi ở cổng trường. Nó không nói gì chỉ hơi mỉm cười một cách rụt rè và hai đứa sóng đôi cạnh nhau. Mấy tuần qua, tôi chỉ dám đi những ngã hẻm quanh co, các bạn tưởng tượng xem: hôm nay tôi hãnh diện biết chừng nào! Hai đứa dừng lại nửa giờ trước kho hàng của cha Gavin rồi đến chuồng ngựa xem Tom-Drin, viên tài xế trưởng cho một chú ngựa uống thuốc đau bụng.

Chúng tôi đi ngang những kho rộng chứa đầy rơm, những thùng thóc, những bao bột mì, đậu tằm, lúa mạch, ngang những thợ lãng xăng làm việc, mặc tạp dề trắng. Khi trông thấy tôi, ông Thị trưởng vẫy hai đứa lại gần, cười với tôi bằng nụ cười đôn hậu, giọng âu yếm:

- Hai cậu đã thân nhau rồi đấy ư?

Rồi ông chìa cho chúng tôi hai nắm "Locustes". Trên đường về, trong bóng tối nhá nhem, vừa cắn hạt tôi vừa nói chuyện vui vẻ với Gavin. Và tôi còn vụng về bảo nó là thật sung sướng có được ông cha như cha nó. Thật vậy, tôi ao ước địa vị nó biết bao! Gavin có vẻ sung sướng vì câu nói của tôi lắm. Sau cùng trước khi chia tay, Gavin cúi nhìn mũi giày dí dí trên lề đường báo cho tôi biết:

- Mùa xuân này, tao sẽ lên đồi Winton kiếm trứng chim, tao thích nhất là trứng con ó cau. Nay Robert, mày có thích đi với tao không?

Tôi thích mê đi ấy chứ, còn phải hỏi!

Nhưng đâu đã đến mùa xuân? Vì vậy, tôi phải nén lòng chờ đợi.

*
* *

Một buổi chiều, mẹ tôi ra mở hộp thư, bà kêu lên một tiếng mừng rỡ. "Có thư Adam". Bà bảo chúng tôi khi trở vào bếp, nơi cả nhà đang dùng bữa ăn chiều. Và bà nói thêm cho ai nấy cùng biết là cậu Adam sẽ về đến nhà lúc một giờ trưa thứ bảy, ở lại một lát có việc. Bà dành lấy bức thư, mẹ có vẻ phật ý. Thư được chuyển tay khắp nhà và chỉ mình dì Kate bình thản trước tin này.

Riêng phần tôi, tôi hết sức nôn nao vì nghe mẹ kể lại nhiều lần các kỳ công của cậu Adam, một cậu bé tài giỏi luôn luôn thắng các bạn trong trò chơi bắn bi; chưa đầy 13 tuổi cậu ấy đã biết buôn bán kiếm lời; cậu mua một cái xe đạp cũ, bán lại lấy lời được 10 shillings. Một năm sau, cậu được nhận vào làm trong văn phòng luật sư Mc Kellar mà không cần có một sự giới thiệu hay giới thiệu của ai, ngoài ra cậu còn làm thêm giờ phụ trội ở hãng bảo hiểm "Le Rocher". Cậu để dành tất cả số tiền kiếm được. Cho đến năm 27 tuổi cậu nghiễm nhiên trở thành người Đại diện cho các hãng bảo hiểm "Le Rocher" và "La Caledonia". Cậu có mở một văn phòng sang trọng tại Winton. Hiện nay hằng năm cậu kiếm không dưới khoảng 400 livres (1). Hơi do dự một chút, mẹ kết luận: "Nó kiếm tiền khá lắm... hơn... hơn cả ba".

Bà còn hãnh diện khoe thêm cái broche vàng chói đeo trên áo của cậu tặng và nói là rất đắt tiền, theo lời cậu nói.

Trưa thứ bảy, chưa đầy một giờ, có tiếng động cơ xe hơi vang dậy trước nhà. Ấy, xin các bạn đừng lầm, không phải xe cậu Adam đâu nhé, song quả thật là cậu về bằng xe hơi, cái xe đầu tiên của hãng Argyll, màu đỏ chói, bánh xe cao, cửa mở ở phía sau.

Cậu tôi, vẻ tự tin và kiêu hãnh bước vào nhà, nụ cười trên môi, áo khoác có cổ viền bằng da thú, màu nâu. Cậu ôm hôn mẹ, người đã hết lòng chuẩn bị đón cậu về hôm nay, đoạn tiến lại siết tay ba thật chặt (chao ơi! Y như một ông khách lạ, mà là một quý khách chứ không phải là con trai của gia đình!). Cuối cùng, cậu cười với tất cả mọi người. Râu cạo ngắn, người hơi đầy đà những khá cao, da nâu sậm, nom cậu Adam thật là... đáng phục đối với tôi lúc bấy giờ!

Trên bàn ăn trước mặt cậu, mẹ đã dọn thịt bít tết, su lơ, khoai tây, mọi thứ đều vừa được lấy ra khỏi lò, thơm nức mũi. Chúng tôi ngồi quanh cậu, nhìn cậu ăn uống ngon lành, - cả nhà cũng đã xong bữa rồi: ăn thịt nguội! - Và nghe cậu kể chuyện một cách vui vẻ:

- Ông Kay, giám đốc hãng xe Argyll sẵn dịp đi Alexandria đã rủ con cùng đi... Ôi chao! 75 cây số mà không đầy hai tiếng đồng hồ đã tới, ghê không?

Ghê thật chứ! Cậu quen lớn cả với ông giám đốc hãng xe! Đâu phải chuyện tầm thường? Tôi thấy mình quá nhỏ bé, vô nghĩa trước một ông cậu xã giao rộng, làm việc nhiều tiền như vậy. Và tôi không khỏi buồn rầu mà nghĩ rằng cậu không rồi hơi, thừa thì giờ để bận lòng đến một đứa cháu mồ côi như tôi.

- Đáng lẽ con về sớm hơn kia, 12 giờ đã đến rồi cơ đấy, nhưng tại bận ghé lại văn phòng ông Mc Kellar thu xếp vài công việc cho hãng...

Đôi mắt ti hí của cậu cùng màu với ba nhưng hơi nhạt hơn, bỗng - Chúa ơi! Tôi không ngờ đấy! - Cậu chăm chú nhìn tôi, mỉm cười làm tôi đỏ bừng mặt vì sung sướng quá!

Mẹ tôi, từ nãy mãi ngắm cái ba đời xuy mới, cổ viền lông thú sang trọng của con trai, bây giờ càng thêm mến phục. Thỉnh thoảng, cậu dừng lại giữa hai câu nói và mỉm cười với mẹ.

- Có một điều chúng ta cần phải bàn ngay: chuyện tiền bảo hiểm của ông ngoại.

- Con có lý lắm, Adam ạ!

Ba nán lại trong dịp quan trọng này, kéo ghế lại gần con trai, nói:

Cậu Adam tiếp:

- Việc bảo hiểm sẽ mãn hạn: vào ngày 17, tháng 2 này... 450 livres sẽ được trả cho mẹ.

- Số tiền khá đó chứ?

Ba kêu lên, không giấu nổi vẻ sung sướng.

- Phải rồi, ba ạ! Nhưng nếu mình muốn, số tiền có thể được tăng lên.

Ba trở mắt kinh ngạc, trong lúc cậu nhếch mép ra vẻ thành thạo:

- Rất dễ dàng: mình chỉ xác nhận là mình bằng lòng gửi lại số tiền, con sẽ lo mọi thủ tục. Như vậy khi ông ngoại 75 tuổi hay khi ông mất, mẹ sẽ lãnh tất cả vốn lẫn lời đến 600 livres.

- 600 livres?

Ba lại kêu lên thích thú, song ông lại thở dài ngay sau đó:

- Và... như vậy thì hiện tại mình không được xu nào hết, phải không?

- Dĩ nhiên! – Cậu Adam nhún vai – Ba nên nhớ hãng bảo hiểm Le Rocher cũng chắc chắn như một ngân hàng, một chỗ gửi tiền lý tưởng, bảo đảm. Mẹ nghĩ sao?

Kỳ chưa: mẹ tôi không có vẻ háo hức như con và chồng. Bà lúng túng:

- Mẹ thì mẹ không muốn lợi dụng ông ngoại con, theo cách đó...

Cậu Adam bênh vực ý kiến mình một cách nồng nhiệt:

- Đâu phải là lợi dụng, mẹ? Từ khi ba mẹ phải nuôi ông ngoại trong nhà cho đến giờ đã... khá lâu, như vậy thì ba mẹ có quyền về số tiền đó chứ? Vả lại, cách đây mấy năm ông gửi tiền bảo hiểm ở hãng Castle, mỗi tháng chỉ phải đóng có 5 shillings và rồi khi hãng này sắp sập tiệm, đóng cửa, nếu con không lanh lẹ như người ta mà lo chuyển tiền qua hãng Rocher kịp thời thì kể như tiền ông tiêu tùng rồi, còn đâu?

Mẹ tôi thở dài khó hiểu, không nói gì cả. Ba tôi do dự một lát rồi hỏi con trai trưởng:

- Nếu tiếp tục gửi tiền ở hãng bảo hiểm, con cũng được thù lao chứ?

Cậu Adam cười hề hề:

- Dĩ nhiên là thế. Công việc là công việc mà, thưa ba!

Ba im lặng như tuồng suy tính lung lắm, sau cùng nói:

- Phải đó, Adam! Ba đồng ý với con, việc này có lợi cho ta...

Như thế là khôn ngoan! – Cậu Adam tiếp lời cha – Đây! Con có đem về tất cả để giao mẹ đây!

Mẹ thưa ông ngoại ký trước ngày 17 nhé?

Cậu vừa nói vừa lôi cặp tài liệu trong cặp đưa cho mẹ tôi. Tôi trông thấy mẹ tôi gật đầu một cách miễn cưỡng. Câu chuyện chứng tỏ khả năng xoay sở của cậu Adam, song lúc đó tôi chả hiểu gì sất.

Sau khi ba đi làm, cậu tôi tìm dịp bắt chuyện với tôi trước khi đáp chuyến xe tốc hành lúc 14 giờ 30. Cậu đứng lên, nhìn tôi với vẻ thần nhiên:

- Robert, chốc nữa cháu đưa cậu ra ga nhé? Cậu muốn tặng cháu một món quà để làm kỷ niệm ngày cậu cháu ta gặp nhau. Xem này: một đồng vàng mới tinh! Đó là một vật quý giá và hữu ích, dù cho bọn kiết xác thường nói ngược lại. Này cháu! Cậu muốn cháu phải hiểu rõ giá trị đồng tiền, ngay khi còn nhỏ như cậu vậy! Cháu đừng nghĩ rằng thích tiền là biển lận. Cháu nghĩ coi: tiền có thể mang đến cho ta thức ăn ngon, áo quần may cắt khéo, chỗ ở sang trọng và được nhiều người vồn vã. Quan niệm sống của cậu thế đấy! Đó, cháu coi coi: tí như ông ngoại đó thì

biết, không một xu dính túi, ăn toàn phở ma với bánh mì, thuốc lá cũng không có chớ đừng nói chi đến...

Cậu chợt ngừng vì thấy đã đến giờ lên tàu, chào! Cái cười của cậu mới tươi làm sao. Cho đến nỗi tôi chỉ biết cười theo và suyt nữa, tôi muốn công nhận lời cậu rất đúng.

Trong lúc chờ cậu ở hành lang, tôi ngạc nhiên thấy mình ao ước cuộc sống... y như cậu. Một ngày nào đó, rùng rĩnh túi tiền, tôi bước vào một nhà hàng sang trọng, cất giọng oai vệ gọi bồi bàn, bảo mang đến những món thật ngon, tôi mặc áo thật đẹp, tôi... ôi chào! Những đồng vàng xủng xoẻng trong túi cậu Adam! Chúng mới cảm dỗ tôi làm sao chứ! Tôi chợt tỉnh mộng vì tiếng cậu:

- Nào, cháu mang va li cho cậu được chứ?

Mong ước làm vui lòng cậu – thần tượng của tôi – tôi hăng hái đón lấy cái xách nặng trĩu, nặng hơn tôi tưởng, có lẽ chứa toàn những sách vở giấy tờ quan trọng trong lúc mẹ tôi hôn từ biệt con trai.

Cậu Adam có bộ giò dài dễ nể, cậu đi như sỏi trong lúc tôi chạy theo hụt hơi, phần thì vướng cái xách nặng phải đổi tay liên hồi, mà vẫn chưa theo kịp.

- Nào, cháu thích món quà gì?

- Thưa cậu, món gì cũng được! – Tôi lễ phép trả lời.

- Không! Cậu muốn tặng thứ gì cháu thích cơ!

Chào! Cậu tôi rộng rãi làm sao! Cậu yêu tôi biết bao nhiêu! Vậy thì, còn ngại gì mà không nói phăng ra món quà mình ao ước chớ? Tôi nghĩ ngay đến hồ nước trong công viên đã đông đá dày trên 10 phân mà những lúc đi học về tôi vẫn ngừng lại ngắm nhiều người trượt trên nước đá.

- Thưa cậu! Tôi mạnh dạn nói – Cháu thích đôi giày trượt băng, ở cửa hiệu Langland trên đại lộ có bán.

- À!... giày trượt tuyết hở? Cậu nghĩ là nó sẽ vô ích trong mùa hè. Cháu đồng ý chứ?

Tôi thất vọng nhưng công nhận lời cậu nói rất đúng. Cậu tiếp:

- Nếu mua giày trượt đá thì thà mua cho cháu quả bóng còn hơn. Nhưng cháu nghĩ coi, cháu có thể chơi banh một mình không? Phải cho bạn cùng đá mới vui, và như vậy chúng sẽ làm hư liền, nếu không cũng đến cũ... Quả bóng, ồ...

Tôi gần kiệt sức vì cái xách, mồ hôi nhễ nhại, vai mỏi như đi. Cậu bàn tiếp về món quà xứng đáng:

- Cháu thích một con dao không? (Vừa nói cậu vừa gật đầu chào một người quen bên kia đường). Con dao... Ý! Quên, không được, cháu sẽ đứt tay và cậu sẽ bị bà rầy nữa, chưa kể... Nào! Để cậu nghĩ coi có món gì vô hại không...

Tôi cố sức để hóng nghe cho rõ lời cậu, cậu "ồ" lên một tiếng vui vẻ:

- Cậu nghĩ ra rồi, cậu có món quà hữu ích cho cháu, bà sẽ rất hài lòng! (Cậu vỗ vào trán). Có sẵn đây!

- Cảm ơn cậu!

Tôi trả lời vờ vập nhưng tay chân thì rã rời, tự hỏi không hiểu mình có lê chân đến ga nổi không? (Tôi rất sợ bị cậu chê: "Bây lớn mà bết quá, xách có cái xách như vậy mà không nổi". Song may thay cậu không nói thế).

Cậu chỉ xem đồng hồ tay, ôn tồn giục:

- Còn hai phút nữa. Nhanh lên một tí cháu ạ! Ý, cháu đừng kéo lê cái va li của cậu như vậy, hư

hết, va li đó đắt tiền lắm à!

Sau rốt, cậu cháu tôi cũng vào đến sân ga. Tàu đã chờ sẵn, cậu tôi nhảy lên toa hạng nhất, đỡ cái túi xách lục lạo một lúc trong khi tôi thở ra nhẹ nhõm, vì thoát cái xách như cái cùm, quên cả món quà cậu hứa.

Nhưng cậu không quên: nghiêng mình ra cửa, cậu đặt vào đôi tay ướt đầm của tôi một cái giá đựng lịch vàng rực chói sáng như cái "bờ rớt" đeo trên áo của mẹ, có nút vặn để thay đổi mỗi ngày trong tuần. Trên cái mặt giá có khắc hàng chữ trịnh trọng:

"HÃNG BẢO HIỂM LE ROCHER"

- Đây, cho cháu! Đẹp ghê, há?

Bộ điệu cậu tôi như bộ điệu của một đế vương ban tặng châu báu cho thần dân.

Tôi bị mê hoặc vì bộ điệu đó cũng như cái màu vàng chói lọi, nói theo không kịp suy nghĩ:

- Dạ, đẹp ghê! – Và tôi còn lễ phép, thêm – Cháu cảm ơn cậu!

Kỳ thật, tôi chỉ ngạc nhiên, không phải tôi vô ơn, trời chứng cho tôi, tôi biết ơn cậu, nhưng thất vọng về món quà quá đổi. Viên xếp ga thổi hoét một cái, tàu chuyển bánh. Và tôi, khư khư với món quà xinh đẹp mà vô dụng, trở về.

Đến nhà, tôi lên ngay phòng ông cố khoe món quà, không quên hỏi:

- Bằng vàng hay bằng đồng vậy, hả ông?

- Bằng đồng đó, cháu à!

Tôi đọc lại hàng chữ trên giá lịch lần nữa, hỏi ông:

- Ông ơi! Ông bảo hiểm nhân mạng ở hãng này phải không?

Đột nhiên ông tôi nổi giận - rất vô lý, theo tôi nghĩ – ông đỏ bừng mặt, quát to:

- Robert! Mày còn nhắc đến trò bịp đó nữa, tao bẻ cổ mày, nghe chưa?

Tôi kinh ngạc, xịu mặt, đứng yên không hiểu gì cả. Ông tôi thì đứng lên, đi lui đi tới trong phòng, dáng bộ nóng nảy:

- ... Nhưng bần tiện, bĩ ối nhất là cuốn lịch này! Bĩ ối quá đi! Tao hết chịu nổi.

Cứ ngần ấy tiếng, ông nói đi, nói lại, ban đầu chua chát, giận dữ, sau dịu bớt đi. Rồi hình như chợt hối đã nóng nảy vô lý với tôi, ông quay lại, dịu giọng:

- Robert! Con thích trượt băng lắm phải không?

- Thưa ông, vâng, nhưng ông hỏi làm chi? Con đâu có giày?

Ông tôi vẫn ngọt ngào:

- Đừng nản lòng chứ! Nào, nào! Để ông xem! Nhìn trước nhìn sau không thấy ai, ông ra nhà kho mang một thùng đầy ngập chứa nào đinh vít, bù long, giày cũ – trong nhà này không vật gì bị vứt bỏ - những thứ đã tích trữ hàng bao nhiêu năm.

Ông cặm cùi đem những đôi giày trượt băng ra uớm thử cho tôi nhưng than ỏi: chẳng đôi nào vừa hết! Cho đến nửa giờ sau, khi tôi bắt đầu thất vọng thì ông lôi dưới đáy thùng lên một đôi "patins" bằng gỗ, có lẽ của dì Kate khi còn bé. Ông lấy cái cờ lê vặn vào giày tôi. Chao ơi! Vừa vặn quá đi! Ông thay chỗ dây đứt bằng dây mới.

Thế là hai ông cháu nắm tay cháu, hớn hỏ đến hồ.

Chú thích:

Livre: đồng bạc Anh, mỗi livre bằng 20 shillings.

Chương tám

Năm ấy, xuân đến sớm. Trước nhà, ba cây dẻ lung lay mấy đóa hoa trắng làm đứa trẻ bất hạnh là tôi bỗng khoan khoái vì được tự do và say sưa vì những niềm vui mới mẻ. Ngày 15 tháng 4 bà tôi rời nhà như tôi đã kể, đến ở với người cháu theo thông lệ.

Bà vẫn tiếp tục lo lắng "phần hồn" cho tôi, ngay cả lúc lên đường. Dịp này, bà mặc áo mới và dúm vào tay tôi 6 pences.

Bà dặn dò tôi rất kỹ và rất nhiều thứ: nào nhớ uống thuốc, nào đừng nản lòng tin và hứa khi về sẽ xem thử làm gì cho tôi được.

Tôi rất thương yêu bà, song phải thú thực là sự ra đi của bà làm tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Tôi càng thích thú hơn khi mẹ tôi đặt cho tôi cái giường nhỏ trong góc nhà, gần với gian bếp bằng cái màn. Ôi chao! Góc nhà nhỏ nhắn, ấm cúng làm sao... gần như là một phòng riêng.

Ông tôi càng vui hơn. Cử chỉ đầu tiên của ông tôi là vớ lọ thuốc bà chế cho tôi, mở nút, trút ra cửa sổ, cười vui vẻ. Chỉ vài ngày sau, đám hoa dưới thành cửa sổ héo dần và chết ngòm làm cậu Murdoch nhăn nhó đổ lỗi cho ông đã giết hoa cậu dày công chăm bón!

Phải công nhận là lúc này ai cũng vui vẻ: trên lầu chỉ mình ông tự do làm chủ, nên mỗi ngày ông đều ra sân vận động để chơi "boules" với bạn ông. Ba tôi thì chiều chủ nhật dắt tôi đến Nha Thủy cục chỉ cho tôi thấy hồ chứa nước vĩ đại và ngôi nhà xinh đẹp, nơi mà ba tôi hy vọng sẽ độc chiếm khi ông Giám đốc hiện tại hồi hưu. Mẹ tôi bớt lo lắng, ám ảnh vì ý nghĩ không đủ ăn đến cuối tháng như thói quen. Còn cậu Murdoch thì sáng nào trong lúc cạo những sợi râu non vừa mọc cũng hát lên ông ổng:

- Tôi yêu một cô gái miền núi, cô rất dễ yêu...

Phải! Ai cũng tươi tắn như mùa xuân, trừ có dì tôi, dì tức tối vì nhựa cây lại lên, vì chim đỏ mỏ lại bay về, mỏ ngậm cọng rơm đậu trên mái nhà hay vì gì khác? Có Trời mà biết nổi!

Tôi tung tăng như con sáo, chạy việc vặt vặt cho mọi người, cho cả bà Bosomley, (bà vẫn đền công cho tôi bằng mấy ổ bánh mì kẹp thịt bít tết, ngon lành, thứ thức ăn tôi thèm rõ rãi). Tạm quên thân phận đứa trẻ mồ côi, sống nhờ ăn bám, tôi sung sướng, sung sướng yêu Gavin và được nó yêu lại hết lòng.

Hai đứa tôi bắt đầu sục sạo khắp mấy ngọn đồi xung quanh. Những cuộc du hành này lý thú gấp bội so với những cuộc đi dạo với ông. Gavin hằng say tìm trứng chim óc cau, thứ còn thiếu trong bộ sưu tập khá đầy đủ của nó, nó cho tôi biết là loại chim này hiếm nhất vùng Winton. Trong khi hai đứa khom mình chui qua những bụi cây rậm rạp, Gavin chỉ dẫn cho tôi tập quen với đời sống trong rừng. Nó vạch những cành gai, chỉ cho tôi thấy trong những hốc kín đáo, những chỗ bất ngờ có tổ chim. Tôi sáng ngời mắt khi nhìn cái tổ nhỏ làm bằng bùn và rơm, trong đó nằm gọn những quả trứng bé xíu, lốm đốm xanh, thật là mới lạ đối với tôi. Gavin trang trọng bắt tôi giơ tay thề, thứ lời thề của người đi rừng: "Không bao giờ lấy hai trứng trong một tổ chim". Và nó còn nói bằng giọng giận dữ rằng lũ trẻ mất dạy đã lấy hết trứng và hủy cả tổ chim xinh đẹp.

Suốt tháng rông, Gavin vẫn chưa tìm ra được loại trứng chim óc cau ao ước.

Một buổi chiều, hai đứa trở về sau một cuộc du ngoạn xa nhất. Tôi nấn ná lại bên hồ nước. Không hiểu tại sao, tôi lại ưa thích những ao hồ chứa đầy mầm sống này. Tôi cúi xuống vớt vài con nòng nọc và đúng lúc đó, tôi nom thấy một cái tổ bằng rơm, nằm gọn trong đám rong, có

ba quả trứng to, xanh lá cây điểm những chấm đỏ, thật như thể là tôi mơ. Tôi kêu to lên làm Gavin dừng lại và sự mừng rỡ làm tôi không nói nên lời, chỉ cho Gavin đám rong trong đó có mấy trứng chim óc cau – tôi biết do nó miêu tả nhiều lần – Gavin khựng lại, kêu lên:

- Đúng đó! Robert!

Gavin lội bì bõm trong nước, đem ra một trứng – một trứng thôi – Hai đứa ngồi bên bờ ao, rồi với dáo bộ hết sức trân trọng nó đặt nhẹ trên mặt nước và sau khi biết chắc rằng trứng mới sinh, Gavin thổi nhẹ nhẹ và đặt vào lòng bàn tay tôi, giọng nó nồng nàn trù mến:

- Đây! Đẹp ghê chứ?

- Ừ! Đẹp ghê thật. Mãi bây giờ mới tìm ra, tao mừng quá, Gavin ạ!

Sau khi ngắm nghía no mắt, tôi đưa cho nó:

- Đây, cầm lên đi, Gavin!

- Không! – Gavin nói, mắt không rời mấy cái trứng còn lại trong tổ - Sao lại tao cầm lên? Có phải của tao đâu?

- Coi kìa! Gavin! Mày thích và tìm đỏ mắt cả tháng nay...

- Nhưng đâu phải tao tìm ra nó? Chính mày tìm ra mà!

- Nhưng nếu mày không chỉ dẫn thì đời nào tao để ý tìm nó làm gì?

- Dù vậy, nó chính của mày!

- Của mày đấy, đừng lời thôi!

- Không! Không phải của tao, ta phải công bình.

Tôi biết rằng không bao giờ Gavin chịu phạm vào lời thề mà lấy thêm một trứng, vậy chỉ còn một cách, tôi nói to:

- Gavin! Cái trứng này đẹp thật, tao công nhận, nhưng tao không thích, hơn nữa, tao chả sưu tầm thứ này, mày thì cần nó. Tao chỉ ưa cóc, nhái, nòng nọc, chuồn chuồn, mày biết rõ mà! Vậy nếu mày không lấy tao cũng đến vứt đi sau khi chơi chán, có phải uống không?

Nghe tôi dọa thế, Gavin đâm cuống, đôi mắt xám của nó mở to:

- Nếu vậy thì tao lấy cái trứng, nhưng tao sẽ tặng mày một vật khác, nếu không thì bất công lắm. Phải! Tao sẽ tặng mày một vật mà hai đứa mình cùng ưa.

Nó gói cái trứng lại bằng miếng bông gòn mang theo sẵn, cho vào túi, nụ cười rụt rè của nó làm tôi sung sướng hết sức.

Chiều hôm ấy, từ nhà nó ra về, tôi mang theo cái kính hiển vi, vật quý giá mà tôi ao ước từ lâu song không thể nào sắm nổi: một bận tôi được Gavin chỉ cho cách sử dụng, vốn trước kia của chị nó hồi chị còn học môn sinh vật ở trường Trung học Winton. Kính này thuộc loại đơn giản song cũng có 2 vật kính và 2 thị kính. Ông Thị trưởng luôn luôn mua sắm những phẩm vật hảo hạng cho các con. Tôi cũng mang về cùng với kính vài phẩu thức đơn giản để xem và một cuốn sách cũ, bìa đã vàng, giấy thì mốc. Chương đầu cuốn sách đề: "Những gì ta có thể thấy trong một giọt nước" và chương hai: "Cấu tạo của một cánh ruồi".

Chương chín

Mùa xuân vẫn như kéo dài. Khu Drumbuck có một ngõ nhỏ gọi là "con đường xanh". Tên này sai - đối với tôi lúc bấy giờ. Hai bên ngõ là những nhà nhỏ, một khu vực riêng biệt, khác hẳn khu nhà của các công chức của Levenford, kể từ ông Thị trưởng, ông Xếp ga, ông Chỉ huy trưởng đội Cứu hỏa cho đến viên Thanh tra sở Vệ sinh (là ông ngoại tôi). Chủ nhân những ngôi nhà này là nhân viên hăng đúc nồi gang.

Năm giờ sáng, còi đã hú vì đến giờ làm việc, nên sáng không ai thấy họ đi ngang, chỉ vào buổi trưa, chiều, tiếng giày đinh của họ vang lên khắp đường, những bộ đồng phục xanh dương lấm lem, những khuôn mặt và đôi tay đen vì khói và dầu, thật trái ngược với ông ngoại tôi: đồng phục dính khuy đồng sáng loáng và mũ kết trắng tinh!

Họ rất hiền lành, lương cao và công việc nhọc nhằn thực sự. Cho nên hể chiều thứ bảy là họ đi chơi ở sân banh Levenford, hay hơn nữa: ngày chúa nhật đạp xe lửa đi Winton chơi. Đôi khi, họ còn đi bách bộ trong vùng và cao hứng họ dám ngừng lại rút khẩu cầm mang theo sẵn trong túi ra thối lên một bản hay ra trò.

Trong đám thợ thuyền đó, tôi mến nhất anh Jamie Nigg, vì lẽ giản dị là anh ta rất mến tôi. Anh khoảng 30 tuổi, người thấp, vai rộng, tay dài, đôi mắt to, hơi buồn, có lẽ do đôi chân vòng kiềng của anh (tôi đoán thế). Mặc dù khi đi ngoài đường, anh cố sửa, song tôi thấy như cố tật vẫn không sao che giấu được.

Mỗi lần tôi tan trường ra là y anh đón đường tôi, nhìn tôi bằng hai mắt hiền lành, tay luôn luôn vuốt cằm (cạo râu mỗi ngày, dù vậy hai má và cằm anh vẫn thấy vết xanh vì râu anh dày lắm).

- Sao? Mạnh chứ?

- Dạ mạnh! Cảm ơn anh Jamie.

- Ở nhà em, mọi người khỏe hết chứ?

- Cảm ơn anh, ai cũng khỏe hết.

- Ông ngoại em và cả gia đình đều khỏe?

- Thưa anh Jamie, vâng!

- Nay, cậu em sắp thi đấy chứ?

- Thưa anh, phải; cậu em sắp thi.

- Bà em chưa về hử?

- Dạ, bà em chưa về.

- Hôm kia, anh thấy ông cố em ở sân vận động.

- Thế à?

- Ông cố em có vẻ khỏe lắm.

- Vâng!

- Hôm nay trời đẹp, hử?

- Vâng!

Hết chuyện! Im lặng giây lâu rồi anh Jamie cho tay vào túi rút ra một pence mỉm cười đưa cho tôi, kèm theo một câu khôi hài xưa rích vẫn thường được dùng ở Levenford:

- Cho em đấy! Cầm lấy! Và nhớ: đừng tiêu hết một lần trong cửa hiệu.

Tôi dạ to một tiếng cầm tiền chạy bay đi, anh đứng yên nhìn theo, nói với:

- Nhớ nói lại anh gửi lời thăm cả nhà, nghe?

Chả cần bận tâm tìm hiểu, tôi cho rằng anh Jamie tử tế với tôi là vì anh biết mẹ tôi ngày trước – cũng như ông Thị trưởng Blair, như chị Julia, và như nhiều người khác trong vùng. Thật vậy, chỉ với mấy lời ngắn ngủi: "Ta có quen với mẹ em lúc trước" là đủ làm tôi phấn khởi, làm tuổi thơ côi cút của tôi tươi đẹp lên một chút và làm tôi tin tưởng vào lòng tốt của mọi người.

Vội vàng, tôi chạy đến quán bà Minns mua mấy viên kẹo chua chua có sọc xanh xanh, hồng hồng, không thắc mắc làm chi về cái lý do quá chu đáo của anh Jamie đối với tôi.

Từ sau khi nhận quà của cậu Adam, tôi học được chút kinh nghiệm... Và tôi cẩn thận hơn, và dù là anh Jamie dạn dò như thế, tôi vẫn tiêu ngay số tiền vừa nhận được, nếu không, sớm chầy người lớn cũng khám phá ra, hoặc khi thay quần áo nó từ túi quần lặn ra nền nhà bếp, làm ba tôi chú ý và nhất định là ông nhặt lên, bảo "để dành" cho tôi. Tôi còn bé, lại ăn uống thiếu thốn nên thêm bánh kẹo ghê gớm.

Tôi đâu phải hạng mù chữ, dốt nát? Cho nên tôi biết rằng thú vật trong rừng, ngoài đồng có thể chết vì thiếu ăn, dù bề ngoài xem ra... sung túc. Tôi cũng vậy, cái đói luôn luôn day dứt trong tôi, ngay cả khi vừa rời khỏi bàn ăn, nên tôi cho rằng nếu không có kẹo của bà Minns tôi dám chết quay lơ một ngày nào đó chứ không chơi! Con nít rất cần chất đường cho cơ thể tăng trưởng, không phải sao? Nếu không người ta chế ra kẹo bánh làm chi?

Một bữa chiều thứ bảy, tôi tình cờ gặp anh Jamie – người vẫn gián tiếp cung cấp chất đường cho cơ thể tôi - ở góc "con đường xanh". Nhưng anh thì không, anh cố ý đón đợi tôi, chắc chắn như vậy. Chà! Anh có vẻ chải chuốt khác hẳn ngày thường.

Bộ quần áo xanh dương, giày nâu và mũ kết thấp có kẻ ô vuông đỏ, đen.

- Đi coi đá banh với anh không?

Tim tôi đập rộn lên: buổi chiều buồn bã trống rỗng vì Gavin ở Luss với ba nó chưa về. Xem đá banh: trò chơi này tôi chưa hề được dự mà cũng không hề chấp chơi hy vọng được xem. Làm sao tôi từ chối nổi?

*
* *

Lúc ra về, chúng tôi sát bên nhau như đôi bạn thân thiết. Đến ngã rẽ, anh đột nhiên trao cho tôi một cái gói, cái gói khá to đã là nguyên cớ khiến anh bối rối suốt buổi. Mặt bừng đỏ, giọng khàn khàn, anh nói:

- Em đưa cho dì Kate nhé? Nói là anh... tặng. Ý cha! Lạ lùng chưa? Sao lại có dì Kate chen vô giữa hai anh em kìa? Dì Kate của tôi mà! Tình bạn thắm thiết của tôi và anh ấy có gì trục trặc đây chứ chẳng không? Trông đáng bộ tôi, anh Jamie càng đỏ mặt hơn:

- Em bằng lòng chứ? Cứ đem vô trong phòng dì, nhé?

Khi anh quay đi, tôi còn sững sốt với gói quà trên tay. Về đến nhà, chả thấy dì đâu, cậu Murdoch thì đang vò đầu, vò cổ trước mấy cuốn sách dày cộm.

Theo đúng lời Jamie, tôi đi thẳng lên phòng dì, tôi reo to khi thấy dì:

- Dì ơi! Có quà cho dì! Có quà cho dì này! Sướng chưa?

Mặt tối sầm, dì tỏ vẻ không tin lời tôi; làm tôi phải lặp lại lần nữa, và đưa gói ra, dì tôi cầm lấy, thong thả mở gói trong lúc tôi như bị thôi miên: dưới lớp giấy hoa, một cái hộp tuyệt đẹp có thắt nơ, đựng ít nhất cũng 3 livres kẹo sô cô la, thứ thượng hạng. Tôi dám chắc là từ hồi sinh ra

đến giờ dì tôi chưa hề nhận được món quà nào đẹp và... ngon hơn.

- Đẹp quá, dì hử? (Tôi tiết lộ tên người tặng) của anh Jamie đó, anh dắt cháu đi coi đá bóng chiều nay. Anh tử tế ghê, dì hử?

- Jamie?

- Dạ, anh Jamie – Nigg đó mà! Dì không biết sao?

Dì tôi có vẻ nửa thích thú nửa thất vọng, dì bĩu môi:

- Dì sẽ gọi trả lại cho ông! Dì sẽ trả!...

Tôi cố nén một tiếng kêu bất bình, kinh ngạc. Sao lại gọi trả? Người ta tử tế như vậy... nhưng tôi cố không làm dì tức giận bằng giọng nhỏ nhẹ:

- Đừng, dì ơi! Tội nghiệp anh, dì ơi! Vả lại...

Tôi không nói hết được ý nghĩ, tôi thêm rõ rãi ra. Dì tôi không khỏi nín cười – dì ít cười, nhưng hễ khi dì cười trông dì xinh tẹt! – vò đầu tôi:

- Ủ! Thôi, dì cho cháu một cái, nghe? Nhưng phần dì, dì thề không thêm đụng đến.

Không đợi dì mời đến tiếng thứ hai, tôi nhón ngay một cái.

- Ngon không, cháu?

Dì hỏi – xem chừng dì cũng thêm lắm. Kẹo ngon thế kia mà! – Tôi gật đầu chứ không nói được vì bận nhai kẹo. Giọng dì tôi tiếc rẻ:

- Phải chi của ai thì, hay quá...

Chao, dì Kate của tôi nói đến lạ. Tôi hăng hái bênh vực anh Jamie:

- Sao dì nói vậy? Cháu thấy anh ấy dễ thương lắm mà! Dì phải biết: anh ấy quen với mấy cầu thủ trong đội banh Levenford kia, chớ dì đừng tưởng...

- Cháu chưa hiểu gì cả, Jamie xoàng quá, một gã thợ quèn. Đó là chưa kể anh ta không kiêng cả rượu mạnh.

Bắt chước ông cố, tôi nói bằng giọng bất cần:

- Chuyện đó có hại gì đâu?

- Thôi, cũng được đi, nhưng cháu coi...

Tôi ngừng nhai chờ đợi, dì tôi đỏ bừng mặt, tiếp:

- Đôi chân của anh ta...

- Coi kìa? Ai bảo dì để ý đến chân anh làm chi?

Tôi lại hăng hái bênh vực Jamie. Dì tôi thở dài:

- Sao không để ý, cháu?

Tôi nói như người lớn:

- Bộ dì thương người khác, hử?

- À... à! Cũng có...

Ánh mắt dì tôi chột mơ màng, xa vời. Thừa dịp, tôi nhón thêm cái kẹo nữa.

Dì tâm sự:

- Cũng có nhiều người đến với dì, nhưng dì chỉ nghĩ đến một người, một người lý tưởng. Một người đàn ông lớn tuổi, rắn rỏi, da nâu, lịch thiệp, học thức rộng, như mục sư Sproule chẳng hạn.

Chúa ơi! Tôi há hốc miệng nhìn dì tôi: mục sư Sproule, già gần 40, bụng hơi bự, tóc xoắn, giọng nói sang sảng và có tới bốn đứa con!

Lý tưởng kiểu gì vậy hả trời? Tôi gạt đi:

- Thôi đi dì! Anh Jamie hơn chứ. Anh còn trẻ, vui vẻ, tốt bụng...

Tôi chợt ngừng lại, đỏ mặt, nghĩ là mình không nên phạm thượng, chỉ trích thần tượng của dì mình. Song may quá: dì vẫn không phật ý, dì vui vẻ:

- Dì không giận đâu, này, ăn thêm đi, cháu! Đừng bận tâm. Dì thì dì thề không thềm làm bẩn miệng vì mấy viên kẹo này.

Tôi vâng lời dì tức thì. Dì tôi mơ màng:

- Robert à, dì chán tình yêu lắm, chán lắm! Luôn luôn phụ nữ bị thua thiệt! Robert! Viên kẹo bên trong mềm hay cứng vậy?

- Cứng dì ạ! Mà ngon lắm, dì ăn thử đi! Có hạt hạnh nhân trong đó, ngon dễ sợ, ăn đi dì! Đây, dì nghe cháu đi!

- Không! Không!

Dì tôi chối từ nhưng giọng yếu ớt khác lúc đầu. Tôi tấn công thêm:

- Dì ăn thử một viên thôi mà! Ăn đi dì! Ngon lắm!

Lần này, dì xiêu lòng, đón viên kẹo tôi đưa cho một cách lơ đãng, cho vào miệng, không nói gì. Tôi nóng nảy hỏi:

- Ngon phải không dì?

- Robert ơi! Không ai có thể mua chuộc nổi dì bằng quà biếu đâu, nhưng phải công nhận cháu nói đúng: kẹo ngon chi lạ!

- Dì này, dì ăn thêm cái nữa đi dì!

- Thôi!... mà... cũng được, nếu cháu muốn, tìm cho dì một cái nhân cam như viên đầu cháu ăn đó!

Thế rồi, cháu mời dì một cái, dì mời cháu một cái, non nửa giờ sau, chúng tôi ăn hết hàng trên hộp kẹo.

Đã thềm rồi, tôi sực nhớ thắc mắc:

- Dì ơi! Cháu nói sao với anh Jamie?

Dì tôi cột cái nơ quanh hộp lại, cười to – lần thứ nhất dì tôi vui vẻ thực sự:

- Hai dì cháu mình giả dối ghê chớ? Nhất là dì: ăn của người ta, chắc người ta tốn nhiều tiền lắm... mà không thương người ta...

- Cháu có thương anh ấy chớ!

Tôi la lên. Dì càng cười to thêm:

- Thì cháu cứ thương anh! Dì có cấm đâu. (Nghiêm giọng lại). Cháu hãy nói thật với anh là dì gọi lời cảm ơn, kẹo ngon lắm, nhưng anh đừng nghĩ gì hết, tốt hơn.

Tôi hơi rối trí vì mấy lời tối nghĩa của dì, toan hỏi, nhưng dì đã tiếp:

- Cứ nói: anh đừng hy vọng gì hết, cháu nhớ chưa?

Tôi chạy bay xuống lầu, quyết định sẽ chỉ nói với Jamie mấy câu trên, còn mấy câu dưới thì khỏi, tôi đâu có điên? Tôi không muốn Jamie buồn đâu.

Chương mười

Tháng 7 đến, sắp nghỉ hè. Lúa nghiêng mình dưới làn gió nóng, trĩu hạt, sắp chín vàng. Gavin và tôi rong chơi cùng khắp, trèo núi Grshake mọc đầy dâu rừng, chúng tôi hái ăn và mang về cho mẹ cả xô đầy, mẹ rất thích vì thứ dâu rừng làm mứt ngon thập bội so với thứ mứt đại hoàng mà chúng tôi phải cố nuốt hàng ngày.

Hai đứa tôi còn tắm suối, lần đầu tôi tập bơi, đàn cá vàng kinh ngạc thấy người, lội nhanh để trốn, chạm cả vào chân chúng tôi. Tôi thích thú kêu to và hai đứa cười ròn rã. Vùng vẫy trong nước thật quả có ích: mọi ưu phiền của tôi như trôi tuột, như được rửa sạch.

Rồi chúng tôi chạy nhảy bằng thích và cuối cùng nằm dài lên cỏ, ngửa mặt nhìn trời, tận hưởng hạnh phúc. Vòm trời trong xanh, không khí tinh khiết, ấm áp, nắng vàng, cây lá xanh tươi và trong tôi bừng lên sức sống.

Có lẽ tôi đã sống như một kẻ ngoại đạo. Làn gió hè thổi tan những ý tưởng về Thượng Đế ra khỏi tâm trí, tôi chả hoài hơi lưu tâm đến những bưu thiếp bà gửi về. Tối tối, tôi chả còn e ngại bọn quỷ dữ nấp ở xó nhà chỉ lăm le ám hại linh hồn tôi, như lời bà. Vừa đặt lưng xuống giường là mắt tôi nặng trĩu ngay, có khi chỉ vừa kịp đọc vội, đọc vàng một câu kinh ngắn cho có lệ. Nhưng không bao lâu, tôi hay tin là sắp phải xa Gavin: mỗi dịp hè ba nó thuê một trại mát vùng Perthshire ở đó có thể săn bắn, câu cá (một điều xa xỉ mà sau này người ta sẽ trách ông). Gavin nghỉ hè tại đó, một vùng cao nguyên đầy cỏ dại và thơ mộng.

Chị Julia không ngớt lặp đi, lặp lại cho tôi biết rằng tôi có thể đến đó nghỉ hè với Gavin. Mà tôi, tôi cũng rất thích, song than ối! Áo quần thảm hại quá, chưa kể phí tổn di chuyển bằng tàu hỏa và nhiều khó khăn khác về tài chánh khó nổi vượt qua, vì vậy, dự định tốt đẹp ấy bị bóp chết ngạt từ trong trứng!

Hai đứa tôi chia tay ở sân ga, mắt mờ lệ. Chúng tôi nắm tay nhau thật chặt không muốn buông ra và hứa trung thành cùng là nhớ đến nhau luôn.

Trọn tháng rông, tôi chỉ biết lang thang bên mấy ngôi nhà tranh có rào đầy bụi rậm. Gió thổi hun hút giữa lùm cây nghe như tiếng thở dài ảo não của đất đai đã cạn dần sinh lực.

Phần đông các gia đình khá giả ở Levenford đều đi nghỉ mát ở bờ biển. Thành phố đều hiu vắng vẻ trở thành xa lạ đối với tôi, y như một thành phố bị quân ngoại xâm chiếm đóng.

Gavin vắng mặt nhưng đều đặn gửi thiệp về, giọng nó tràn ắp nồng nhiệt làm tôi càng nôn nả mong gặp nó.

Thế rồi, một buổi chiều tôi đi dạo trước khi vào làm một bài luận dài ngoằng về Marie-Stuart – nữ hoàng Tô Cách Lan, tôi lại gặp Jamie – anh vẫn có lệ chiều chiều đến ngồi trên thành tường thấp bao quanh vườn nhà tôi – quay lưng vào nhà. Chiếc khâu cầm trên miệng, anh thổi lên một điệu nhạc rất lôi cuốn, tôi nghe mê nhưng không biết tên nên đặt là "điệu nhạc của anh Jamie" – Anh cứ điềm nhiên thổi trong lúc tôi lảng lạng ngồi xuống bên cạnh. Chúng tôi cùng tận hưởng hơi mát truyền lên từ thảm cỏ vàng đẫm sương chiều, từ những cụm mây mù vây kín những mái tranh khô héo.

Cỡ bảy giờ, dì Kate đầu trần, hai tay thọc vào túi, cổ áo choàng mỏng màu xám kéo cao lên, rời nhà đến thăm cô bạn. Dì làm như chỉ thấy có mình tôi. Còn Jamie? Anh cũng làm như không thấy dì, có điều dì càng đi xa, điệu nhạc càng to lên như đuổi theo sát gót. Tôi hiểu lơ mờ rằng đây chính là một dạ khúc Tô Cách Lan, chậm, dàu dặt, thấm thía...

Một hôm, cảnh đó tái diễn, và dì ngừng lại trước chúng tôi đột ngột, giọng dì nghiêm nghị:

- Robert! Cháu nên vào nhà thì hơn!

Tôi chưa kịp trả lời dì thì anh Jamie ngừng thổi kèn, đón lời:

- Kìa, thằng bé có làm gì bậy đâu?

Dì Kate trừng mắt nhìn anh Jamie, tia nhìn giận dữ, nhưng anh vẫn thản nhiên làm dì phải quay đi không biết nói gì khác nữa. Giọng lửng lơ, anh lại nói:

- Chào! Buổi chiều hôm nay trời đẹp làm sao!

- Chắc chắn trời sắp mưa!

Dì tôi trả đũa, Jamie vẫn tươi cười:

- Có thể lắm, nhưng hại gì, một cơn mưa nhỏ ấy mà!

- Anh giữ tôi lại để nói chuyện thời tiết đấy hử? Giọng dì dấm dẳng, nhưng trong cái tranh tối tranh sáng của buổi chiều, tôi thấy dì đẹp ghê đi: thân hình cao, rắn chắc, chân thon, thẳng.

Jamie lơ đãng đưa kèn lên miệng thổi vài tiếng rồi nói:

- Tôi nghĩ đây là một buổi chiều lý tưởng để... đi dạo...

- Hả? Đi dạo? Xin hỏi anh: đi dạo ở đâu?

- Ờ! Đâu mà không được...

- Dễ nghe há? Tôi không định đi dạo, tôi đi thăm bạn tôi, anh hiểu chưa?

Dì sắp quay đi, tức thì Jamie nhảy phóc xuống, phủi quần, nói mau:

- Tôi cũng đi đường ấy. Tôi xin phép được đưa cô đi!

Dì Kate có vẻ bối rối, không nói năng gì. Nhưng tôi có cảm tưởng là khi hai người sóng đôi được một đoạn thì bóng tối đã che mất đôi chân cong của Jamie! Phải! Quan tâm làm chi đến đôi chân? Đáng kể là tấm lòng kia chứ!

Nán lại một chút chờ họ đi khuất, tôi vào nhà, mở cái cặp ra, soạn sách vở làm bài. Nơi bàn ăn, cậu Murdoch có vẻ khá chăm chỉ, nhưng tôi ngạc nhiên thấy cậu không hề lật sách. Cậu gãi đầu liên hồi, gàu rơi đầy trang giấy. Tôi tự hỏi cậu có thực sự học không vì vài bận tôi thấy giữa các trang sách của cậu thò ra một cuốn mẫu hạt và cách trồng tỉa, bằng chứng hiển nhiên về sự ham thích trồng trọt của cậu tôi.

Suốt ngày, cậu ngồi học một cách miễn cưỡng, day trở không ngừng, đứng lên rồi ngồi xuống, khi thì chạy đến trước gương nặn mấy cái mụn trứng cá, khi thì lên ra vườn, lang thang như một tâm hồn đau khổ. Đôi lúc vô tình cậu hé cho tôi thấy rõ tư tưởng thầm kín của cậu:

- Robert này, mày biết không: bên Hòa Lan họ trồng từng mẫu Uất Kim Hương cơ đây! Tưởng tượng coi: từng mẫu Uất Kim Hương?

Tối tối, ba tôi ngồi ngay sau lưng cậu, im lặng và kiên nhẫn như một bác đánh xe ngựa. Sẽ có cuộc thi tuyển vào Quốc gia Bưu Điện tháng tới. Ngày ấy càng gần, ba càng nắm chặt dây cương hơn, tôi dám chắc ba không ngần ngại gì mà không dùng roi, nếu thấy cần và con ngựa khốn khổ chắc bạn đã rõ: không ai khác hơn là cậu Murdoch của tôi!

Ba nhất định cậu tôi phải đậu, không chỉ để bảo đảm tương lai của cậu mà còn để thỏa mãn tính kiêu hãnh của ba. Ba đã không thành công và được yêu vì trong xã hội, ông cần trả thù, ông ao ước hết lòng được báo tin cho mọi người, từ ông Thị trưởng, luật sư Mc Kellar, bác sĩ Lair, cho xếp ông, bằng giọng hãnh diện rằng chính con trai thứ của ông đã trúng tuyển vào Quốc gia Bưu Điện!

Tôi sẽ sàng đến ngồi gần cậu, hết sức sẽ sàng để tránh làm rộn người đang học thi. Mẹ đã cẩn thận bao sách tôi bằng loại giấy nâu dày để giữ cho lâu bền - ở nhà này không được làm hư hại

bất cứ một vật gì – Ông tôi thì đề tên tôi lên ngoài bì bằng nét chữ rắn rỏi và rất đẹp. (Tôi đã lên lớp ba tháng nay rồi. Thầy giáo mới, ông Singer hỏi đầu, cử chỉ từ tốn, chậm chạp và rất thú vị, tỏ vẻ ân cần đối với tôi. Tôi tấn tới rõ ràng tỏ ra có năng khiếu đặc biệt). Nhưng tôi không bao giờ kể chuyện đó ra với ba tôi, vì tôi biết ông không cần quan tâm đến. Trong khi soạn cặp, vô tình tôi làm rơi tờ ghi phiếu điểm thi tam cá nguyệt đệ nhất xuống gạch làm ba chú ý, tôi lúng túng đỏ mặt lên làm ba thêm nghi, ra hiệu đưa ông xem. Tờ giấy ghi phiếu điểm màu vàng nhạt, khá dày, do chính tay thầy Singer ghi chép: tôi được nhất về Toán, Địa lý, Sử ký, Anh văn, Pháp văn, nhì môn Vẽ và được xếp hạng nhất ở lớp.

Xem xong, ba có vẻ ngạc nhiên, nhìn tôi dò xét, như... nghi ngờ. Mà làm sao không tin chớ: chữ ký và chữ viết đều do tay thầy tôi. Song tôi ngạc nhiên thấy thay vì hài lòng, ba tôi trả tờ giấy với sắc mặt không vui. Tôi khổ sở chúi mũi vào trang sách.

Im lặng. Chỉ có tiếng tích tắc của đồng hồ, tiếng lật sách, tiếng cựa mình trong ghế của ba kêu lên ken két. Quên, còn tiếng kim đan của mẹ nữa chớ: mẹ đang đan khăn choàng cổ cho cậu Adam. Luôn luôn đan khăn choàng cho cậu Adam! Chín giờ tối, dì tôi về và đi thẳng lên lầu sau khi chào cha mẹ. Chúa ơi! Tôi có lầm không: hình như dì hát khe khẽ bản nhạc của Jamie? Chín rưỡi, mẹ nhìn tôi ra hiệu, tức thì tôi dẹp sách vở hết sức cẩn thận vì nơm nớp lo sợ đụng chạm bàn ghế ba sẽ nổi giận lên, rồi tôi chui vào phía sau màn, cái góc của tôi.

Chúa ơi! Tôi đói quá đi! Sao mà y như chưa ăn chiều vậy! Ước gì có mẩu bánh mì nhĩ! Tôi biết mẹ không nỡ từ chối với tôi, nhưng làm sao xin được lúc này? Nén cơn đói, tôi thay áo và quỳ gối đọc Kinh, đoạn lên giường.

Đôi khi, tôi thao thức tận lúc cậu đi ngủ. Cũng là lúc ba mẹ thì thầm bàn tính chuyện nhà. Tôi nghe thoang thoáng tiếng được, tiếng mất. Sở vệ sinh Ardfillan đòi ba nộp bản tường trình về việc hốt rác (Trời ơi! Tưởng gì lạ!). Hôm nay bà mua thịt bò hết bao nhiêu?... Đắt quá vậy? (Hoài! Lúc nào ông cũng chê mẹ tôi mua đắt!). Giọng ông cao hơn: "Năm nay bãi bỏ chuyện nghỉ hè ở bãi bể đi, để tiền gởi vào hội bất động sản, tốt hơn" Tiếng mẹ: "Ừ! Năm sau nếu Adam làm ăn khá hơn hay nếu ông lên chức"... "Trong lúc chờ đợi phải tiện tặn, tiện tặn, tiện tặn..."

Từ lâu, tôi quen thói keo kiệt của ba, hết cho là lạ lùng, càng ngày ông càng đam mê tiền bạc, tìm đủ mọi cách để khỏi chi ra. Mẹ tôi khổ sở rất nhiều vì thói ấy, bà phải chặt bóp từng li, từng tí trong mọi việc tiêu pha. Tôi chắc mẹ tôi cũng như các bà nội trợ khác ưa mua sắm trong các nhà hàng lớn như Donalson hay Bruce! Chao! Hàng bày trong đó mới hấp dẫn làm sao! Và tôi dám chắc nếu có đủ phương tiện, mẹ tôi là đầu bếp khéo nhất – trong vài dịp hiếm có, mẹ trở tài làm bánh ngon kinh hồn – Tôi biết mẹ tôi thích dọn cho cả nhà những món ăn ngon lành. Song luôn luôn, mở cái ví cũ mềm, đen chũm ra, lăm nhăm tính một lát, bà thở dài trở về với mấy món xúp lúa mạch cổ điển và sai tôi chạy qua quán mua một penny (1) xương (lần nào mẹ cũng dặn: "Nhớ bảo ông ấy chờ lại chút thịt, con nhé") và ghé lại tiệm Logan mua thêm nửa penny vừa cà rốt vừa củ cải.

Tội nghiệp mẹ tôi: hôm thứ hai rồi, khi đánh rơi cái đèn dầu treo ngoài hành lang, mẹ đã bật khóc... Mà thôi! Tôi buồn ngủ quá đi!...

Một buổi tối, mẹ sai tôi đốt đèn ngoài hành lang. Tôi thấy dì Kate vừa về, trẻ hơn thường lệ.

- Cháu đó hẳn? Robert? – Tôi biết dì hơi bối rối song giọng dì thân mật.

- Thừa dì vâng!

Trèo lên đốt đèn xong, tôi bước xuống ghế, dì nắm tay tôi bảo:

- Robert! Cháu ngoan lắm!

Tôi đỏ mặt sung sướng: Ít lâu nay dì rất dễ thương đối với tôi. Có vẻ ngập ngừng một chút, dì tiếp:

- Nghe này, Robert! Jamie nhất định mời dì đi hội chợ Ardfillan với anh ấy. Người đàn ông ai thèm đi như vậy chứ? Anh ấy cũng đồng ý với dì về điều này. Cho nên anh ấy... dì với anh ấy sẽ dắt cháu đi chung cho vui, nếu cháu thích...

Nếu? Tôi đã nghe kể những điều vui ở hội chợ Ardfillan, mỗi năm một lần nông dân các vùng lân cận đổ xô tới... Tôi thì thắm:

- Dì ơi! Cháu...

- Vậy là cháu bằng lòng, hử?

Dì âu yếm nắm chặt tay tôi và khi lên thang lầu dì báo cho tôi biết rằng Gavin vừa trở về, dì gặp nó ở sân ga.

Gavin trở về rồi? Thích quá: vậy là nó về sớm hơn dự định hai ngày. Vậy thì ngày mai tôi gặp nó rồi.

Gặp lại bạn thân, hội chợ Ardfillan, hai điều đó làm tôi tràn ngập vui sướng. Tôi hé cửa, nhìn bóng đêm thở mạnh. Đêm tối mịt, không một ánh sao nhưng làn gió nhẹ chứa chan hứa hẹn. Ôi! Đời mới đẹp làm sao!

Chú thích:

(1) Đơn vị tiền của Anh.

Chương mười một

Cậu Murdoch sửa soạn đi thi. Vị độc giả trung thành với các loại sách mẫu hạt giống và cách trồng tía đã sẵn sàng trong hành lang. Diện bộ lễ phục, mang đôi giày tốt nhất, trước mặt cậu là mẹ tôi đang quỳ, đôi tay đỏ chai vì công việc nội trợ đang cầm bàn chải, chải vết bùn dính ở lai quần cậu, nét mặt già nua của mẹ rạn rỗ hãnh diện.

Mẹ, người vất vả vì chúng tôi, lo nấu nướng, giặt ủi, may vá, chùi rửa nhà cửa... người dậy sớm nhất, thức khuya nhất, người làm tất cả mọi việc mà không mong đợi một phần thưởng nhỏ; mẹ người nhẫn nhục chịu đựng tính biến lộn ngày càng tăng của ba... Người khổ cực trong mọi việc nhà mà vẫn tìm chút thì giờ để săn sóc âu yếm cha già bị bỏ rơi trên kia và đứa cháu nhỏ mồ côi mà định mệnh đã trao vào tay mình.

Riêng hôm nay, tất cả đều dành cho cậu con trai út, ngày quan trọng nhất. Cậu tỏ ra hết sức tự tin. Chiều qua, trong lúc nói chuyện với cha, cậu quả quyết:

- Con đã cố gắng hết mình, cha đừng lo!

Chắc là nhờ gãi đầu, làm rơi gàu đầy cổ áo, cậu đã nhét được vào đó ít chữ nghĩa cần thiết chi đây?

Trong túi cậu có tiền ăn trưa, một bút, một tẩy, mấy ê ke, thêm đến những hai cặp kính (để ngừa rủi ro) tóm tắt lại cậu chuẩn bị đủ thứ cần thiết. Đáp chuyến tàu hỏa lúc 7 giờ 20, cậu rời nhà đi ứng thí ở Winton. Đứng ở bậc thềm, mẹ và tôi vẫy tay từ giã và chúc may cho cậu...

Mỗi chiều, cậu về nhà do chuyến tàu bốn giờ. Riêng ba tôi, ông về sớm hơn, chờ sẵn ở nhà.

- Sao? Con làm bài khá chứ?

- Khá lắm, thưa ba!

Mỗi ngày qua, tin tưởng của cậu mỗi tăng. Trong lúc mẹ dọn cho cậu bữa ăn xế, cậu ăn ngon lành thì tất cả chúng tôi ngồi chăm chú lắng nghe cậu kể chuyện thi cử đã trải qua bằng những câu ngắn, giọng điềm tĩnh:

- Thật tình, con cũng ngạc nhiên: bài thi sáng nay sao dễ quá! Con viết liền một mạch đầy mấy trang, phải xin thêm, trong lúc đó tụi bạn con cắn bút ngay từ trang đầu.

- Tốt quá, con thế là giỏi!

Mắt sáng lên, ba tôi khen cậu. Mẹ táo gan dọn cho cậu miếng thịt đông dày cỡ miếng thịt của ba. Mọi người trong nhà, kể cả tôi đều cảm thấy cậu thành công đến nơi và lấy làm mừng cho cậu.

Ngày thứ tư đến, ngày tôi được dì Kate và Jamie dắt đi hội chợ. Ông tôi vui vẻ kể cho tôi nghe những thú vui tại hội chợ làm tôi say mê. Tôi nói:

- Cháu sẽ được dì Kate dắt đi, cháu sẽ được biết những trò vui đó, ông nhỉ!

- Dĩ nhiên, ông cháu ta sẽ được dự tất cả các trò vui.

Tôi hết sức ngạc nhiên: ai đưa ông đi? Ông làm sao có tiền để làm lộ phí? Hay là có ai mời ông? Nhưng tôi mãi tưởng tượng đến thú vui do ông kể nên quên hỏi ông điều quan trọng đó.

Đúng hai giờ chiều anh Jamie đến đón dì cháu tôi (chúng tôi đã đợi sẵn nơi phòng khách) và chúng tôi không khỏi kinh ngạc khi thấy anh Jamie từ cái xe màu vàng chóc mới tinh, bước xuống oai vệ như... một ông chủ xe hơi chính cống! Anh cười toe toét giải thích rằng bạn mình, anh Lightbody làm thợ máy ở xưởng Argyll đã mượn xe này để đưa chúng tôi đến hội chợ.

- Đừng tưởng chỉ có mình Adam mới có thể đi xe hơi, nghe bô!

Jamie vui vẻ thêm. Chúng tôi tiến lại bắt tay anh Sam ngồi chễm chệ đằng tay lái. Theo lời khuyên của anh này, dì tôi chạy về phòng lấy chiếc khăn voan mỏng để giữ cho mũ khỏi bay. Trước khi lên xe chúng tôi còn đi vòng quanh chiếc xe ngắm nghía một cách thích thú. Đúng lúc đó, ông tôi xuất hiện, áo quần chải chuốt, tay chống cái "can" đẹp nhất, cất giọng chào mọi người và khen:

- Cái xe tốt thật! Đúng điệu thật! Thật đúng điệu!

Ông gật gù ra dáng hài lòng khi ngắm cái xe, đoạn quay sang Jamie, giọng ông nghiêm nghị:

- Này, Jamie! Cậu đừng tưởng ta để cho cậu đưa cháu ta đi hội chợ Ardfillan đến tối mịt, không biết giờ nào về... mà... mà chỉ có mình cháu Robert nhỏ xíu đi theo đâu, nhá?

Dì Kate bực mình nói:

- Thưa ông, nhưng... có ai mời ông đi đâu?

Jamie bật cười to (anh quen ông tôi, hai người vẫn sòng đôi từ quán rượu đi ra) vui vẻ:

- Càng đông càng vui, có hại gì? Lên xe đi, ông!

Chiếc xe, sau khi hục hặc vài cái, nổ máy và chúng tôi hãnh diện vượt mau trên đường Drumbuck. Dì tôi và Jamie ngồi băng trước, khăn quàng cổ của dì bay phất phới trước gió, ông và tôi thoải mái ở băng sau.

Xe chạy được một quãng, Jamie lấy ra điếu xì gà to tướng, mời ông, lập tức ông không đợi mời tiếng thứ hai, nhận lấy liền. Ngồi tréo chân một cách bệ vệ, ông tôi vừa châm lửa đốt thuốc, vừa nói với tôi:

- Đi dạo kiểu này tuyệt quá! Robert nhỉ? Hy vọng anh Sam sẽ đưa chúng ta đi dạo một vòng quanh thành phố cho thiên hạ lác mắt chơi!

Xe qua khỏi nhà ga thì có tiếng kêu giật làm tôi quay lại: cậu Murdoch vừa từ ga ra, giơ tay vẫy. Tôi hét dựng lên:

- Anh Sam! Dừng xe lại! Cậu Murdoch kìa!

Xe dừng lại đột ngột, khiến cho mọi người ngã nhào tới trước, nó rung chuyển đến nỗi tôi như hạt gạo trên sàng. Sam có vẻ không vui, trong lúc cậu tôi chạy bay tới, phóng lên xe, ngồi vào băng sau, tuyên bố rất... tự nhiên:

- Tôi... tôi đi với mấy người!

Im lặng! Chao! Sao gia đình chúng tôi có nhiều người tự mời mình quá vậy chớ?

Cái xe lao đi, vòng quanh thành phố.

Tôi quay hỏi cậu:

- Cậu làm bài khá không, hờ cậu?

- Khá lắm, Robert! – Cậu gật gù.

Tựa lưng vào ghế, cậu há miệng ra, hào hển thở. Tôi lo lắng nhìn khuôn mặt xanh xao của cậu, thương hại khi nghĩ rằng cậu đã quá sức vì chạy bộ theo kịp cái xe. Hình như cậu định nói gì đó, song lại thôi, lấy mũ phe phẩy ngang mặt như thể là nóng quá!

Xe chạy ra khỏi thành phố, trước mặt chúng tôi xa xa là mặt bể lấp lánh ánh nắng. Xuyên qua các cánh đồng và cồn cát, con đường trải dài như một giải băng trắng. Bên trái, sừng sững ngọn Ben xanh ngắt, thấp thoáng trong một làn sương mù. Khung cảnh yên tĩnh, xinh đẹp tuyệt vời. Xuống khỏi dốc, xe đạt đến tốc độ 20 dặm một giờ. Đi ngang làng mạc, nông dân túa ra cửa nhìn chúng tôi, những người đàn ông ngẩng lên, ngưng việc, khoa cuộc xềng, chào chiếc xe sang trọng, lạ lùng! Súc vật thì không mấy hài lòng, có vẻ tức giận – hay hốt hoảng? – Vì con vật lạ đã làm rộn chúng? Anh Sam quả thật là anh tài xế lý tưởng: anh hết sức khéo léo mới tránh

được mấy con bò búống bình, mấy chú chó giận dữ đuổi theo sủa vang lên, lũ gà cục tác bay tán loạn dưới bánh xe. Vài bận thấy lông gà rơi lả tả những nhờ bụi mù mịt, chúng tôi khỏi ân hận là đã cán chết chúng dưới bánh xe.

Có một lần bị ê mặt: chả là khi xe lên dốc, nó chết máy thành linh. Vài gã thô lỗ - chắc cũng đi hội chợ, ngang qua chúng tôi cười giễu:

- Thôi! Xuống đẩy cho xong!

Bốn giờ chiều chúng tôi đến nơi, nghĩa là trước giờ mở cửa những một giờ. Các trò giải trí bắt đầu trễ hơn nữa. Dì Kate xuống xe đi mua cho mẹ tôi vài thứ cần dùng trong hiệu tạp hóa nổi tiếng của thành phố miền bắc dễ thương này. Sam tìm chỗ đậu xe. Còn chúng tôi thì náo nức nhìn các gian hàng, các băng quảng cáo trong khuôn viên hội chợ. Khu vực được dùng tổ chức hội chợ là một cánh đồng rộng sát bờ biển. Tiếng náo loạn lẫn trong tiếng sóng.

Đang ngồi yên một góc trong lòng xe, xanh xao và thiếu ngủ cậu Murdoch bật dậy mạnh đến nỗi làm cho cả giàn xe rung chuyển, tôi ngỡ đâu là anh Sam lại nổ máy chi đây? Nhưng tôi chợt hiểu khi cậu quát lên:

- Ta sắp tự tử! Ta tự tử cho mà xem!

Giọng nói và thái độ cậu quả quyết, hùng hồn cho đến nỗi mọi người kinh hoàng. Hai nắm tay đập thành thành lên nệm xe, mắt trợn trừng, cậu thét lên:

- Ta tự tử cho mà xem! Ta không muốn thi vô Quốc gia Bưu điện! Lỗi tại ba! Lỗi tại ba hết! Ta chết cho mà xem! Ba phải trách nhiệm...

Ông tôi kêu to:

- Nhân danh Thượng Đế! Bình tĩnh lại đi cháu! Cái gì xảy ra?

Cậu giương đôi mắt cận thị nhìn ông và tất cả chúng tôi, rồi thành linh cậu dựa ra nệm xe, khóc rống lên:

- Ông ơi! Con bị đuổi ra khỏi phòng thi! Sáng nay, họ kêu riêng con đến, bảo "đừng trở lại nữa". Có lẽ họ lầm! Bài vở con trôi chảy cả mà!?

Cậu tôi thi hỏng? Ai nấy kinh ngạc. Tiếng khóc cậu làm chúng tôi đau lòng nhưng đám người hiếu kỳ bu quanh làm chúng tôi khó chịu. Ông tôi nắm cổ áo cháu, dỗ dành:

- Nào, nín đi cháu, nín đi! Rồi khắc có cách!

- Phải giúp cậu ấy lên tinh thần! Một ly rượu...

Sam quả quyết. Ông tôi:

- Phải! Ta có kinh nghiệm về điều này. Nào! Cho nó ly rượu ngay!

Ông tôi và Jamie đỡ cậu xuống xe, Sam nhanh nhẹn lại mở cửa quán giải khát trước mặt. Trước khi họ biến vào căn phòng tối om và mát mẻ đó, anh Sam chu đáo dặn tôi:

- Em đi dạo quanh một vòng đi nhé? Chúng ta chỉ vào một lúc thôi, không lâu đâu.

Tôi chần chờ trước quán, nghĩ đến cậu Murdoch đáng thương nên mất hết hăng hái lúc đầu, song sau đó một lúc, tôi cũng tiến vào khuôn viên hội chợ, nơi dân chúng đổ xô đến. Tôi nhận ra vài khuôn mặt quen thuộc ở Levenford và... chào ơi! Tôi chợt nhận ra cái đầu nhỏ nhắn, mái tóc nâu, khuôn mặt rám nắng của bạn tôi: Gavin! Thế là trong chớp mắt, tôi quên phăng tình cảnh đáng thương của cậu tôi.

Tay trong tay, hai đứa tôi lẫn vào đám đông, thích thú... chúng tôi dự đủ mọi trò chơi: bắn súng, ném vòng. Thua có, ăn có. Chúng tôi dừng lại xem trò múa rối. Đầu chúng tôi vương đầy hoa giấy, áo gắn đủ thứ huy hiệu. Đêm xuống dần, đèn hơi ga được đốt lên. Đám đông dày đặc, nhạc vang dội, điếc tai.

Một đoàn xe hỏa nhỏ chạy ngang, trên một toa trần, dì Kate và Jamie ngồi cạnh nhau cười tươi tỉnh. Anh Sam, ông tôi và Murdoch thì cỡi ngựa gỗ chạy vòng tròn dưới ánh đèn sáng choang. Ý cha! Rõ ràng là một cậu Murdoch khác con người cậu lúc vừa rồi: mũ giấy sắc sỡ, dây vắt ngang tai, miệng ngậm điệu xì gà to tướng, mắt sáng ngời, đôi lúc chồm mình trên lưng ngựa hú lên như một kỵ mã trong phim mạo hiểm!

Đêm khuya, thật khuya, chúng tôi mới gặp nhau quanh xe. Thật quả chúng tôi đã trải qua một ngày vui tuy hơi mệt. Dì Kate rạng rỡ như đóa hoa nhìn anh Jamie âu yếm. Murdoch bắt tay Gavin một cách nồng nhiệt. Anh Sam, nhân vật quan trọng nhất thì biến mất, ô không! Anh đang hí hoáy mở nắp thùng xe!

Trên đường về, xe chạy trong đêm mát rượi, bỏ sau lưng tiếng động rì rạc và ánh sáng có vẻ uể oải, mỗi một như... chúng tôi. Sau xe, cậu tôi và ông tựa vào nhau ngủ gật. Băng trước dì Kate với Jamie ngồi sát vào nhau. Anh Jamie choàng tay qua vai dì tôi, thân mật. Chắc họ đang ngắm trăng? Gavin với tôi nắm tay nhau, êm ả trong tình bạn, tưởng như đang cùng nhau lao vào bóng đêm tĩnh mịch và vô định, nhưng không chút lo sợ. Dưới ánh trăng mát dịu và vô vàn vì sao lấp lánh, chúng tôi cảm thấy gần gũi nhau, sung sướng cho đến nỗi muốn kéo dài giây phút bên nhau không dứt. Gavin thì thầm bên tai tôi:

- Robert! Tao thích như thế này!

Tôi gật đầu, đồng ý vì hiểu nó muốn nói gì. Nó cùng tâm trạng với tôi.

Ai cũng có đôi bạn hết. Chỉ mình anh Sam lẻ loi, anh im lặng chăm chỉ lái xe. Anh quả đáng thương!

Chương mười hai

Nhiều năm kể tiếp trôi qua... Mấy cây anh đào trước nhà xum xuê hơn trước. Buổi chiều tháng 4 năm 1910, tôi rời trường, lòng vui vẻ, hãnh diện. Mặt trời hồng rực rỡ lặn sau ngọn Ben.

Chiều nay tôi cảm thấy tôi chính là tôi, bởi đôi lúc tôi ngờ ngợ như mình là kẻ nào khác, vắng! Đôi lúc tôi xa lạ với chính tôi.

Sáng hôm kia ở hiệu Baxter ra, tôi chợt nhìn trong tủ kính, giật mình vì hình ảnh phản chiếu cho tôi thấy một thiếu niên 15 xanh xao, gầy ốm, tay chân dài ngoằng, nét mặt u trầm, buồn bã... Tôi đã giật mình tự hỏi: mình đó sao, trời?

Nhưng hôm nay thì tôi hết sức phấn khởi, sung sướng vì câu chuyện thầy Reid nói với tôi lúc tôi ra về. Số là chúng tôi sắp được nghỉ lễ Phục Sinh, trước khi tan học thầy đã giữ tôi lại (thầy còn trẻ, khoảng 30, dáng cao lớn, khỏe mạnh, một cái sọc dài nằm vắt ngang ở môi trên và vì nó, chiếc mũi thầy hơi thấp xuống, khiến người ta thấy đôi mắt xanh thầy to hơn, lộ hơn dưới mái tóc óng ả vàng hoe. Da thầy trắng và hơi nhờn. râu luôn luôn được cạo nhẵn, hình như ông không cần che giấu vết sọc trên môi). Thầy ôn tồn bảo tôi:

- Robert Shannon! Trò không giống như các bạn cho nên... – ông gõ gõ tay lên bàn trong khi tôi nhìn chăm chú vào ông – ta muốn đề nghị với trò một điều này...

Trở về đến nhà, tôi vẫn còn bàng hoàng xúc động vì câu chuyện thầy nói với tôi. Tôi muốn được một mình nghiền ngẫm bí mật này. Song ông tôi đã chờ tôi trước cửa sổ mở rộng, bàn cờ "dame" trước mặt. Giọng nóng nảy, ông hỏi:

- Sao con về trễ thế? Có gì hở?

-Thưa ông, không có gì.

Ít lâu nay tôi trở nên khép kín đối với ông, vả chăng ông không còn là bậc anh hùng đối với tôi và bí mật quý báu này tôi không muốn chia sẻ với ông.

Phải công bình mà nhận rằng ông ít thay đổi hơn tôi: vẫn còn khỏe mạnh, tuy râu ông ngả bạc và chiếc áo ghi lê càng ngày càng nhiều vết bẩn hơn. Gần đây, bạn ông, ông Peter-Dickie đã vào Viện dưỡng lão. Song về phần ông, ông rất ghét nghe ai nói đến chết chóc cũng như nhắc đến tuổi tác đè nặng người ông. Càng lúc ông càng tỏ ra yêu đời, vui vẻ nhất là trong lúc này, theo lệ thường, bà cố tôi đã đi Kilmarnoch.

Ông không vui vì cảm thấy tôi không hăng say chơi cờ với mình, cái thú ông vẫn say mê:

- Robert, con làm sao vậy? Y như ngồi trên lửa...

Tôi nén lòng đến ngồi trước mặt ông, ông cúi đầu nhú mày nhìn bàn cờ, chú chú chăm chăm tính nước và ông giảng bầy tôi bằng cách đi một nước cờ với vẻ hết sức lơ đãng, tay còn gõ gõ ống điếu nữa chớ.

Còn tôi, tôi đầu óc đâu mà nghĩ đến trò chơi: tôi đang bị ám ảnh về cái đề nghị tốt đẹp của thầy Reid. Trước mắt tôi tương lai rộng mở. Như tất cả các bạn đồng học, tôi hết sức lo lắng, bối rối khi sắp rời trường để chọn nghề. Tôi có tham vọng, muốn trở thành một nhân vật đặc biệt, nhưng hoàn cảnh tôi chỉ cho tôi rất ít hy vọng để trở thành mẫu người tôi ao ước. Ở trung học tôi luôn luôn nhất lớp và các giáo sư đều tiên đoán tôi sẽ tiến xa. Song chưa một vị giáo sư nào, trừ thầy Reid để ý đến tôi đặc biệt. Thầy là người chú ý đến năng khiếu tôi, đưa học trò say mê sinh vật có cái gì khác hơn là sự giải trí suông. Tóm lại, thầy có biệt nhãn đối với tôi. Tôi còn

nhớ rõ...

Một hôm vào mùa hè, một đôi bướm xanh loại thông thường nhất bay qua khung cửa sổ mở rộng, vào lớp. Cả lớp đều ngẩng lên, nhìn. Giọng mơ màng như là đặt câu hỏi cho chính mình chứ không phải cho bọn môn sinh, thầy Reid nói:

- Tại sao chúng bay thành cặp, nhỉ?

Im lặng giây lâu và rồi, tôi rụt rè đáp:

- Thưa thầy, vì bây giờ là mùa chúng ghép đôi.

Thầy nhìn tôi hỏi thêm:

- Có phải trò nghĩ rằng bướm cũng biết yêu nhau không?

- Thưa thầy, vâng! Chúng nhận ra nhau cách xa hàng dặm nhờ một mùi thơm do chúng tiết ra.

- Chuyện khá lý thú đấy! – Thầy tiếp, vẻ nghi ngờ về sự hiểu biết của tôi – Này, Robert! Trả lời tôi câu nữa: làm sao chúng nhận ra mùi của nhau?

- Thưa, nhờ những gai thịt ở đầu mấy sợi râu...

Thấy thầy nhìn tôi, mỉm cười có vẻ tán thưởng và khuyến khích, tôi thêm:

- Thưa thầy, điều này cũng chưa có gì là mới lạ, so với loại Amrial pourpre, giống này ngửi bằng cẳng kia...

Bạn học tôi cười lên như phá, nhưng chúng bị thầy cắt ngang:

- Im đi, lũ ngu! Ít nhất trò ấy còn khá hơn các trò. Này, Robert! – Ông tiếp tục hỏi tôi. – Trò có thể cho biết chúng có thể nhận ra nhau không, nếu không có cái mùi đặc biệt kể trên?

- Thưa thầy, mắt của loài bướm lạ lắm: nó gồm khoảng ba ngàn phần tử, mỗi phần gồm có đủ giác mô, võng mô, thủy tinh thể, nhưng dù chúng có tài phân biệt màu sắc, chúng chỉ có thể thấy rất gần, không quá một thước hai.

Khi tôi dứt lời, nét mặt thầy rạng rỡ hẳn lên song thầy không hỏi tiếp gì nữa. Cuối giờ học, trong khi sắp hàng, thầy mỉm cười với tôi. (Ôi chao! Làm sao quên được cái cười thân mật đó!).

Kể từ ấy, không những khuyến khích tôi tiếp tục học thêm về Sinh vật học, thầy còn dạy tôi Vật lý, trình độ cao hơn các bạn tôi. Vài tháng kể đó, thầy dắt tôi vào phòng thí nghiệm, hướng dẫn tôi thêm.

Nhờ vậy, tôi thường rất cô đơn, trở nên mến phục thầy rất mau và những lời thầy dạy trong lớp, tôi xem ngang như Kinh Thánh.

Gavin đã theo lời cha vào trường nội trú Larchfield năm ngoái. Điều này làm tôi đau đớn không ít. Đó là một trường Trung học trường giả nổi tiếng, học phí rất đắt, khó có con nhà trung lưu nào học nổi. Tôi chỉ còn một điều an ủi là: tuy Gavin được cảm tình của nhiều bạn mới, nó vẫn quý mến nhất có mình tôi không thay đổi.

Mỗi trưa hè, mượn xe đạp thầy Reid, tôi vượt 15 dặm đến để xem bạn tranh giải cho trường. Thoạt thấy tôi, tức thì Gavin bỏ hết đám bạn vây quanh, can đảm chạy lại với tôi. Tôi, kẻ phá đám, khép nép đứng chờ bạn ở một góc sân thể thao, cái sân sang trọng, Gavin, áo thun sọc, quần nỉ mềm trắng, buông mình xuống cỏ cạnh tôi, bứt cọng cỏ đưa lên miệng, hỏi:

- Sao? Ở Lenvenford có gì lạ không?

Và nhìn sâu vào mắt nhau, chúng tôi biết rằng không gì chia rẽ được chúng tôi, trừ cái chết, nhưng chúng tôi còn trẻ quá, lo gì?

Song dù tình bạn chúng tôi khăng khít, mãnh liệt, dù suốt ngày nghỉ nào cũng có mặt bên nhau, chúng tôi vẫn cam chịu xa nhau hàng tháng dài vì bạn học. Phần tôi, đáng lẽ thay vì bằng lòng

với một thằng bạn kém hơn Gavin đôi chút, tôi thà cô độc thui thủi một mình. Một mình, tôi rong ruổi khắp các vùng quanh tỉnh, tôi quen thuộc từng tổ chim, từng phiến đá, từng lối mòn trên các ngọn đồi Winton. Cho đến nỗi mấy bác gác rừng quen mặt và cho phép tôi tự do đi lại, đó là một đặc ân hiếm có.

Bộ sưu tập của tôi tăng dần. Tôi có cả những loại sâu bọ hiếm nhất, như con chuồn chuồn đặc biệt thuộc loại *Pantala flavescens*, theo tôi biết thì chưa bao giờ được thấy ở Tô Cách Lan này, trước đây. Nhờ tìm tòi thám hiểm, tôi không hề ao ước "nghỉ hè trên bãi biển" như các bạn. Trí tưởng tượng mang tôi ra xa hơn mấy bờ bể nhỏ. Đồng hoang đối với tôi trở thành rừng hoang vu, nơi tôi mạo hiểm xông pha với nhiều thận trọng.

Nhưng thưa các bạn, đừng ngỡ là ngoài giờ học tôi được tự do theo đuổi đàn bướm suốt ngày đâu. Ba tôi luôn luôn trông coi cho giờ rảnh rỗi của tôi trở thành hữu ích. Từ lúc ông cho là tôi đã đến tuổi có thể làm việc được, ông kiểm việc cho tôi ngay.

Hiện nay, sáng sáng tôi phải đến lò bánh mì Baxter, lấy xe ba bánh đạp đi giao bánh nóng cho thành phố đang còn ngái ngủ. Số tiền kiếm được, ba tôi cất hết, viện lý do chính đáng: để trang trải một phần phí tổn nuôi tôi.

Ông không ngừng thúc bách mẹ tôi giảm chi, dù bà đã giảm chi đến mức tối đa. Thời gian gần đây, ba tôi đích thân thanh toán mọi chi phí trong tháng, ông luôn luôn đòi bớt, bớt, bớt cho đến nỗi người bán phát khùng lên; mua bất cứ vật gì ông cũng cò kè lâu lắc. Mỗi khi nghe bán đấu giá, bán xôn một vật gì xem ra có ích (theo ý ông) ông liền quyết định đi mua. Nhưng tính hà tiện của ông thường thắng: trở về với hai tay không, ông vui vẻ reo lên rằng tiền vẫn còn nguyên!

Một tiếng kêu thích thú làm tôi chột tỉnh, tiếng kêu của ông tôi. Đầu óc bay bổng đâu đâu nên tôi đã thua nốt hai con cò chót. Ông tôi cười hả hê:

- Ta thắng được con rồi, thấy chưa? Thắng cậu học trò thông minh nhất tỉnh đâu phải chuyện chơi?

Tôi vội vàng rời ông ngay, chỉ nơm nớp sợ ông giữ lại bày ván nữa.

Chương mười ba

Lòng náo nức, tôi chạy xuống thang lầu. Giờ này tôi rảnh. Tôi muốn xem chớp bóng mà chẳng có đồng nào trong túi! Túi áo! Cũng chẳng phải là áo tôi, nó là áo cậu Murdoch chuyển lại đó chứ. Tôi đã lớn để có thể mặc áo quần của cậu, những bộ quần áo cũ kỹ được mẹ cất trong rương, sặc mùi long nảo.

Tôi bèn ra bếp: mẹ tôi đang phun nước cho ẩm áo quần trước khi ủi. Mái tóc mẹ đã hết óng ả, cặp mắt lơ lơ thêm, khuôn mặt gầy và nhẵn hơn, song vẫn tính nết cũ: dịu dàng và kiên nhẫn. Tôi nóng lòng muốn tâm sự với mẹ, nhưng tôi chỉ nói:

- Một ngày kia, mẹ sẽ thấy... Một ngày kia... mẹ sẽ thấy...

Nở nụ cười hiền lành và buồn bã, mẹ hỏi tôi:

- Mẹ sẽ thấy gì nào?

- Một ngày kia, con sẽ đủ sức làm một điều gì cho mẹ, mẹ sẽ sung sướng hơn bây giờ... con tin vậy đó. Một điều quan trọng...

Vụng về nhưng tin tưởng, tôi trả lời bà. Mẹ áp cái bàn ủi gần má thử sức nóng, vui vẻ bảo tôi:

- Vậy bây giờ, trong khi chờ đợi, con giúp mẹ một việc không quan trọng, được chứ? Robert? Con đem cái thư đến cho dì Kate...

- Ô! Thừa mẹ, sao không, được lắm chứ!

Tôi thường đem thư mẹ cho dì Kate ở đầu tỉnh, khu Barloan Toll, và cho cậu Murdoch, hiện làm việc với ông Dalrymphe, nhà trồng tía. (Cậu thành công lắm, cậu tỏ ra vui vẻ vì thoát ách bảo hộ của ba). Nhờ tôi, mẹ đỡ tốn khoảng tiền tem không ít, - bà năng gửi thư mà!

Các thư gửi đi phản ánh nguyện vọng cũng như tâm hồn mẹ: thư không chỉ mang theo tin tức mà còn đầy những lời khuyên nhủ, dặn dò, khích lệ, chúng biểu lộ ao ước nồng nhiệt thiết tha của mẹ: giữ mãi mối dây liên lạc thật chặt chẽ giữa mọi người trong gia đình.

Mẹ đặt bàn ủi xuống, vào trong một giây và đem ra bao thư dán kín, đưa tôi:

- Đây, con đem đến cho dì con. Mẹ muốn gửi cho nó ít bánh... nhưng (bà giờ nắp thùng ra và xịu mặt xuống) hết bột rồi. Thôi, con đi đi! Nhớ hôn tất cả hộ mẹ nhé?

Tôi dạ to một tiếng, cầm phong thư chạy bay ra đường. Ngang công viên, rẽ trái, dọc theo dãy nhà đồ sộ, vách đen sì của xưởng thép.

Dì Kate ở một trong những căn nhà xinh xắn mới xây ở ngoại ô, thảm cỏ xanh tươi mát bao quanh. Gần tới nhà, tôi chợt thấy dì đang đẩy một cái xe trẻ con từ một ngõ rẽ khác trở ra, xe màu xanh dương, mặt dì rạng rỡ trông thấy (Chao! Tôi dám cam đoan là dì đã bỏ ra nhiều thì giờ trong tuần để đẩy xe loanh quanh đây kia, ngoài phố, đến công viên với đứa con cưng quý của dì). Chốc chốc, dì dừng lại vỗ nhẹ lên cái chắn cũng màu xanh dương ở một góc có thêu chữ N to tướng, màu trắng.

Dì chưa trông thấy tôi, tôi đứng lại nhìn dì đến gần thích thú và cảm động trong lòng. Thân hình dì có hơi mập ra, dì cúi xuống đứa bé, cười đùa với nó. Khi dì vượt ngang tôi, tôi rụt rè gọi:

- Dì Kate!

- A! Robert! - Dì kêu lên mừng rỡ - Tại cháu bé nên dì không thấy cháu đó. Này, Robert, cháu biết không: bé sắp mọc cái răng thứ hai đó, mà suốt ngày không khóc một giọt đó, ngoan quá, phải không cháu?

Dì Kate của tôi! Trông dì hạnh phúc làm sao! Đứa bé thì xinh xẻo quá. Nhà dì thật sạch, đầy đủ mọi tiện nghi – kể cả máy nước nóng – mùi sơn mới và mùi sáp thơm nồng. Vào nhà, tôi biết ngay dì là một tay nội trợ tài ba, ngăn nắp.

Tôi chợt nhớ lại những lời tiên đoán tồi tệ của ba (chả là ông tức giận dì không còn mang tiền về cho ông nữa mà) rằng nào là dì sẽ làm hỏng cuộc đời, nào là Jamie không xứng đáng, nào là một hôn nhân thất bại v.v... Tôi, tôi nhận thấy dì sống rất hạnh phúc, tôi vui lắm.

Sau khi cho bé vào nôi, dì đốt lò ga và chỉ một lát sau gian bếp thơm lừng mùi thịt bít tết và hành tây chiên lẫn lộn. Dì tươi cười bảo tôi:

- Robert! Cháu ở lại ăn với dì và Jamie nhé? Chú ấy đang tắm. Robert ơi! Lúc này chú phải làm thêm giờ phụ trội nên không rảnh mà dắt cháu đi xem đá bóng. Cháu đói chưa? Đợi một chút nhé?

Dì tôi trở thành tể nhị nhiều so với khi còn con gái. Jamie đã xuống: tóc còn ướt được chải cẩn thận, một cái cà vạt đỏ tươi trang điểm thêm cho Jamie.

- Robert đây rồi!

Jamie kêu lên vui vẻ, vồn vã. Đối với tôi, vài lời đơn giản như thế kèm thêm cái gật đầu thân ái còn ấm lòng hơn những câu tiếp đón dài dòng.

Chúng tôi vào bàn ăn ngay. Dì chọn cho tôi miếng thịt thật to, mềm và ngon. Tôi như thể được tiếp máu, trong lúc đó chồng dì không ngừng múc thêm thức ăn vào đĩa cho tôi, những củ hành chiên vàng giòn, bánh mì nướng phết bơ và trà đậm, nóng.

Hai người hiểu rằng ở nhà ông bà ngoại, càng ngày càng tiết giảm thức ăn. Jamie luôn luôn bắt tôi ăn thêm mỗi khi có dịp. Cái nhìn của chú đầy thân ái và luôn luôn kèm theo câu:

- Ở tuổi cháu phải ăn nhiều vào cho mau lớn.

Tại Lomond-View một luật lệ quái dị đè nặng tuổi thơ của tôi: phải hà tiện đủ mọi cách, dù phải hy sinh những cần thiết đi nữa. Ôi! Nếu ông ngoại tôi không bị tiền bạc ám ảnh, nếu không làm nô lệ cho cái tính hà tiện Tô Cách Lan khiến ông thích có tiền gửi trong ngân hàng hơn là có bữa ăn ngon... Tính ấy làm tiêu hủy lòng đại lượng, gieo tai họa cho gia đình không ít.

Mỗi khi bối rối về vấn đề tiền bạc, tôi nghĩ ngay đến vợ chồng của dì tôi. Họ không giàu, nhưng họ mua những miếng thịt ngon và Jamie đã dắt tôi đi xem đá bóng; tôi, một đứa trẻ mồ côi, cô độc. Họ đã dùng đồng tiền kiếm được một cách khó nhọc trong vài mục đích vị tha... Họ tốt biết bao! Hay nói vắn vẽ hơn một chút, thì họ biết làm chủ đồng tiền chứ không để tiền làm chủ họ.

Sau bữa ăn, Jamie bắt đầu trêu tôi một cách trêu mếu, phàn nàn khuynh hướng thích cô đơn của tôi và tỏ vẻ lo lắng cho tôi thực sự làm tôi cảm động. Mãi một lúc sau, dì Kate mới hỏi tôi:

- Nhà có gì lạ không, hử cháu?

- Ý, chút nữa cháu quên: có thư cho dì!

Dì đón lá thư trong tay tôi, mở ra đọc hai lần tiếp, tôi ngạc nhiên thấy mặt dì tối sầm lại và những nếp nhăn trên trán dì đã biến mất từ lâu bỗng hiện ra. Rồi dì đưa cho chồng đọc, Jamie đón thư đọc nhưng không nói một lời. Dì kêu lên, bực tức:

- Thật hết sức! Cái thói ham tiền ở nơi ba đã trở thành bệnh chó không phải chơi.

Chúng tôi cùng thấy không khí khó thở. Chợt may sao: em bé la lên và dì tôi vội vàng chạy lại bế nó, cho bú.

Tôi được hân hạnh ôm “kho báu” đó trong tay một lúc sau khi nó bú no, đó là dấu hiệu sự thương mến của dì và Jamie đối với tôi.

Dì âu yếm nhìn tôi bế em và cười, nói:

- Nó nhận ra cháu đó, thấy chưa? Robert! Một ngày kia cháu sẽ lớn lên, có con... cháu sẽ hiểu... Tôi ngượng đến đỏ mặt lên. Dì đặt em bé vào nôi và tiễn tôi ra cửa. Dì chăm chú nhìn tôi:
- Mẹ không nói gì với nhau về lá thư gửi dì hết sao, Robert?
- Thừa dì, không. Nhưng thừa dì, cháu cũng có tin quan trọng...
- Tốt hay xấu? Dì tôi hỏi, đầu hơi nghiêng, dáng bộ nóng nảy.

Tôi vui vẻ:

- Thừa dì, tin này... rất tốt... dì ạ!

Tôi ngừng lại thành lình. Đêm tối bí mật vây phủ dì cháu tôi. Xa xa có tiếng còi tàu rú lên. Dì cười:

- Thôi được, cháu cứ giữ kín bí mật của cháu, dì cứ giữ kín bí mật của dì. Đừng vội nói ra.

Tôi nắm tay dì thật chặt rồi quay đi thật mau. Dù tôi thương yêu dì nhưng tôi vẫn chưa muốn kể cho dì hay trước tiên về niềm vui của tôi. Từ dòng sông tối đen có tiếng rền của một con tàu hướng ra bể cả. Tôi rùng mình và cảm thấy phấn khởi rất nhiều.

Chương mười bốn

Lễ Phục Sinh đến. Tôi được nghỉ giao bánh mì. Trước khi mặt trời mọc tôi đã rời nhà đến ngã tư Lenvenford chờ Tom Drin, anh ta đi giao hàng, tôi sẽ nhờ xe đến Luss. Nom anh ta không vui, đáng ra là anh ta được nghỉ, nhưng hãng của cha Gavin thiếu nhân công.

Trèo lên xe, tôi ngồi giữa mấy bao bột mì, ngựa cất vó trong lặng lẽ.

Đường sá vắng vẻ chìm trong bầu không khí mát lạnh ban mai. Chốc mới thấy một phụ nữ đi mua sữa về hay một ông mặc áo ngủ ra mở cửa sổ, một chị bồi phòng ngái ngủ che tay ngáp dưới một khung cửa hé mở.

Cuộc du ngoạn thật thích thú. Tôi sắp đi câu với Gavin lần cuối, trước khi vùi đầu học thi Marshall.

Mặt trời lên cao song vẫn còn sương.

Trong khi chiếc xe ngựa lắc lư tựa một con tàu trên sóng, cảnh vật như diễu hành trước mắt tôi... khu rừng nhỏ, những vườn cây, ngôi biệt thự bằng đá xám với những ống khói cao, những sân thượng...

Trong sân, sau một ngôi nhà, tôi giúp Tom khuân các bao bột mì xuống. Có một lúc, chúng tôi khám phá ra một bao bột 50 kí lô bị rách, bột đổ tràn ra sàn xe. Tom chửi thề, gỡ đầu và cuối cùng bảo tôi:

- Thôi! Mặc kệ, thế nào chúng ta cũng thu dọn xong!

Đến Luss thì trời đã xế bóng, Gavin kiên nhẫn ngồi tự bao giờ ở một cây trụ đầu làng đợi tôi. Vẫn bộ đồng phục của ngôi trường sang trọng. Thật khó mà tả hết vẻ lịch sự của thằng bạn chí thân: Gavin cao hảnh như tôi nhưng vẫn giữ nét mềm mại thanh lịch, vẻ kiêu hãnh tự tin trên khuôn mặt tươi tắn, trẻ trung.

Niềm vui chợt dâng lên tràn ắp khi chúng tôi lặng lẽ bắt tay nhau.

- Tao e là mình không câu được tối nay đây.

Gavin bảo tôi trong khi chiếc xe ngựa xa dần. Không có gió và nhiều ánh sáng quá, chúng tôi cùng đồng ý về điểm này và cùng sóng bước qua ngôi làng yên tĩnh nằm bên bờ hồ.

Để chờ mặt trời lặn, Gavin và tôi ngồi trên khoang thuyền trước căn nhà mát của cha nó. Như thói quen, chúng tôi chỉ trao đổi ít câu trong lúc xem xét lại vật dụng.

Trước bảy giờ, bà gác dọn cho chúng tôi một bữa ngon lành gồm có bánh mì ngọt, nướng nóng hổi, thơm lừng, trứng chiên và sữa tươi...

... Rồi chúng tôi đẩy thuyền xuống nước, chưa tới giờ buông câu song mặt hồ lấp lánh trở màu hồng báo hiệu hoàng hôn. Tôi khua mái chèo giữa buổi chiều mát và yên tĩnh rồi một khắc sau, gác chèo để mặc nó bồng bềnh trên mặt hồ lặng lẽ. Một chốc sau, chúng tôi không thấy mặt nhau nữa. Đột nhiên, Gavin hỏi, giọng nghèn nghẹn:

- Robert, có thật mà thi Marshall không?

(Marshall là kỳ thi tuyển hằng năm mở ra cho học sinh vùng Winton. Người đầu nhất sẽ lãnh một học bổng 100 livres mỗi năm, số tiền khá to thời ấy, trong năm năm. Với học bổng này, thí sinh sẽ có thể ghi danh tại Đại học Winton).

Tôi giật mình đáp:

- Đúng vậy, tao định cho mày biết tin này trước tiên. Mà sao mày biết được?

- Thầy Reid nói với ba tao... – Gavin im lặng một giây rồi tiếp – Robert này, tao cũng định thi

đấy.

Tôi kinh ngạc mở to mắt để nhìn bạn trong bóng tối, lấp lấp:

- Gavin! Mà mày cần học bổng?

Giọng Gavin buồn bã khác thường, nó nói rõ ràng từng tiếng một:

- Robert, mà mày làm đó! Lúc sau này ba tao làm ăn lỗ lã nhiều... gia đình tao không còn như trước đâu. Thật ra, ba tao không phải khoe khoang nhưng mày nên biết ông cần giữ thể diện trước mọi người... Ba tao đã hy sinh cho tao nhiều rồi. Bây giờ đến lúc tao phải cố gắng để ông vui đôi chút.

Tôi im lặng đau đớn. Tôi biết Gavin rất yêu cha và cũng nghe nói gia đình ông suy sụp song tôi không ngờ đến mức trầm trọng ấy. Chao! Hai chúng tôi sẽ là địch thủ của nhau ư? Thật là sét đánh ngang tai tôi!

Gavin nói tiếp trong khi tôi ngồi lặng:

- Robert! Tất cả học sinh xuất sắc trong vùng đều dự thi, thêm một người hay bớt nghĩa lý gì?

Vả lại, danh dự của tỉnh mình đang lâm nguy: từ 12 năm nay không một học sinh nào của Levenford được học bổng cả.

Và bằng giọng quả quyết, nó lại nói:

- Một trong hai đứa mình sẽ thắng...

- Mà sẽ thắng, Gavin ạ!

Tôi nghẹn cổ lại, cố gắng để nói câu trên... vì tôi biết Gavin là một học sinh xuất sắc. Gavin trầm giọng:

- Thú thật với mày, tao rất mong được đậu để ba tao vui song tao cảm thấy rằng mày nhiều hy vọng hơn tao trong kỳ thi này. Robert, nếu mày đậu, mày sẽ học y khoa chứ?

- Gavin ơi, tao mơ ước trở nên một nhà sinh vật học, một y sĩ chuyên môn tìm tòi, thí nghiệm.

Giọng trầm tĩnh, Gavin bảo:

- Phải đó! Và tao tin là việc chúng ta đối đầu nhau trong kỳ thi này sẽ không làm sút mẻ tình bạn cao quý của chúng ta.

Chúng tôi nắm chặt tay nhau.

Trăng ló dạng trên ngọn Ben, dịu dàng xuyên qua bóng đêm, một vạch dài sáng lấp lánh trên mặt hồ đen ngòm. Chúng tôi trôi vào bờ từ lúc nào.

Bỗng, một con cá lớn phóng mình lên khỏi mặt nước đen như mực làm dòng tư tưởng của chúng tôi xoay chiều trong một nháy mắt...

Gavin nghiêng mình lấy cần câu và thì thầm bên tai tôi hai tiếng:

- Được rồi!

Tôi chèo thuyền nhẹ nhẹ dọc theo bờ, nín thở... Gavin ngồi phía sau lưng buông câu xuống nước, cánh tay mặt làm một cử động chậm chạp, nhịp nhàng. Sợi dây bóng ngời vút trên không khí thành một đường cong sáng và lặng lẽ rơi xuống xa hơn.

Lần này, tiếng cá quẫy nước mạnh hơn lần đầu. Tôi cảm thấy phấn khởi khi cần câu trên tay Gavin cong vồng và tay nó run run bám chặt be thuyền. Nó mở hết dây và nói với tôi, giọng thì thầm như thể sợ cá nghe:

- Chèo đi! Đừng để nó lủi dưới thuyền.

Tôi gật đầu lặng lẽ làm theo lời bạn trong lúc con mồi vùng vẫy một cách tuyệt vọng, nó phóng lên khỏi mặt nước đen ngòm và cứ mỗi lần rơi xuống, bọt nước lấp lánh bắn chung quanh nó.

Tôi quạt nhanh mái chèo cho thuyền lùi lại. Càng lúc tôi càng mạnh tay, bây giờ không phải là

lúc cần sẽ sàng nữa, mái chèo khua động cũng mạnh ngang với tiếng con mồi quẫy nước.

- Khá đấy! Một con cá thu... mà lại là con cá thu cực to mới thích chứ!

Gavin vừa thở hổn hển vừa nói bằng giọng chắc nịch. Cả hai chúng tôi đều mỉm cười, Gavin giục tôi:

- Thôi, rút chèo lên đi.

Và nó từ từ, rất cẩn thận, cuộn dần sợi dây nối liền từ cần câu đến con cá lại. Ánh trăng soi sáng thân hình cao lớn và khuôn mặt cương nghị của bạn tôi. Tôi nhìn chăm chú vào nó chờ lệnh.

Con cá đã đuối sức. Bạn tôi la to:

- Tao thấy nó rồi... Chà! Chắc nó từ biển sâu đi lạc vào. Đưa cái móc, mau đi! Ở dưới băng ấy.

Khom mình với lấy cái móc nhưng không may, tôi trượt chân trên sàn ướt, ngã nhào, nằm thẳng cẳng trên băng, trầy cả chân. Thuyền tròn tránh suýt bị lật. Gavin không nói gì, không trách tôi. Bằng giọng trầm tĩnh nó hỏi tôi sau khi đợi tôi gượng ngồi lên:

- Được không? Bây giờ mày có thể...

- Ồ! Được chứ!

- Robert này, con cá chưa ăn hết mồi, nó chỉ bị móc nhẹ thôi, mình rất ít hy vọng. Bây giờ mày cầm móc sẵn, hễ tao kéo nó lên khỏi mặt nước là đâm ngay mũi móc vào dưới mang nó, nghe không?

Tôi lo lắng khư khư giữ chặt cái móc trong tư thế quỳ gối trên sàn thuyền. Con cá đã được bạn tôi kéo lên khỏi mặt nước, đúng là một con cá thu dài, bóng lưỡng khiến tôi sững sờ vì quá đổi vui mừng. Chưa bao giờ tôi câu được một con cá to như thế.

Gavin rất khéo tay, vì nó thường đi câu với cha. Nó bảo là cá rất dễ thoát nhất vào lúc này. Tôi run rẩy, ù tai, chớp mắt liên hồi. Con cá gần tôi quá, tôi choáng váng ao ước phóng móc đúng vào cái thân mình bóng loáng của nó... và tôi đã làm được như ý muốn, chậm rãi kéo nó lên khỏi mạn thuyền. Gavin quỳ xuống cạnh tôi.

Trăng lên cao, êm ả soi sáng hai chúng tôi: đôi bạn trẻ quỳ song song nhau, chiêm ngưỡng say sưa con mồi tuyệt vời của chúng. Con cá cong mình giãy đành đạch vài cái rồi nằm duỗi dài trong lòng thuyền.

Đang sung sướng vì được con mồi quý giá, tôi chợt nghe đau nhói tận tim vì một ý nghĩ khủng khiếp vừa lướt qua đầu tôi: "Gavin hay tôi, một trong hai đứa phải thất bại trong kỳ thi tuyển sắp đến".

Chương mười lăm

Sáng hôm sau, trong căn nhà mát ven hồ, chúng tôi thức giấc. Mặt trời đã lên cao. Bà Glen dọn cho chúng tôi bữa điểm tâm.

Rồi, dưới ánh nắng Gavin lấy con dao săn của cha cắt con cá thành hai khúc đều nhau. Thịt cá hồng, rắn chắc, xương sống trắng ngời chứng tỏ thịt đang tươi ngon. Gavin bảo tôi:

- Chúng ta rút thăm, nghe? Vậy mới công bình. Mỗi phần nặng cỡ 6 livres đấy (1), nhưng phần đuôi nhiều thịt hơn.

Chúng tôi lấy đồng pence quăng lên không để xem ra sắp hay ngửa, và tôi đã được phần đuôi con cá. Gavin là một người bạn tốt, nó tỏ ra mừng cho sự thắng cuộc của tôi:

- Nhớ đấy! Đừng nấu quá 20 phút, ngon lắm đấy!

Gói phần cá của mình bằng những lá cói, đặt vào giỏ gần trước ghi đông xe đạp, chúng tôi vào từ giã bà Glen đoạn ra về. Gavin ngồi đằng trước, chở tôi phía sau. Chốc chốc, chúng tôi lại thay phiên nhau đạp xe vì chúng tôi muốn chia nhau tất cả, mỗi ngon cũng như khó nhọc.

Đúng giờ ăn trưa, tôi về đến nhà. Ba mẹ đã ngồi vào bàn ăn, tôi ngại ngừng vì đã đi chơi suốt ngày song cũng hãnh diện bởi câu được phân nửa con cá tươi quý làm quà ba mẹ. Chắc chắn với nửa con cá thu tươi này, chúng tôi sẽ có những bữa ăn ngon lành.

- Đi đâu về đó?

Tựa lưng vào thành ghế, ba hỏi tôi bằng giọng ồm ồm chán nản, y như giọng ông tuyên bố cái bữa mẹ tôi dọn trứng cho ông:

- Khỏi! Từ nay khỏi làm la hét cho tôi. Chúng ta đã ăn nhiều quá rồi. Theo các y sĩ, ăn nhiều là nguồn gốc mọi bệnh hoạn.

Mẹ tôi đỡ lời:

- Tôi có nói với ông rồi, quên sao: cháu nó đi câu với Gavin ở...

Tôi vội vàng đặt phần cá trước mặt hai người:

- Ba mẹ nhìn xem: nửa con cá thu tươi rồi! Gavin câu nhưng chính con móc và giật nó lên...

Mẹ tôi vạch mớ lá xanh ra, kêu lên:

- Hoan hô Robert! Ngon tuyệt!

Nghe mẹ khen, mặt tôi tươi lên, cùng một lúc tôi chờ đợi ba khen. Ông nhìn sững khúc cá như bị thôi miên. Bình nhật ba rất ít khi cười, nhưng hôm ấy, tôi nhớ rõ ràng ông đã cười thành tiếng và nói:

- Ngon thật... nhưng chúng ta ăn sao được cá thu? Không khéo bịnh chết! Trưa nay đem lại đăng hiệu Donalson đi cho xong.

- Thôi đi, tôi xin ông lần này. Hãy để lại vài lát nếu không cho ăn hết...

Mẹ tôi buồn bã nói, mấy nếp nhăn cày sâu xuống vầng trán phẳng của bà. Ba tôi nghiêm giọng:

- Tôi đã nói không ăn là không ăn. Mùa này cá thu hiếm, được giá lắm. Ít gì cũng được 3 shillings 6 mỗi livre, nhưng đó là bán lẻ kia, chứ còn mình bán cho cửa hiệu thì chắc ít hơn. Lão Donalson chỉ dám trả 2 shillings 6 mỗi livre là cùng... Cũng được tiền rồi.

Tôi ghen ngào không thốt được một lời. Đem bán cho hàng cá trộn nửa con cá ngon lành này thay vì để thêm vào những bữa ăn nghèo nàn của gia đình chúng tôi? Hay là bà nói chơi đây?

Tôi thầm ao ước.

Ba tôi cúi xuống tiếp tục ăn. Mẹ tôi mím chặt môi, dùng cái muỗng cán dài moi mấy củ khoai

tây lúi trong tro ra, dọn cho tôi, giọng bà thăm nảo:

- Đây! Phần ăn của con, ngồi xuống ăn đi con!

Xế hôm ấy, tôi đi bán cá. Ông Donaldson dáng người mập mạp, da dẻ hồng hào, tạp dề có sọc xanh mang trước ngực, che khuất một phần áo trắng tinh, đội mũ rơm, vui vẻ.

Tôi còn đang lúng túng vì không biết giá cả ra sao, thì ông ta cho biết là ba tôi đã ghé trong khi đi làm, cho nên ông ta không chút ngạc nhiên, mà sẵn sàng đón chờ tôi mang cá đến. Khúc cá nặng trên 6 livres. Ông hàng cá đầy đã vuốt râu, nhìn tôi:

- Cháu câu được, hả?

- Vâng!

Tôi đáp xuôi xị.

- Nó vùng dữ lắm, hả?

- Vâng!

Tôi cúi mặt đáp, cùng một lúc hồi tưởng lại đêm qua, đến mặt hồ lấp lánh ánh trăng, đến tình bạn của chúng tôi, đến buổi câu lý thú...

- Đây! 2 shillings chẵn. Cháu đem tiền về cho ông Leckie nhé?

Rồi ông dõi mắt theo tôi trong khi tôi rời hàng.

Chiều hôm ấy, ba đi làm về tôi liền trao tiền cho ông, ông gật đầu tỏ vẻ hài lòng, cho hết cả vào cái ví da. Suốt bữa ăn, ông vui vẻ kể lại rằng ông vừa gặp ông Giám đốc Thủy cục, rằng ông ấy dạo này có vẻ "xuống dốc" quá: bị sạn trong thận mà! Như vậy, chuyện ông ta về hưu chỉ là chuyện chờ đợi từng ngày.

Ông nói chuyện này bằng giọng hăng hái khác thường. Sau bữa ăn, ba bảo tôi:

- Robert! Vào xa lông, ta có chuyện nói...

Trong gian phòng ít khi có dịp sử dụng này, tôi và ba đối mặt nhau, cạnh cửa sổ. Trên kệ, bó hoa bất tử khô quắt. Qua khung kính, tôi thấy mấy cành đào xanh ngất lung linh trong gió nhẹ. Mấy ngón tay ba đan vào nhau. Về ân cần song lưỡng lự ông nhìn tôi, môi mím chặt:

- Robert! Con học giỏi, ta bằng lòng lắm, con lớn rồi đấy.

Tôi đỏ mặt vì được khen – ông rất hà tiện lời khen – ông tiếp:

- Ta hy vọng là con hiểu những cố gắng của ta đối với con.

- Thừa ba, con rất hiểu, con biết ơn ba mẹ nhiều lắm.

- Thầy Reid vừa đến tìm ta...

Tôi run rẩy lắng tai. Ba tôi điềm nhiên tiếp bằng giọng chậm rãi:

- ... Ông ấy yêu cầu ta ký một hồ sơ... Ta và ông ấy đã bàn kỹ về tương lai con – ông ngưng lại, dặng hắng một cái – Robert! Chắc con cũng đã nghĩ đến điều này chứ?

Tim tôi đập loạn xạ trong lồng ngực:

- Thừa ba, chắc thầy con có cho ba biết là con có thể hy sinh tất cả để được theo đuổi Y khoa tại Đại học Winton.

Ba cố gắng mỉm cười:

- Con phải hiểu điều này: ta không giàu có gì.

- Nhưng thừa ba, thầy Reid có cho ba hay về học bổng Marshall chớ?

- Có, Robert ạ!

Khuôn mặt tái tái của ba hồng lên một chút và cái nhìn như cảnh cáo tôi để tôi khỏi nuôi cái ảo tưởng nguy hiểm:

- ... Và ta đã trả lời rằng thầy Reid rất lầm lẫn khi nhen nhúm cái hy vọng hão đó trong lòng con.

Ta, ta không ưa những tư tưởng quá tiến bộ của ông ấy. Ai biết trước được kết quả cuộc thi tuyển? Bằng chứng như thằng cậu mầy đó. Chao! Học bổng Marshall! Khó lắm con ơi! Thành thực mà nói, ta không chê con điểm nào nhưng ta không tin là con đậu nổi...

- Nhưng ít ra, ba cũng vui lòng cho con thi thử chứ?

Cổ tôi như bị nghẹt vì lo lắng, mặt ba tôi tối sầm lại, để khỏi nhìn tôi, ông đưa mắt ra khung cửa sổ:

- Robert, không được! Đó là lợi ích cho riêng con, mỗi mình con thôi. Vả lại dù cho con đậu, ta không đủ sức để con theo đuổi Đại học 5 năm. Trong năm năm đó con sẽ không mang về nhà một trinh con. Ta đã tốn kém nhiều cho con. Giờ đây là lúc con đền đáp lại công ơn ta đôi chút...

- Thừa ba, xin ba...

Tôi biết lời nài nỉ một cách vô ích và sau cùng tôi im bặt vì chán nản, tuyệt vọng. Tôi muốn nói là tôi sẽ trả lại cho ông gấp trăm những gì ông đã cho tôi nếu ông cho tôi thử thời vận, rằng nếu trong 5 năm bận học đó, tôi không mang tiền về thì bù lại, tôi sẽ cố học hết sức. Tôi sẽ... nhưng tôi chạm phải sự lạnh lùng sắt đá của ông nên tôi cứng họng luôn.

Như mọi người yếu đuối khác, ông đặt danh dự vào việc không thay đổi ý kiến, cho như thế là tốt nhất. Ông không ghét bỏ tôi nhưng mù quáng vì tính keo kiệt đáng sợ, ông nghĩ rằng quyết định của ông có ích lợi cho tôi, và cả gia đình.

Giọng khuyến khích, ông bảo:

- Tuần rồi ta đã nói chuyện với anh Cai. Mùa hè này con được nhận vào xưởng thép, con sẽ có một nghề chắc chắn trong tay trước tuổi thành nhân. Ban đầu, lương không cao mấy, nhưng con cũng có thể góp thêm vào ngân quỹ gia đình. Ta thấy như vậy là thực tế hơn.

Tôi đáp ứng mấy lời chi đó, tôi không muốn trở thành thợ và học việc ba năm trong một xưởng thép là điều tôi chẳng hề ao ước. Dù xem ra ba có lý, tôi không khỏi đau xót ngậm ngùi. Ba đứng lên, thở dài và vỗ vai tôi:

- Ta biết con thất vọng lắm, nhưng biết làm sao hơn? Khi không đủ phương tiện ta không nên đòi hỏi.

Tôi ngồi nán lại một mình trong xa lông. Ra ba đã lo chuẩn bị cho tôi vào học việc trong xưởng và mẹ tôi đã tin cho dì Kate hay trong bức thư cho nên dì mới nhìn tôi cách khác thường như vậy.

Nhớ đến niềm hy vọng, đến dự định, đến những lời tâm sự với Gavin, đến sự háo hức của tôi trong những ngày qua, bất giác tôi không sao cầm nước mắt. Tôi khóc lặng lẽ, âm thầm. Không bao giờ tôi trở nên người mà tôi ao ước, tôi sẽ chỉ là người thợ thôi sao?

Chú thích.

(1) Mỗi livre nặng cỡ nửa ký lô.

Chương mười sáu

Ngày tháng chậm chạp trôi qua và tôi sống trong nỗi chán chường, tuyệt vọng. Một hôm, qua xén cỏ cho bà Bosomley, lúc đem dụng cụ vào cắt (mỗi tháng bà trả một shilling để tôi làm việc này, không trả tiền mặt mà bà sẽ trừ vào tiền thuê nhà) bà gọi tôi vào nhà, đặt trước mặt tôi tách trà bốc khói kèm miếng bánh táo to tướng. Bà âu yếm nhìn tôi:

- Robert, ta rất buồn mà cho con hay rằng càng ngày con càng giống con ngựa.
- Thật sao, thưa bà?
- Thật, mặt con cứ dài ra, ta tự hỏi tại sao con cứ ư buồn bã như vậy?
- Thưa bà, bản tính con...
- Nhưng con thích thú gặm nhấm buồn phiền mãi vậy hay sao?
- Thưa bà, thường thì không, nhưng cũng có khi con có thể vừa buồn rầu vừa sung sướng...
- Còn lúc này thì sao?
- Thưa bà, lúc này thì con không có gì vui cả.

Bà lắc đầu chậm thuốc hút. Tôi im lặng ngồi. Bỗng bà chìa tay ra:

- Đưa tách trà con ta xem sao! Ta có thể đoán thử tương lai con.

Đón tách trà của tôi, bà đẩy điếu thuốc qua một bên mép, nhú mắt để tránh khói, giọng bà chắc nịch, chậm rãi:

- Hay... hay lắm! Tương lai của con có màu xanh, tươi và dịu. Con sẽ khám phá nhiều sự lạ, nhưng chớ nấn ná lại đây lâu khi lớn tuổi một chút nữa. Đối với phái yếu con tỏ ra độc đoán... xem nào... á, à... Phải rồi, khi con 21 tuổi con sẽ có một người yêu rất tốt, nàng hiền lành...

Tôi đỏ bừng mặt. Bà đặt tách trà xuống, mỉm cười:

- Đừng chán nản! Có một ngày con đạt được ước vọng, nhưng hiện giờ thì... Robert! Thành thật mà nói, con làm ta buồn lây đó. Ta biết con có điều lo nghĩ...

- Thưa bà, đâu có gì...

- Ta biết, và ta biết thêm là con chả thêm tâm sự với ta nữa kia. Mà sao con không giải bày với ông con? Dù ai có nói gì đi nữa, con nên nhớ ông con là một người đáng trọng.

Luôn luôn, bà nói đến ông tôi bằng giọng thán phục, song tiếc thay: tôi không đồng ý với bà.

Tôi vẫn yêu mến ông cố, nhưng cái thời sà vào lòng ông kể lẽ đã qua rồi. Lâu nay tôi trở thành con hến, giấu kín lo âu và can đảm cam lạng một mình. Ngay với mẹ, tôi cũng không tâm sự, mẹ thường nhìn tôi ái ngại và tôi, tôi biết rằng những điều tôi nói chỉ làm bà khổ tâm hơn.

Hình như bà Bosomley có kể lại với ông tôi, cho nên hôm sau ông gọi tôi đến phòng, gạn hỏi cho được nguyên do đã làm tôi buồn chán. Nét mặt và cái nhìn kinh ngạc, buồn bã của ông khi nghe tôi kể làm tôi xúc động sâu xa.

Ông tôi, người đã nhiều lần sai lầm, lỗi bịch nhưng chưa bao giờ tỏ ra là một kẻ tiểu nhân. Sự hẹp hòi là một cái gì ông không hề biết đến. Ông đột nhiên đứng lên cầm nón và "can" bảo tôi:

- Nào, ông cháu ta lại thăm thầy Reid, xem nào!

Lâu nay, tôi không muốn ra đường với ông, tôi xấu hổ vì sự lỗi bịch của ông, nhưng bấy giờ tôi buồn cho đến nỗi không đủ can đảm từ chối. Tin rằng sự can thiệp của ông vô ích, tôi vẫn ngoan ngoãn tuân lời.

Phần đông các giáo sư ngụ tại các khu vực sang trọng trong các biệt thự xinh xắn, thầy Reid thì khác, ông ở trong một căn nhà to, cũ kỹ ở khu lao động, thợ thuyền. Ông cho là như thế ông

được tự do hoàn toàn, điều này hợp với tư tưởng cấp tiến của ông.

Vị giám học của nhà trường không ưa vẻ phóng túng của thầy Reid nhưng phải công nhận ông dạy hay và có nhiều sáng kiến. Tiến sĩ văn chương và Cử nhân vạn vật học, thầy có thể vừa dạy vạn vật vừa dạy văn chương Anh cho các lớp lớn.

Tôi còn nhớ hôm ông đến dạy đầu tiên, môn văn chương Anh. Theo thông lệ, chúng tôi thay phiên nhau đứng lên từng đứa nói về một đề tài gì đó. Đề tài hôm ấy là: Tôi sẽ làm gì ngày chúa nhật đến. Ngồi dựa ngửa ra ghế, gác chân lên bàn, ông nghe chúng tôi trình bày những dự tính hết sức đứng đắn, hay ho. Sau cùng, ông tuyên bố, giọng trầm trầm:

- Phần tôi hả? Chúa nhật này có lẽ tôi sẽ nằm nhà uống bia bằng thích!

Bề ngoài ồn ào, song tôi tin là ông cô độc và đau khổ. Ông không giao tiếp với đồng nghiệp vì ông khác xa họ quá. Đôi khi, ông dự vài buổi họp của các nhóm khuynh tả, song ông chê là các hội quán của Levenford toàn chứa chấp bọn nghiện ngập, vô dụng. Ông không hề chú ý đến phụ nữ, chưa bao giờ tôi thấy ông trò chuyện với một người đàn bà.

Ông có vẻ chú ý đến tôi và tôi cho là do tôi có một vài điểm giống ông. Chúa nhật, ông thường gọi tôi đến ăn sáng với ông. Tôi được ăn những bữa thịt dồi no nê. Tuy vậy, ông không hay biểu lộ tình cảm, ngoại trừ đôi khi tôi bắt gặp ông nhìn tôi bằng tia mắt âu yếm hiền lành.

Tiếng nhạc trong phòng ông phát ra khi ông chầu tôi lên khỏi cầu thang. Ông tôi gõ can vào cửa. Có tiếng thầy Reid la lên:

- Cứ vào đi!

Cạnh cửa sổ có cái ghế mây, thầy Reid ngồi, áo ngắn tay, hai ống quần túm lại bằng hai cái kẹp, chân mang giày đen có cột dây nhiều vòng, trên bàn trước mặt ông là ly bia sủi bọt và một máy quay đĩa.

Ông tôi vừa trình trọng tự giới thiệu thì thầy đã khoát tay bảo im và ra hiệu cho khách ngồi xuống. Hết bản nhạc, thầy lại nhanh nhẹn lật sang mặt khác và ngồi xuống ghế, lắng nghe.

Thỉnh thoảng, thầy dùng khăn tay lau trán và hớp một ngụm bia. Tôi hiểu ngay thầy vừa đi chơi xe đạp về. Cứ mỗi lần có điều bực bội ông vớ lấy xe đạp, đạp thẳng trước mặt bất kể dốc đèo, khom mình trên tay lái, ông đạp như một tên tù khổ sai, mình mẩy đầm mồ hôi, sau lưng bụi tung mù mịt. Sau đó, về nhà, thầy lại hăng hái trở lại, ăn uống bằng bốn người rồi thưởng thức nhạc hòa tấu của Beethoven. Tôi còn biết thầy cũng là tay dương cầm có hạng, song thầy rất ít khi đàn cho ai nghe vì thầy cho rằng ngón đàn tài tử của mình không lột hết được cái hay của bản nhạc.

Bản hòa tấu chấm dứt, thầy tắt máy, cho đĩa vào bao rồi mới quay sang ông tôi, giọng rất lịch sự:

- Thưa, tôi có thể giúp gì cho ông đây?

Mất dịp tự giới thiệu và bị bắt chờ đợi hơi lâu, ông tôi đổ cẩu:

- Thế bây giờ ông có thể tiếp tôi vài phút chăng?

- Dĩ nhiên là được, thưa ông.

- Tốt quá! Tôi đến đây để nói với ông về chuyện cháu tôi và cái học bổng Marshall...

Thầy Reid hết nhìn ông tôi lại nhìn tôi rồi sau cùng bước lại buýt phê đặt dưới kệ sách lấy thêm chai bia rót đầy các ly, thầy cất giọng:

- Tôi được chỉ thị rằng phải ly gián thằng nhỏ này với cái học bổng kia, càng xa, càng tốt. Mà ông biết đó: hạng tép riu như tôi phải tuân theo...

Ông tôi mỉm cười một cách trình trọng, đầu can trong tay ông tôi gõ trên nền nhà. Tôi biết là

ông tôi sắp sửa lên giọng thao thao bất tuyệt, một thói quen cố hữu mà cũng là tài sản của ông. Giọng trầm bổng, lúc hùng hồn, lúc tha thiết... tôi hoang mang không nhớ rõ ông nói gì, chỉ nghe nhiều lần ông nhấn mạnh đến Tự Do mà Thượng Đế đã ban cho con người, đến Công Bình, đến Lễ Phải. Thầy Reid thích thú lắng nghe, thỉnh thoảng cười nhẹ. Cuối cùng thầy reo lên:

- Hay lắm! Hay lắm, thưa ông! Đây, sau một bài diễn văn ứng khẩu cách đó, ông hẳn khát lắm (thầy đưa ly bia cho ông tôi). Nhưng thật tình, tôi không thể nào giúp Robert được.

Ông tôi đón ly bia uống cạn rồi thản nhiên chùi miệng nói:

- Thầy cứ bí mật ghi danh cho cháu dự thi.

- Không được. Tôi đã gặp quá nhiều phiền phức rồi. Vả lại, đơn xin dự thi phải có chữ ký của người giám hộ.

- Tôi sẽ ký, thưa thầy.

Thầy Reid nhíu mày, bước tới bước lui trong phòng, dáng bộ suy tính dữ. Tôi biết thầy đang do dự về đề nghị của ông tôi và tôi chột trần trề hy vọng.

Thình lình, thầy dừng chân, nhìn thẳng và nghĩ ra tiếng nói:

- Tuyệt lắm: nếu ta đoạt được học bổng này. Không nói với ai cả. Làm việc tận lực và bí mật. Và sau đó...chà! Ta sẽ thắng cho chúng biết tay. Hừ! Từ lão giám học đến lão già Leckie bần tiện...

Thầy quay sang tôi:

- Nếu trò thắng, họ sẽ không ngăn trò vào Đại học được. Chúa ơi! Tuyệt quá!

Đôi mắt lộ của thầy nhìn tôi chăm chú như ước lượng khả năng tôi, tôi nóng bừng mặt, tay xoay quanh cái mũ, cố giữ bình tĩnh. Để đỡ tốn tiền, mẹ vẫn tự tay cắt tóc cho tôi, hôm qua bà vừa hót mà lại hót ngắn đến nỗi bầy cả da đầu. Đầu tôi hiện giờ chắc chắn có vẻ gì... trí thức.

Thầy Reid giờ nắm tay lên không.

- Đáng thử lắm chứ! Trò phải biết ta mong cho trò được dự thi đến gần nào! Bây giờ ta còn mong ước hơn bao giờ, chúng ta sẽ không cho ai hay quyết định này và chúng ta sẽ thành công. Chưa bao giờ tôi sống những phút giây kỳ thú như vậy. Hy vọng lại bùng lên trong lòng tôi, tương lai như mở rộng, đón mời. Thầy Reid gây thêm tin tưởng... Tôi vui như mở hội trong lòng.

Phát mạnh lên vai tôi một cách thân mật rồi thầy lại bắt tay ông tôi thật chặt. Trong ba người, tôi biết niềm phấn khởi cùng dâng cao. Song, một giây sau, vốn chừng mực thầy chặn lại:

- Này, đừng tưởng bỏ! (thầy kéo ghế ngồi cạnh chúng tôi) Robert, trò sẽ gặp nhiều khó khăn đấy nhé! Trò 15 tuổi thôi mà phải đương đầu với vô số đứa lớn hơn 2, 3 tuổi. Vả lại, trò cũng có những nhược điểm: chẳng hạn trò hay vội vàng kết luận trước khi suy luận. Phải bỏ cái tật này! Tôi nhìn thầy, há hốc miệng, sáng ngời mắt không nói gì nhưng sự im lặng của tôi còn hùng hồn hơn những lời đoan quyết, hứa hẹn. Giọng thầy dịu lại khiến tôi hãnh diện:

- Ta hiểu rõ tình thế. Này, theo ta biết năm nay tình trạng như sau: đối thủ ít hơn thường lệ nhưng trình độ sẽ rất cao. Đây là ba thí sinh đầy triển vọng: Gavin-Blair, trường Larchfield, kể đến là Allardice, trường Cao đẳng Ardfillan và thứ ba là Mc Evan học ở nhà. Blair, trò biết đó, xuất sắc trong tất cả các môn. Allardice, 18 tuổi tròn, thì lần thứ hai, đây là một một điểm lợi rõ ràng cho nó. Song đứa làm ta thật sự lo sợ chính là Mc Evan.

Thầy Reid ngừng lại một chút, như thể muốn gây ấn tượng cho tôi và chưa chi tôi đã cảm thấy gòm tên Mc Evan lạ mặt rồi!

- Nó tuổi trạc trò thôi, cha nó dạy cổ ngữ La Tinh, Hy Lạp ở trường Under-shaws. Ông này

chuẩn bị cho con trai dự thi từ lâu nay đây, con ạ! 12 tuổi. Nó đã thạo tiếng cổ Hy Lạp rồi. Bây giờ ít ra nó cũng thạo thêm 5 ngoại ngữ nữa. Nó có vẻ thần đồng với cái trán cao và cặp kính dày cộm. Những ai quen biết nó đều quả quyết rằng nó sẽ thắng kỳ thi đặc biệt này... Giọng thầy tôi hơi khô khan nhưng không che giấu nỗi lo sợ. Tôi chưa chát nhĩ: “Chà, thằng này trong bữa ăn dám xin cha nó đưa cho bánh mì bằng tiếng Phạn chứ không chơi!”. Tôi chỉ nghĩ thế thôi chứ không hé miệng.

- Trò thấy chưa? Robert? Trò sẽ phải học tận lực đó nhé! Ờ! Ta sẽ không giết trò đâu... Đừng lo: mỗi ngày ta sẽ cho trò có một giờ nghỉ ngơi. Nếu trò hăng quá, không muốn nghỉ, ta sẽ buộc trò phải nghỉ, trò phải đi dạo ở đồng quê để đầu óc được thoải mái. Ta cho mượn cái xe đạp... nhưng liệu chừng đó, đừng làm bể bánh xe. Ta sẽ lo cho trò đầy đủ sách vở, trò sẽ phải giữ kỹ tất cả trong phòng và ta khuyên trò nên học trong đó, vì ngồi giữa bốn bức vách, trò sẽ không bị chia trí, lo ra. Để đây rồi ta sẽ sắp đặt chương trình cho trò học. Hiện giờ, trong học bàn ta ở trường còn giữ tất cả đề thi Marshall từ 10 năm qua. Ngày mai, chúng ta sẽ cùng xem xét lại từng điểm một, từng câu hỏi. Ta không quên gì chứ? Robert, con muốn hỏi chi không?

Tôi xúc động nhìn thầy, mắt ngài sáng, không biết nói gì để cảm ơn ông. Tôi lúng túng không biết dùng lời gì để biểu tỏ sự sẵn sàng tuân lời. Sẵn sàng làm việc, tranh đấu đến cùng.

- Con xin hứa, con xin hứa...

Tôi chỉ biết ấp úng ngần ấy lời thôi. Nhưng cần gì phải nói dài dòng? Tôi biết thầy hiểu tôi. Thầy nhanh nhẹn lại tử sách, chọn cho tôi những sách cần thiết. Sau đó, ông tôi giúp tôi mang về nhà.

Tôi tưởng như mình đang bước trên mây!

Chương mười bảy

Đầu tháng sáu, một biến cố tầm thường xảy ra nhưng cũng đủ giúp tôi không ít, làm cho sự tin tưởng tăng lên. Tôi tin là Chúa giúp tôi: số là một sáng kia đi giao bánh về tôi gặp cậu Adam đang vui vẻ ngồi ăn sáng với ba mẹ. Cậu vừa về bằng chuyến tàu suốt đêm tại Luân Đôn. Lệ phí do hãng trả. Vì lâu nay cậu đã lên chức Thanh tra của hãng Bảo hiểm Caledonia và được đổi về Luân Đôn. Lương bổng không cao so với lúc trước nhưng cậu cho đây là cơ hội tốt để vươn lên, thi thố hết khả năng.

Nghe đâu cậu vừa mua một căn nhà đồ sộ tại Luân Đôn, ở vào một vị trí tốt, mặt tiền nhìn ra công viên. Nhà có bảy tầng, thang lầu có vịn tay bằng gỗ đào hoa tâm, hàng lang cẩm thạch. Theo lời cậu, căn nhà đáng giá 6000 livres nhưng nhờ khôn khéo cậu đã mua với giá rẻ mạt: 1900 livres. Đó là tất cả tiền cậu dành dụm trong ngót 10 năm nay. Mẹ xuýt xoa không ngớt. Nhân dịp này, cậu mời ba mẹ lên Luân Đôn xem cho biết.

Sau một hồi bàn cãi, mọi việc được dàn xếp trước khi cậu Adam ra đi: ba mẹ sẽ lên Luân Đôn nghỉ hè hai tuần – nếu có thể thì kéo dài một tháng. Ba luôn luôn thận trọng trước khi quyết định.

Tôi không thể nén vui mừng: tôi sẽ có một thời gian yên tĩnh học hành để chuẩn bị kỳ thi, còn may mắn nào hơn?

Thời gian trôi qua vùn vụt. Một hôm tôi đang học bài trong phòng thì nghe một tiếng động hơi lạ vang lên. Phải sau mấy phút bỡ ngỡ tôi mới nhận ra điều lạ lùng này: mẹ hát! Tiếng bà nhỏ và sai giọng nhưng quả thật là bà đã hát!

Những bộ quần áo tốt nhất của ba được đem ra ủi lại kỹ càng. Hai cái xách tay du lịch được đánh bóng. Mẹ cũng cố gắng mua vài thước voan nâu may chiếc áo mùa hè, song thứ mẹ đặc biệt quan tâm là cái khăn choàng lông thú cũ kỹ. Khăn choàng này xưa cũng trên phần tư thế kỷ vẫn được mẹ ướp long não trong tủ. Chao ơi! Cái khăn choàng của mẹ! Không biết đó là bộ lông của loài vật nào, nhưng thấy nó, tôi tức thì liên tưởng đến một con mèo khốn nạn nào đó chết bẹp dí dưới một sức nặng cũng to lớn như khối thiếc đã đè ông cụ Samuel-Leckie đáng thương. Mẹ đã may lót kèm bằng một miếng voan cắt từ một áo cũ, đổi kiểu chút ít để cho hợp thời trang, sau đó, bà mang ra dây kẽm phơi áo, treo lên, giữ, chải để dựng mớ lông lơ thơ dầy... Tội nghiệp mẹ: từ năm năm nay bà chẳng có được một ngày nghỉ ngơi. Thế mà giờ đây, mỗi khi bà có tỏ ra vui mừng một chút, tức thì ba chặn lại bằng những lời lẽ đáng sợ như sau: - Hãy nghĩ đến phí tổn chuyến đi này!

Ba sợ rằng nếu không cảnh cáo trước, mẹ sẽ tiêu quá lỗ chẳng? Ý nghĩ sẽ phải ăn uống tại nhà hàng hoặc do một rủi ro phải ở khách sạn khiến ba như tuôn mồ hôi lạnh vì tiếc của. Ba tỉ mỉ sắp đặt tất cả: mang thức ăn theo cho suốt cuộc hành trình đến tận Luân Đôn. Sẽ dùng tàu đêm và mua vé hạng chót. Trong túi áo ghi lê, ba thủ sẵn cuốn sổ ghi: “Chi tiêu trong dịp đi thăm Adam”. Tôi đoán rằng trong thâm tâm, ba hy vọng con trai sẽ hoàn lại phí tổn cho ba. Chưa lên tàu, ba đã ghi vào trang đầu: “Hai vé tàu hỏa... 7 livres, 9 shillings, 6 pences” và ba đọc đi đọc lại, buồn bã như thể là đã tiêu phí nhiều lắm. (Mãi sau này nhờ cậu Murdoch khám phá, tôi được biết ba đã chạy chọt thế nào mà có hai vé “công vụ” miễn phí cho chuyến đi)!

Trước ngày lên tàu, vào buổi tối, mẹ vào phòng tôi, ngồi trên giường lặng lẽ nhìn tôi thật lâu, giọng âu yếm:

- Đạo này, con bận lắm, nhỉ?

Và mỉm cười hiền lành, mẹ tiếp:

- Và mẹ biết con sẽ bận hơn nữa trong khi ba mẹ ở Luân Đôn.

Mẹ biết rồi chẳng? Hay ông đã cho mẹ hay? Tôi bối rối cúi đầu, giọng mẹ đều đều:

- Giày con trông thảm hại quá đấy. Vá lại cũng vô ích... Nếu chúng rách trước... trước khi mẹ về thì con tìm trong ngăn dưới cầu thang có đôi giày của dì Kate, trông vẫn còn tạm được, con ạ!

- Thưa mẹ, vâng.

Tôi trả lời nhỏ và che giấu nỗi ngượng nghịu khi nói, vì tôi biết đôi giày màu vàng nâu của dì tôi: nó là kiểu giày con gái kia mà. Nghĩ đến lúc mang chúng, tôi nổi gai ốc khắp mình. Mẹ vô tình, vẫn cố thuyết phục:

- Dùng được, con ạ! Hôm kia mẹ vừa xem lại...

- Mẹ yên tâm, con sẽ lo lấy được mà.

- Robert! Mẹ biết con, con vẫn tự xoay sở đấy chứ...

Bà mỉm cười âu yếm, đoạn đứng lên vuốt tóc tôi, thì thầm trước khi bước ra:

- Chúc con may mắn, nhé!

*

* *

Ba mẹ vừa ra khỏi nhà, ông tôi khuôn ngay bàn học và sách vở tôi vô phòng khách liền. Đó là một phòng khách ít khi dùng đến, nhưng nó làm cho ba tôi có cái cảm tưởng mình thuộc thành phần trưởng giả: lò sưởi to lớn, bằng cẩm thạch bên trên gắn một tấm kính khung mạ vàng. Trên cái tủ nhiều ngăn, trải khăn ren có trưng bày một quạt Nhật, 3 vỏ ốc "Venus" và một cái chặn giấy bằng thủy tinh khắc hàng chữ: "Kỷ niệm Ardfyllan". Giữa phòng, trên một cái thảm đỏ là một cái bàn có cuốn sách bìa mạ vàng sắp khéo léo cạnh một lọ hoa bất tử. Góc phải, dương cầm với cái ghế xoay. Chẽm chệ trên đàn là hình ba mẹ trong cái khung xanh, mặc áo cưới. Trên vách một bức tranh sơn dầu với hàng chữ "Vua thung lũng".

Khung cửa sổ mở rộng, thật là nơi lý tưởng để tôi đặt bàn học, thầy Reid tự do tới lui để xem xét việc học của tôi. Trong nhà im ắng, ông tôi hết sức sẽ sàng trong khi đi lại. Mẹ có nhờ bà Bosomley sang giúp chúng tôi việc bếp núc, nhưng tôi ngạc nhiên thấy ông tỏ ra là một tay nội tướng tài ba. Trong những năm khó khăn ông đã xoay sở một mình và học được cách nấu nhiều món ngon tuyệt. Trong căn nhà rộng vắng, ông tỏ ra thích thú được tự do đi lại không sợ bị chế giễu rầy rà.

Dĩ nhiên, ông cháu tôi bị nhiều hạn chế: các đồ sành sứ, đồ bạc được cất kỹ vào tủ khóa lại rồi, soong chảo tốt cũng vậy, vì mẹ sợ ông làm cháy. Mẹ đã cẩn thận ghi lại các điều cần thiết, chỉ dẫn cho ông cháu, sắp đặt thực đơn cho mỗi bữa ăn theo một ít thực phẩm sẽ được ngoài hiệu giao đến tận nhà mỗi thứ hai. Ông cháu tôi còn được giữ lại chút ít – rất ít – tiền mặt để phòng hờ. Song ông tỏ ra khinh thường mọi khó khăn. Ông vẫn giữ lệ thường đến trại Dalrymphe vài ba lần mỗi tuần. Và dù sự tiếp đón của cậu Murdoch không mấy nồng hậu, ít khi ông trở về tay không: khi thì một bắp su lơ rất tươi, khi thì một mớ khoai tây bùi ngậy, thứ mà tôi rất thích và

ông nấu rất ngon lành.

Vài bạn khác, vào lúc đêm xuống, ông lấy về đạo mạo đi về phía nông trại Snoddie. Rồi hôm sau, tôi được thưởng thức món gà rút lò nướng như từ trời rơi xuống.

Dù không để lộ, xem ra ông rất phục sự học của tôi: mỗi bận tôi nhờ ông dò bài hộ, ông rất hãnh diện.

Một tuần lễ sau khi ba mẹ đi, ông bắt tôi ngưng việc giao bánh, ông cho là mất thì giờ quý báu lúc này.

Trời vừa hửng sáng tôi đã ngồi vào bàn sách mở rộng trước mặt. Thầy Reid miễn cho tôi việc đến trường trong thời gian này. Và như thế, tôi được yên tĩnh học suốt ngày. Tôi học say mê. Ngày định mệnh đã gần đến, đối thủ của tôi hẳn cũng là bù đầu, tôi tin thế; mà học bổng thì chỉ có một làm sao tôi dám hy vọng thắng nếu mắt tôi rời sách vở, dù chỉ trong giây lát chứ? Cứ đúng năm giờ chiều, thầy Reid đến, ông chỉ khẽ gật đầu chào, đoạn quan sát sức khỏe tôi. Sau đó, thầy ngồi xuống cạnh tôi hướng dẫn tôi học mãi đến tận 10 giờ đêm. Ông tôi đem lại cho thầy trò tôi hai tách ca cao, song thường, nó bị bỏ quên đến nguội lạnh.

Khi thầy ra về - trước khi giục tôi đi ngủ và vẫn biết tôi không nghe - tôi vẫn cắm cúi trên sách, chống lại sự mệt mỏi, chống với cơn buồn ngủ kéo dài. Đôi khi tôi phải vào phòng tắm, nhúng đầu trong nước lạnh. Rồi trở lại bàn học, mệt nhọc không bớt nhưng có một sức mạnh bên trong thúc đẩy khiến tôi đủ can đảm cố gắng thêm. Trước khi cắm đầu vào trang sách chờ đợi sẵn, tôi thầm cầu nguyện Chúa giúp tôi. Để được thức tỉnh, tôi lấy ngòi bút cào trên bắp chân rồi tôi đập tay lên đầu như muốn nhồi nhét kiến thức vào.

Từng phút, từng phút lặng lẽ trôi qua trong đêm tối và tôi vẫn kiên trì ngồi mãi. Tay áo xắn cao, cùi chỏ chống lên bàn, hai tay tôi ôm lấy cái đầu đang quay cuồng.

Đồng hồ điểm hai tiếng rồi rạc rạc như cũng đang ngái ngủ, tôi đứng lên lảo đảo về phòng. Thường thường nằm xuống tôi ngủ ngay tức khắc, nhưng cũng có khi tôi thao thức, hay chập chờn với những cơn ác mộng ghê gớm: tôi thấy tôi vào phòng thi và bí không trả lời được một câu hỏi nào. Lại có những đêm khác, đầu óc bỗng dưng sáng suốt lạ thường, tôi mò mẫm thật lâu. Cứ thế, tôi thiếp đi song đầu óc vẫn quay cuồng với chữ nghĩa... và những con số.

Bóng tối vừa lui, tôi đã ngồi dậy ngồi trước trang sách, nô lệ cho tham vọng của mình. Khoảng gần năm giờ chiều tôi mới chịu nghỉ một lúc, bấy giờ ông tôi buộc tôi phải dạo một vòng cho thoải mái. Một đôi khi Gavin từ trường về, tôi đón bạn, đứng tựa vào hàng rào sơn trắng, tôi nhìn nó xuống xe băng qua sân ga. Vài hôm khác, tôi đến sân chơi banh với thầy Reid, chạy nhảy một lúc cho giãn gân cốt để có thể học lại đều đều.

Một vài bận may mắn hơn, tôi gặp Alison đầu đường, cô ấy đi học nhạc về. Tránh nhìn nhau, chúng tôi chỉ nói những câu ngắn, tầm thường. Đầu trần, tay cắp tập nhạc, cô kể cho tôi nghe những điều xảy ra trong lớp, những gì thầy Reid nói. Xem ra, Alison cũng rất phục thầy. Thỉnh thoảng đôi mắt cô sáng rực lên, dịu dàng hơn và đôi môi như tươi hơn, dù cô cố giữ một bề ngoài bình thản. Rồi chúng tôi chia tay nhau. Và bấy giờ tôi cắm đầu chạy nhanh về, có lúc tôi dừng lại bất ngờ, cúi nhặt viên đá, cố hết sức ném ra thật xa.

Mặt mày còn bừng nóng, tôi lại cúi đầu vào sách... Mọi việc tiến triển có vẻ tốt đẹp. Lâu lâu, ông sẽ sàng tiến lại gần tôi, đặt trước mặt tôi tách trà bốc khói.

Chương mười tám

Trước hôm thi một ngày, thầy Reid đến, cất giấu tất cả sách vở của tôi.

- Chỉ những đứa dốt mới học tới phút chót. Trước khi vào phòng thi, chúng vội vàng ôn lại, và thường thì chúng hỏng, con ạ! Thầy nói thế với tôi. Sáng hôm thi trời mưa. Tôi xanh xao nhưng bình tĩnh. Những gì tôi đã học dường như thâm nhập vào tôi rất kỹ, đầu óc tôi đầy ứ, không thể nhét thêm một chữ nữa, song tôi nhớ tất cả những gì đã học. Tôi thuộc lâu.

Mặc bộ đồ tốt nhất của cậu Murdoch, màu xanh biển, xong rồi tôi đánh giày. Rất thận trọng, gượng nhẹ - đôi giày đã làm mẹ tôi lo lắng trước khi đi. Ông tôi xoay quanh tôi và để khuyến khích, ông ngắt cho tôi một đoá tường vi cài lên áo, đoá hoa vừa nở còn đọng sương đêm. Làm bộ lơ đãng, ông đưa tôi phong thư nhỏ, nói:

- Người ta vừa đưa lại cho con.

- Ai vậy hở ông?

Ông không trả lời, chỉ nhún vai như tuồng muốn nói: "Ta là người lịch sự, ta không bao giờ xen vào chuyện riêng của con". Trong khi tôi xé thư, ông liếc tôi, vẻ hài lòng. Đó là thư của Alison, mang vài dòng ngắn chúc may cho tôi. Lòng tôi nao nao vui thích. Tôi đỏ mặt nhét phong thư vào túi trong khi ông sung sướng lo dọn điểm tâm cho tôi.

Ngày đầu tiên, thầy Reid quyết định đưa tôi đến tận Winton. Ở sân ga, tôi gặp Gavin cũng xanh xao nhưng tươi tỉnh, 10 ngày qua, chúng tôi chưa được gặp nhau. Giữa chúng tôi lạ thay, không hề có sự ganh ghét, trái lại tôi có cảm tưởng như cùng chiến đấu vì một mục tiêu to lớn. Chúng tôi bắt tay nhau thật chặt và tôi thì thầm: "Một trong hai ta, Gavin ạ!!" vì sợ nói to thầy Reid có thể nghe.

Tôi nghĩ mình sẽ thắng, cùng một lúc lại sợ có thể thua và tôi đau đớn thầm lặng. Chiếc tàu định mệnh đã vào ga, chúng tôi cùng lên một toa trống nòng nặc mùi khói thuốc và than. Không muốn để chúng tôi phí sức trò chuyện, thầy mua cho mỗi đứa tờ báo. Chúng tôi ngồi đối mặt nhau, tôi vờ chăm chú đọc, song thực sự tờ báo chỉ được dùng như một tấm lá chắn: tôi mấp máy môi cầu xin ơn trên giúp sức để có thể vượt trở ngại lớn lao này.

Bên cạnh tôi, thầy Reid lơ đãng đưa mắt nhìn qua cửa sổ tàu. Có thầy bên cạnh tôi thấy bình tĩnh, tự tin hơn. Vai ông sát vai tôi. Mỗi bận tàu chạy xóc khiến chúng tôi ngã vào nhau, thầy không nhích ra làm tôi có cảm tưởng như ông muốn nương vào hơi ấm chuyền cho tôi một ít sức mạnh, sự thông thái cùng sự hiểu biết của thầy.

Qua vẻ thản nhiên bề ngoài, tôi đoán biết thầy cũng hồi hộp không kém. Tôi biết thầy hết lòng ao ước cho tôi được thành công.

Trường Đại học cất về phía tây thành phố, trên một ngọn đồi. Vách đồ sộ và tháp cao vờ vờ khiến cho cậu học trò 15 như tôi khâm phục lắm, xưa nay, tôi chỉ thấy nó trong những giấc mơ. Bây giờ, tôi nhút nhát trở lại như bản tính cố hữu. Xuống xe, tôi theo đồng bạn lên con dốc êm ả, hai bên đường là tư thất của các giáo sư.

Nếu đoá hoa cài nơi khuy áo và phong thư ngắn là những khuyến khích quý báu cho tôi thì chiếc giày chân bên trái lại bắt đầu làm tôi lo lắng. Thấy tôi đi khập khiễng, thầy Reid hỏi:

- Robert, đau chân hẳn?

Chúng tôi đã vào sân trường, không còn cách chi lùi bước. Thí sinh tụ tập trước cửa phòng thi. Thầy Reid chợt kêu lên:

- Một lũ lười biếng!

Rồi thầy kéo chúng tôi đứng riêng ra một bên. Tôi không nghĩ như thầy, vì trông họ có vẻ thông minh, mạnh khỏe và xuất sắc đấy chứ! Tôi nhận ra Mc Evan ngay: một cậu bé nhỏ nhắn, kính dày cộm đứng tựa cột. Hai tay thọc túi quần nom nó như đang cười với vẻ tự tin. Lạy Chúa! Nó cười thật sự chứ như nhieếc chi nữa, nó chả chút gì thắc thỏm lo âu.

Cuối cùng, tim tôi đập dồn cùng với những tiếng động lao xao: hai cánh cửa gỗ nặng nề mở rộng và thí sinh đến xếp hàng. Bất ngờ, thầy Reid nắm chặt tay tôi và nghiêng mình xuống, hơi thở ấm và nồng mùi thuốc lá của thầy phớt trên má tôi, thầy nói:

- Robert! Cầm lấy đồng hồ của thầy. Đừng tin vào cái đồng hồ cũ rích của họ. Và trước hết, gắng giữ bình tĩnh, nghe chưa?

Trước khi lùi ra, tôi còn thấy đôi mắt lộ của ông nhìn tôi chăm chú, bằng giọng khàn khàn, ông nhấn mạnh:

- Robert! Ta tin con sẽ thắng!

*

* *

Buổi chiều, Gavin và tôi cùng về Levenford. Xe đông người quá, không thể nào so gẩy nháp với nhau được, song chúng tôi cùng đồng ý rằng bài toán đại số và hình học không gian quả rất khó.

Tôi nghe mệt rã rời, đôi chân lạnh cóng. Đến đây tôi nghĩ không nên che giấu làm chi: đôi giày tôi ngâm nước, ướt đầm. Đế giày mòn quá rồi, chiếc trái thì thủng một lỗ lớn có thể thọc vào đó cả ba ngón tay. Chao ơi! Vậy mà với một chút tự ái xằng, tôi thà mang đôi giày rách lủng này chứ không mang đôi giày dì Kate, giày kiểu đàn bà! Tôi lấy bìa dày cắt lót dưới chân, nhưng vô ích vì trời mưa, đường trơn ướt, chỉ hơn 10 phút là bìa lót và vớ cũng ướt mềm như thể tôi đi chân đất vậy.

Trên đường về, mặc dù ngồi trong toa chật chội giữa đám thợ thuyền, tôi vẫn cảm thấy dễ chịu hơn.

Thầy Reid đợi tôi ở ga Levenford. Ông đưa tôi về ngay nhà ông, dọn cho tôi bữa ăn thịnh soạn gồm thịt sườn nướng và khoai tây. Rồi trong lúc tôi ăn ngon lành, thầy lo lắng bảo tôi đưa đề thi cho mình xem. Đến bàn làm việc, thầy thắp đèn lên cầm cùi giải toán, đoạn thầy lẳng lẳng đem lại đặt ngay trước mặt tôi. Tôi so sánh của thầy, tôi cố nén kiêu hãnh, nói:

- Thưa thầy, con làm đúng!

- Tất cả?

- Thưa thầy, vâng!

Dù cố sức tỏ ra nhũn nhặn, tôi tưởng có thể nhảy cẫng lên vì sung sướng, khi nghe thầy thở phào nhẹ nhõm.

Hôm sau, sáng thứ bảy, chúng tôi thi Pháp văn, Anh văn và Hóa học. Môn cuối cùng là môn Vật lý, phải đợi đến thứ hai. Lần này tôi lót trong giày miếng bìa dày hơn cho chắc chắn. Nghĩ cũng lạ: mỗi lo to lớn của tôi đôi khi lại chỉ là làm sao che giấu tình trạng nghèo khổ của mình, đừng

cho các thí sinh biết rõ. Xuống xe, Gavin cho tôi đi chung áo mưa, song nó làm sao có thể chia sẻ với tôi đôi giày rách?

Vào phòng thi, tôi bắt đầu hăng hái làm bài, quên phứt đôi giày và đôi chân ướt. Cho đến khi trở về, ngồi trên toa xe tôi rung mình nhiều bận và cảm thấy đầu nặng như búa bổ. Chiều đó, tôi về một mình vì Gavin ở lại Winton gặp chị nó.

Suốt hành trình, rất nhiều lần tôi phải thò đầu ra cửa sổ để làm dịu bớt nhiệt độ bùng bùng trong người tôi. Tới ga Levenford, khuôn mặt quen thuộc và đầy lo âu của thầy Reid hiện ra như đang nhảy múa trước mắt tôi. Tuy vậy, tôi cố gắng để cười với thầy như ngầm nói thầy không phí công đâu. Thầy thân mật nắm tay tôi, kéo tuột về bên xengrạ.

- Trông con thiếu ngủ quá! – Thầy nói giọng âu yếm – nhưng không có gì đáng ngại, ngày mai trò có một ngày tròn để nghỉ ngơi, may quá!

Thầy cho tôi về bằng xe ngựa: sang gớm! Một thứ xa xỉ vì tôi không bao giờ dám ao ước được đặt chân lên. Ông tôi đã đợi sẵn với bữa ăn đằng hoàng, tôi như một người khách danh dự.

Suốt bữa ăn, trái với thói quen: tôi nói huyên nhiên. Tôi đọc cho thầy nghe những đề Pháp văn và những câu trả lời của tôi, tôi đọc gần như trọn bài luận Anh văn.

Hai người ngồi nghe mê mải, vui mừng đến nỗi quên cả bữa ăn.

Xong bữa ăn, tôi chậm rãi lên phòng nghỉ sớm theo lời thầy Reid.

Tiếng thầy đuổi theo tận cầu thang:

- Nó không sai lắm lấy một ly con. Nó làm bài khá hơn tôi tưởng, hy vọng lắm, bạn già ơi!

Ôi! Sung sướng biết ngần nào! Tôi nhắm mắt lại vì những lời này và phải vịn chặt tay vịn cầu thang cho khỏi ngã.

*

* *

Sáng chúa nhật tôi đi lễ lúc 7 giờ rưỡi. Công việc này quen thuộc cho đến nỗi đi nửa đường tôi mới biết là trong mình nó rất khó chịu: đầu quay tít, cổ khô và đau. Mặc dù trời báo hiệu một ngày nắng ấm, tốt trời, tôi vẫn rung mình liên hồi. A! Tình trạng này chắc do thần kinh căng thẳng sau mấy ngày thi.

Ở nhà thờ về phải cố gắng lắm tôi mới nuốt trôi bữa điểm tâm. Tôi lạnh thêm lên. Tôi nói:

- Ông ơi! Con lạnh quá! Chắc ông ngạc nhiên... nhưng thưa ông, thật vậy, ông ơi, con muốn sưởi một chút.

Ông tôi nhú mày nhìn tôi có vẻ kinh ngạc nhưng không phản đối. Giọng ông trang nghiêm:

- Ông cũng thấy con cần ấm. Ông đi đốt lò sưởi đây, đốt tức thì trong gian phòng tốt nhất nhà này.

Nói xong, ông làm ngay.

Ngồi trong một cái ghế dựa cạnh lò sưởi, tôi cảm thấy dễ chịu một chút và rồi chỉ giây lát tôi bắt đầu sốt... sốt thêm, sốt từ đầu đến chân.

- Trưa nay con muốn ăn món gì, nào?

- Con không thấy đói, thưa ông.

Tôi đáp, khác hẳn mọi lần. Ông lấy có canh chừng ngọn lửa, hết đi ra lại đi vào mắt đăm đăm nhìn tôi, tia nhìn đầy lo ngại.

- Nếu con không thích ăn thì thôi vậy...

Hình như định nói gì nữa nhưng ông ngập ngừng rồi im luôn. Ông đi ra và trở vào ngay, mũ

trên đầu, giọng cổ làm ra lơ đãng:

- Ông đi dạo một tí, không lâu đâu.

Nửa giờ sau, ông trở về với thầy Reid, tôi đang nằm xoài trong ghế dựa, mắt lơ đãng, mỗi một cho đến nỗi không chào được thầy. Vẻ lo lắng và hơi giận dữ, thầy la lên:

- Ê, kiểm chuyện hả? Giả đồ đau hả? Đừng giỡn chớ, không được đâu nghe? Không thể bỏ cuộc nửa chừng, cậu bé? Lầm to rồi! Phải cố gắng...

Gọng thầy hơi xẵng, cộc lốc khách sạn ngày thường.

Thầy bước đến bên tôi, kéo ghế ngồi rồi nắm tay tôi:

- Ờ! Có hơi sốt đấy, nhưng ta không lấy nhiệt độ, tại vì không sẵn nhiệt kế, vả lại, ta không muốn gieo cái ý tưởng ngu ngốc vào óc trò. Trò chỉ bị cảm lạnh sơ thôi đấy mà.

- Vâng, thưa thầy, chắc mai con sẽ khỏi.

Tôi gượng đáp rất khó khăn. Thầy cười:

- Hy vọng thế, đừng làm vẻ yếu đuối quá, con ạ!

Và quay sang ông tôi:

- Ông mang cho nó miếng bánh sữa với trái cây chiều qua, xem.

Ông tôi vừa quay lưng, thầy lại tiếp:

- Chúng ta đã cố công quá sức, nên ta quyết lôi trò đến phòng thi, dù cho có phải tắm rượu cho trò... Đầu nhức lắm không, con?

- Thưa thầy, hơi thôi mà... nó quay...

Ông tôi trở lại với đĩa bánh bom bôi kem mà tôi thích. Tôi ngồi dậy với tất cả cố gắng nhưng chỉ nuốt được vài miếng, tôi rên rỉ:

- Thầy ơi! Con đau ở cổ quá đi!

- Đau cổ?

Thầy Reid lên lên rồi lặng đi một lúc, mãi sau mới nói được:

- Nào, đưa ta xem!

Dù tôi ra gần cửa sổ, thầy hất đầu tôi lên, bắt tôi há miệng ra, thật khó khăn. Xem xét một lúc, ông đổi hẳn thái độ: tay ông buông lỏng, xuôi xị. Tôi linh cảm tai họa đã giáng đúng đầu tôi.

Ông quay mặt đi, nói gượng gạo:

- Không có gì đáng lo, theo ta biết.

Và buồn rầu thêm:

- Để ta đi mời y sĩ.

Thầy vừa bước ra, tôi lão đảo trở về ghế ngồi, tôi cảm thấy đau dễ sợ. Sự sợ hãi không được xoa dịu nữa, nó tự do xâm chiếm đầu óc tôi, tâm hồn tôi: tôi không thể đi thi vào ngày mai rồi! Ông tôi ngồi lặng, thẳng người trước mặt tôi. Cả hai ông cháu đều như chết điếng...

Một giờ sau, thầy Reid cùng bác sĩ trở về. Khám cổ họng tôi xong, ông lắc đầu nhìn thầy một giây, đoạn ra lệnh:

- Đưa nó vào giường ngay!

Chương mười chín

Khi bớt sưng và màng tách ra, bệnh yết hầu cũng lui dần, sắp khỏi. Sau mấy ngày sốt dữ dội, tôi tiêm thiếp một cách dễ chịu: mạch đập yếu, thần kinh giãn ra, thoải mái. Bệnh tôi không nặng lắm, bác sĩ bảo tôi có thể dậy sau hai tuần.

Sau nhiều ngày thảng cổ gằng quá mức, bây giờ tôi cảm thấy sung sướng được nằm trên giường êm ái, hai tay buông lỏng trên chăn, mắt dõi theo tia nắng, tia nắng chiếu có lũ bụi tung tăng, xuyên qua khe cửa sổ nhỏ trong phòng và thay đổi dần khi lên cao.

Các bạn đừng nghĩ là tôi buồn rầu chán nản... vì sợ hỏng thi. Không đâu: tôi rất tin tưởng, tin tưởng ở lòng tốt của Thượng Đế. Ngài công bình, lẽ nào Ngài nỡ hủy hoại tương lai đứa trẻ hết lòng kính yêu Ngài và ngày đêm hằng khẩn cầu Ngài? Không! Tôi không dám mơ phép lạ, tôi chỉ mong Ngài công minh thôi. Tôi mong các giám khảo cho tôi điểm trung bình bài thi mà tôi vắng mặt. Thầy Reid bảo rằng trường hợp như vậy không phải là không hề có. Nghĩ đến điều này, tôi nhắm mắt lại, môi nở nụ cười yếu ớt và tin tưởng. Rồi tôi cầu nguyện thì thầm.

Ba mẹ vẫn chưa về, theo các bưu thiếp mẹ gửi cho ông, chúng tôi hiểu là những ngày ở Luân Đôn ba mẹ thành công. Mẹ cho hay là ba hùn tiền khai thác ngôi nhà cậu Adam. Cú làm ăn này khiến ba tôi hứng thú lắm, và vì vậy bận về hai ông bà sẽ ghé lại thăm gia đình người bà con ở Kilmarnock rồi cùng về với bà cố tôi trong vòng 10 ngày nữa.

Ông tôi giờ lịch ra, tính toán và biết là tôi có thể ngồi dậy được trước ngày họ trở về. Điều này làm chúng tôi rất mừng.

Ông tôi là một người nuôi bệnh giỏi. Trong cơn mê sáng lúc đầu, tôi mơ màng thấy ông nghiêng mình trên tôi, cho tôi uống thuốc hay xúc thuốc trong cổ tôi. Vài lần khác, bên ngoài cánh cửa tấm thuốc sát trùng, tôi nghe tiếng bà Bosomley mang đến cho tôi lọ mứt mà bà làm riêng cho tôi.

Dù bệnh tôi theo nguyên tắc đang thời kỳ truyền nhiễm vẫn có nhiều người đến thăm: bác sĩ Galbraith, cộc cằn, ít nói đến mỗi ngày. Dì Kate nhiều lần đến thăm tôi, nhưng không dám vào hẳn trong phòng, vì sợ lây bệnh cho cháu bé. Cậu Murdoch thì không cần thận trọng như thế và tôi hết sức cảm động vì sự lui tới thường xuyên của cậu. Tôi vui mừng mỗi khi nghe tiếng bước chân quen thuộc nặng nề của cậu lên cầu thang. Tôi mê say nghe những câu chuyện đứt đoạn của cậu, có khi khôi hài, khi thì cậu kể về đặc tính của giống cầm chướng do cậu mới gây.

Gavin đòi thăm tôi song bị ông cương quyết chối từ, điều này khiến tôi buồn quá đỗi. Tôi đành tự an ủi là mình sắp bình phục, vài ngày nữa mình có thể gặp Gavin.

*

* *

Bây giờ tôi phải nhắc đến ngày 20 tháng 7, cái ngày định mệnh mà tôi ghi khắc vào tâm não (và ba năm sau, tôi còn có dịp nhớ lại nữa).

Buổi sáng thứ tư trôi qua như thường, không có gì xảy ra. Đến trưa, lần đầu tiên tôi thay quần áo, rời phòng đi dạo ngoài vườn. Sau bữa ăn, trời nắng thật tốt nên ông tôi đặt một ghế xếp trên bồn cỏ cho tôi. Ngồi trên đó, tôi gác chân lên mảnh ván và đắp chăn, tận hưởng ánh nắng ấm. Lòng nhẹ nhõm tôi vui mừng sau khi bình phục, thấy đời sống đối với mình đẹp như tiếng chim hót trên bầu trời quang đãng sau cơn đông.

Trong nhà, ông cắm cúi thu dọn, hủy các vết tích còn lại do cơn bệnh của tôi gây ra, sợ có thể làm ba bực mình. Vì ông hiểu rằng dù thầy Reid đã hứng chịu mọi phí tổn về thuốc men, bác sĩ v.v... cũng không nên để ba phải bận lòng khi nghĩ đến điều này.

Đang lúc đó, tôi nghe tiếng bước chân sào sạo trên con đường sỏi và nhận ra thầy Reid đang tới gần. Thầy hiện ra từ góc nhà, mỉm cười và ngồi xuống chỗ chân tôi:

- Sao, khỏe chứ?

- Thưa thầy, con khỏe lắm rồi.

Thầy gật đầu, tay ngắt một cọng cỏ, vút xuống rồi im lặng một lúc lâu, có vẻ như đang bận tâm suy nghĩ gì đó. Đoạn, đưa mắt nhìn ra khu vườn, thầy nói:

- Robert, con can đảm lắm! Hơn ta nhiều! Thú thật cho con biết: hôm con ngã bệnh, máu gần trào ra cùng với nước mắt ta... Nhưng ta phải biết vươn lên trên mọi thất vọng, thế mới là khôn ngoan. Robert! Con đã đọc Candide chưa?

- Thưa thầy, chưa ạ.

- Được rồi, ta sẽ cho con mượn. Con sẽ thấy rằng do sự sắp đặt của Thượng đế, mọi sự trên đời này đều tốt đẹp.

Tôi không rõ thầy muốn nói gì, trố mắt nhìn thầy. Những lời thầy làm tôi như lạc hướng. Thầy điềm đạm tiếp:

- Kết quả kỳ thi sẽ được loan báo sau tuần lễ này nhưng thầy vừa gặp giáo sư Grant, ông có ghi số điểm...

Tuy bác sĩ cho tôi nhiều thuốc bổ, tôi vẫn tưởng tim tôi sắp ngừng đập: chắp hai tay vào nhau, tôi lắng tai, nghẹn thở trong lúc thầy nói nhanh bằng giọng chua xót ít gặp nơi ông và đôi mắt ông nhìn tôi thương cảm:

- Robert ơi! Mc Evan đấy!

Thằng bé thần đồng đã thắng! Hạng trẻ này luôn luôn được cuộc, dù thắng lợi của chúng đối bằng rủi ro, bất hạnh của thí sinh khác! Tim tôi thắt lại, tôi nhìn sững thầy, còn ông thì vẫn tiếp tục ngắt cỏ vắt ra xa:

- Nó chỉ được 920 điểm.

Tôi lờ mờ thấy ông tôi xuất hiện trên thềm nhà bếp và đến gần chúng tôi, dáng bộ thiếu náo. Chắc hẳn là ông cũng biết rồi. Tôi cúi đầu, đầu đón đến lạnh đi. Mặt tôi tái xanh. Sau cùng tôi cố gắng hỏi thầy:

- Thưa, ai hạng nhì, thầy?

- Con! Con chỉ thua nó có 25 điểm và thiếu bài vật lý. Ta tìm đủ mọi cách. Ta gần sụp xuống lạy họ để họ cho điểm trung bình bài vật lý. Ta đề nghị sẽ đưa số điểm toàn niên của con cho họ xem. Ta cam đoan với họ, con không chỉ được 25 thôi mà đến những 95 kia... nhưng vô ích (giọng thầy lần này thêm xót xa) họ không thể, họ không muốn phá lệ một lần.

Tôi im lặng. Tận phút này tôi vẫn chưa chịu tin là mình hỏng. Thầy Reid muốn tôi khuây khỏa nên cho hay tiếp:

- Con hơn điểm Gavin: nó thua con đấy.

Hình ảnh hai đứa con trai trong chiếc thuyền, trên mặt hồ dưới ánh trăng xanh biếc, huyền hoặc... Những lời ước hẹn chắc nịch và tràn hy vọng cùng một loạt như hiển hiện trước mặt, trong tai tôi cùng với khung cảnh đêm trăng.

Tưởng tượng đến nỗi thất vọng của Gavin nên trong một lúc, tôi quên đi đau khổ của riêng mình.

- Gavin biết chưa thầy?

- Chưa, con ạ!

Bằng giọng run run buồn thảm, giọng của một người từng đau khổ buộc lòng phải báo tin buồn, ông tôi chen vào:

- Ông Thị trưởng đang trong lúc xui xẻo quá sức... ông bị phá sản.

Tôi sững sờ vì tin cuối cùng này. Cha Gavin bị phá sản? Khổ sở, nhục nhã ngần nào đối với Gavin? Chuyện nó thi hỏng thật không đáng gì so với tai họa tày trời của cha nó. Tôi liên tưởng đến nét mặt xanh xao cương nghị của Gavin...

Tôi cảm thấy cần gặp nó ngay nhưng cũng nhanh trí không cho ai hay quyết định này. Đợi cho ông và thầy Reid vào nhà, tôi run rẩy đứng dậy, không cần xin phép, chạy ra đường. Tôi vẫn còn yếu, đi đứng hơi khó khăn, nhưng tôi chỉ nghĩ đến một điều cần thiết: gặp bạn ngay càng sớm càng tốt.

Gavin không có nhà. Trong tư thất ông Thị trưởng không một bóng người, không bồi bếp, không người làm vườn. Tôi gõ bốn lần tiếp mới thấy chị Julia hé cửa ra, chị như sợ hãi một tai họa nào hiện đến bất ngờ nữa vậy.

Chị ghen ngào cho tôi hay là Gavin mấy hôm nay ở Ardfillan với mấy người bạn và chị đã điện thoại cho nó, nó sẽ về đến đây bốn giờ chiều, tàu hỏa. Tôi biết ngay bạn sẽ xuống trạm gần nhất. Trời xanh ngắt. Trên đường, bộ hành cởi áo vét tông, phe phẩy mũ rơm. Tôi chống lại sự yếu đuối, lê chân đến cổng xe lửa vừa khi xe vào sân ga. Mắt chói lòa vì bụi và ánh nắng phản chiếu trên đường rầy, tôi chờ bạn ở chỗ thường lệ.

Quả tôi không lầm: xe vừa ngừng, Gavin nhảy xuống và băng qua bến, chưa kịp thấy tôi. Nét mặt xanh xao, đăm chiêu của nó báo cho tôi biết là bạn tôi đã biết mình rớt ròi.

Viên trưởng trạm huyết còi và phất cái mũ xanh trong tay. Một đầu máy kéo các toa hàng nổ xình xịch. Từ trên một toa, người ta chuyển mấy bao khoai tây xuống mấy xe bò. Hình ảnh này khắc ghi trong trí tôi mãi mãi...

Xe chở hành khách vừa chạy, Gavin băng qua các đường rầy. Mãi lo nghĩ, buồn bã, bạn tôi không trông thấy cái đầu máy kéo các toa hàng hóa đang đổi hướng. Đầu cúi, nó đi thẳng về hướng cái đầu máy đang chạy tới. Tôi hốt hoảng hét to lên, nghe tiếng hét của tôi, Gavin giật mình ngẩng lên và nhận ra cái đầu máy gần tới... Nhưng Chúa ơi! Nó như dính chặt tại chỗ: giày nó vướng vào ghi đường rầy. Nó cúi xuống vùng vẫy, cố hết sức để rút chân ra trong lúc tôi kêu rú lên và đâm bổ lại.

Đôi mắt đen láy trên khuôn mặt xanh xao của Gavin gặp mắt tôi. Nó tận lực rút chân khỏi đường rầy nhưng vô ích. Cái đầu máy lao sầm tới. Gavin hét lên, tiếng hét nó to hơn cả tiếng tôi và một bức màn đỏ rũ xuống trước mắt tôi ngay lúc đó...

*

* *

Khi tôi tỉnh lại, sân ga náo loạn, ồn ào kinh khủng. Người thợ máy khoa tay phân bua với cảnh sát rằng không phải lỗi anh ta. Nhiều người kêu lên bằng giọng xót xa, đau đớn:

- Bi thảm quá! Nghĩ coi, cha nó vừa mới...

Họ cho Gavin đã tự tử.

Tôi dựa theo các vách tường lần về nhà, cắn chặt răng để nén đau, mà niềm đau cứ cuộn cuộn dâng lên. Bây giờ, tôi chỉ ao ước có một điều: được nấp trong bóng tối, trong im lặng. Đừng thấy ai, đừng nghe ai... Nhưng rồi đêm xuống, tôi không chợp mắt được. Tâm hồn tôi như nổi loạn. Hy vọng trong tôi đã chết. Thế giới chỉ đầy dẫy bất công thôi.

Sáng hôm sau ba mẹ và bà cố về. Giam mình trong phòng tôi nghe tiếng ồn ào bên ngoài. Bà gọi tôi nhưng tôi không buồn đáp.

Tránh tất cả, tôi rời nhà, chậm chậm ra đường. Ngang ba cây dẻ nổi bật trên nền trời, tôi hướng về phía nhà ông Thị trưởng.

Ngôi nhà cửa nẻo đóng im ỉm như cách biệt hẳn với sinh hoạt bên ngoài.

Gavin nằm trong phòng, trên giường. Bạn tôi đã ngủ, giấc ngủ cuối cùng của cuộc đời. Mắt nhắm nghiền vẻ bình thản không thay đổi, như chìm trong mơ. Nó nằm đó, vẫn hãnh diện và quả quyết song quá xa vời, tôi làm sao trò chuyện, tâm sự được, kể từ nay? Chúng tôi vĩnh viễn mất nhau...

Chị Julia, mắt đỏ mọng, lặng lẽ chỉ cho tôi chiếc giày rách phân nửa vì Gavin đã cố gắng rút chân ra. Không, bạn tôi không đầu hàng! Nó đã chiến đấu tới cùng, Gavin đã nằm xuống song không phải là kẻ chiến bại. Tôi tin thế.

Chương hai mươi

Một buổi chiều tháng hai, tôi từ xưởng thép ra về, gót giày đinh nện mạnh lên nền đất cứng. Tôi gặp Luke, con dì Kate đang chờ ba má nó ở cổng. Đội cái két xanh dương, mặc đồng phục trường học, vẻ hãnh diện của đứa con trai mới đến trường lần đầu làm tôi bồi hồi tưởng nhớ ngày thơ ấu của mình. Thời gian trôi thật mau, tôi nghĩ thầm. Trời ơi! Tôi đã 18 tuổi rồi!

- Robert! Cho em một đồng đi!

Thằng bé chạy lại bên tôi. Nom nó mạnh khỏe hồng hào, hai mắt sáng ngời. Thọc tay vào túi quần nhem nhuốc, tôi tìm một đồng cho nó.

- Này, Luke! Phải nói “thưa anh”.

- Thưa anh.

- Mà biết lúc bằng tuổi mày, ai cho tao tiền không?

Tôi nói như giọng một ông cụ, còn nó thì mãi nhìn đồng tiền trong tay chả cần để ý lời tôi.

Nhưng cần gì, trong cuộc sống nặng nề, buồn bã của tôi, cái tương lai đen tối sẽ đến với tôi không gì hứa hẹn; việc cho nó tiền mua kẹo, dắt nó đi xem đá banh chiều thứ bảy là những an ủi nho nhỏ đối với tôi.

- Ba mày sắp ra đó, Luke ơi! Chiều nay ba mày sẽ về nhà sớm.

- Để đi nghe hòa nhạc phải không anh?

Tôi gật đầu đoạn bước nhanh vào bóng tối, song nghĩ đến điều này, lòng tôi thấy vui vui, bước chân bớt nặng nề đôi chút. Tối nay, tôi sẽ khỏi ngủ gục sau bữa ăn.

*

* *

Đó là buổi trình diễn phước thiện đặt dưới sự chủ tọa của giới chức cao cấp trong tỉnh, mục đích để gây quỹ xây cất một bệnh viện mới.

Khi tôi đến, quan khách đã khá đông, tôi chọn một ghế dưới chót tận trong một xó, lấy vẻ bất cần của một gã con trai “bất đắc chí”, ngồi một mình nhìn thính giả đầy nghẹt gian phòng rộng lớn. Người ta đặt thêm ghế xúp dọc theo các tường và trang trí hoa giấy, dây băng màu rực rỡ. Dì tôi và chồng ngồi trầm ngâm ở hàng ghế giữa. Có cả luật sư Mc Kellar. Chao! Lại có cả Jamieson, tóc đầy biêngtín bóng loáng, mặc áo cổ cao, hồ cứng ngắt đi với hai cô gái thật xinh. Hàng thứ hai, sau ông bà Marshall và các nghị viên hội đồng tỉnh, tôi trông thấy thầy Reid ngồi cạnh mẹ Alison, cô Cramb – cô giáo dạy hát cho Alison – và một người lạ nữa, có bộ râu xám dài. Tôi nhận ra vị nhạc trưởng danh tiếng của ban hợp ca Winton. Cạnh thầy Reid còn một ghế trống, tôi hiểu là thầy dành cho tôi. Thỉnh thoảng, thầy quay lại nhìn dáo dác tìm kiếm. Lòng tôi rộn lên một chút sung sướng vì sự ưu ái của thầy đối với tôi. Song tôi vẫn cúi đầu tránh ánh mắt thầy, nhất quyết ngồi yên trong xó này như một tên bần cùng, tự ý và gàn dở tách rời khỏi mọi người thân.

Buổi hòa nhạc thành công mỹ mãn. Alison là cây đình của buổi lễ. Mình cô đã hát 4 bản bằng cái giọng trẻ trung, cao vút. Tiếng vỗ tay cơ hồ vỡ rập, không dứt đến nỗi Alison phải chào đi, chào lại nhiều lần và để đáp lại những tiếng hoan hô nồng nhiệt ấy, Alison hát thêm một bài nữa. Điều tôi cảm động là nàng đã chọn bài dân ca Tô Cách Lan mà tôi thích nhất. Lời ca thơ mộng tuyệt vời như ru tôi vào một cơn mơ, một thế giới chỉ có hai đứa tôi nắm tay nhau sánh bước. Tôi nhớ lại những buổi đi chơi với Alison... và xa hơn nữa, tôi nhớ lại những lần đến kèm toán cho cô bạn dễ thương cách đây đã ba năm, trước khi thi học bổng Marshall.

Khi nốt nhạc cuối cùng tắt, im lặng bao trùm gian phòng. Cả cử tọa như bị thôi miên. Rồi tiếng vỗ tay nổi lên như sấm dậy. Tôi cũng cố vỗ hết mình.

Sau đó, đoàn người lũ lượt ra về. Tên Alison được nhắc trên môi mọi người. Tôi sắp ra về thì chợt có bàn tay ai đặt lên vai và giọng tức tối của thầy Reid vang lên:

- Nãy giờ trốn đâu? Báo hại người ta tìm suốt buổi...

Mặt thầy còn đượm vẻ hài lòng về thành công của Alison.

- Thưa thầy, con muốn ngồi một mình.

Thầy nhú mào, nhìn tôi chăm chú trong khi tôi định cáo từ. Rồi thầy giữ tay tôi:

- Robert, đừng giở trò điên! Nhất là tối hôm nay. Thomas rất hài lòng tài nghệ bạn cậu, vào đây với ta, ta muốn giới thiệu cậu với ông ấy.

Không để tôi có thì giờ thoái thác, thầy lôi bừa tôi đi. Thầy có vẻ thích thú lắm. Thầy vốn say mê âm nhạc, hết lòng săn sóc cho Alison, chính điều này đã đưa thầy lại gần mẹ Alison. Chính thầy đã mời vị nhạc trưởng ca đoàn Winton đến dự lần ra mắt này của Alison.

Gần đến nơi, thầy cười hiền hòa bảo tôi:

- Alison xoay xở khá lắm. A! Họ kia rồi! Robert! Con làm ơn bỏ bộ mặc đưa đám một chút coi!

Thầy và tôi vào đến phòng sau sân khấu. Các nghệ sĩ, thân hữu và các nhân vật quan trọng của Levenford đều có mặt tại đó. Các bà trong nhóm Bảo trợ xây cất bệnh viện đang dọn tiệc trà. Một đám đông vây lấy Alison. Nàng có vẻ bình thản giữa đám người ồn ào kia. Đứng lặng yên, tay vụng về cầm đóa hoa trắng, nàng lơ đãng nhìn quanh phòng như thể muốn tìm vật gì quen thuộc. Bốn mắt chúng tôi chợt gặp nhau, Alison sáng ngời mắt lên, mỉm cười với tôi.

Tôi chịu đựng khổ hình được giới thiệu với ông Thomas, ông bắt tay tôi, mỉm cười và lại tiếp tục trò chuyện với cô Cramb. Lần thứ nhất, tôi thấy cô ấy có vẻ được uống sữa chứ không phải bị uống dấm! Tôi từ chối tách trà bà Keith trao cho vì sợ đôi tay run rẩy, tôi sẽ làm vỡ tách mất. Mắt không rời Alison, tôi đứng tách riêng không buồn góp chuyện với một ai cả.

Cuối cùng, tôi cũng đến được gần nàng. Lòng vui rộn, môi khô, cổ nghẹn, dù vậy tôi cũng ấp úng mấy lời khen bạn. Alison lắc đầu, tỏ vẻ không hài lòng mấy về mình. Cô nói:

- Vậy mà tôi được mời hát trong ca đoàn Winton đó anh.
- Solo hẳn?
- Vâng!
- Ồ, thế thì tuyệt rồi.
- Mới là bước đầu thôi, anh ạ!

Alison ngẩng mặt, vẻ quả quyết, bảo tôi. Im lặng. Nhiều người cài khuy áo măng tô, cột khăn quàng cổ, sửa soạn ra về. Tôi thu hết can đảm, nói mau:

- Tối nay, tôi đưa em về, nhé?
- Tại sao không?

Alison trả lời vẻ bình thản như thường lệ, đoạn nhìn quanh, tiếp:

- Mọi người sắp về hết. Tôi lại tin cho mẹ hay.

Tối nay bà Keith thật xinh đẹp trong cái áo xám óng ả, cổ đeo vòng hạt trang nhã. Tôi nhìn Alison trao bó hoa cho mẹ, choàng măng tô vào và cột tóc bằng cái khăn voan trắng. Mẹ Alison cười với tôi, nụ cười hơi mai mĩ mất hết hảo ý như hồi trước. Tôi đỏ mặt tiến ra cửa trong lúc cô bạn nán lại chào hết mọi người. Cuối cùng Alison cũng ra với tôi và chúng tôi cùng sóng bước bên nhau. Alison bảo tôi:

- Robert, tôi tức ghê, lúc này tôi suýt khóc đó chứ, may mà gượng kịp.

- Đã làm sao? Lần hát ra mắt người ta sẽ thấy Alison dễ thương hơn khi Alison nhỏ vài giọt lệ vì cảm động.

- Thôi đi, kỳ cục lắm. Tôi rất ghét những kẻ lỗ bịch.

Tôi không cãi với bạn. Tôi bắt đầu cảm thấy giữa hai đứa có nhiều ý nghĩ khác nhau. Tính Alison dè dặt trầm tĩnh, khác tôi. Nàng không thông minh lắm và không có óc hài hước, và dù hơi chậm chạp, nàng rất thực tế. Alison cũng có tham vọng, nhưng không quá đáng và vô trật tự như tôi, nàng biết lợi dụng năng khiếu đến mức tối đa. Alison hiểu rằng nghề ca hát phải luyện tập lâu dài khó nhọc, phải hy sinh nhiều và biết chấp nhận. Bề ngoài bình thản, song dưới vầng trán nhẵn kia ẩn một ý chí sắt đá.

Mỗi bước chân bước tới làm tôi cảm thấy sắp xa Alison thêm nên run giọng:

- Alison, lên đồi một chút đi! Buổi tối trời đẹp quá...

Giọng khẩn thiết của tôi làm cô bạn gái mỉm cười:

- Trời ẩm và lạnh thế này có thể sắp mưa. Vả lại, mẹ đợi tôi, mẹ có mời vài người bạn đến nhà, anh ạ!

Cổ tôi thắt lại, trong cơn tức tối, tôi tưởng có thể chết được vì Alison thế mà nàng thản nhiên nói đến “vài người bạn” sắp chen vào giữa chúng tôi?

Tôi lầm bầm:

- Em có thêm nghĩ đến tôi đâu? Tưởng đến chuyện phải xa em suốt mùa đông... dài dặc...

Tôi hậm hực nói vì nghĩ đến trọn mùa đông mẹ con Alison ở Ardfillan với mẹ con Louisa.

- Nghe anh nói, người ta dám tưởng Ardfillan ở đâu xa tận bên kia trái đất ấy. Để anh không thể đến thăm tôi hay sao? Nay, sẽ có các buổi khiêu vũ và đặc biệt là có buổi khiêu vũ của các thiếu nữ...

- Thôi đi, tôi không biết nhảy.

- Thì anh hãy học đi!

- Đừng lo chuyện đó cho tôi. Alison sẽ không thiếu bạn để nhảy đâu. Tất cả bạn của hai người: của Alison và Louisa nữa.

Giọng tôi chua chát. Alison cũng không vừa:

- Cảm ơn. Hy vọng vậy. Một điều chắc chắn là họ sẽ dễ mến hơn một người.

Tim tôi muốn vỡ tung. Thốt nhiên sự tức giận nhường chỗ cho tuyệt vọng. Giọng tôi rung rung:

- Alison ơi! Đừng cãi nhau! Tôi yêu em biết bao nhiêu!

Alison im lặng một lúc rồi mới nói, giọng run run, âu yếm và dè dặt:

- Anh biết mà, tôi cũng yêu anh – giọng nàng thấp hơn – yêu nhiều lắm.

- Vậy sao em không đứng đây với tôi một lát?

- Tại vì em đói quá. Từ bốn giờ chiều đến giờ em đã ăn gì đâu.

Alison bật cười, nói. Hai đứa đã đến cổng.

- Sao anh không vào trong? Mọi người sắp đến rồi đó. Mẹ đãi nước ngọt. Chắc vui lắm à.

Tôi mím môi, lòng dâng tràn chán nản vì nghĩ trước đến những câu chuyện tầm thường của khách khứa, tôi sẽ khó góp lời vì nhút nhát – kiêu hãnh nữa. Trong các cuộc họp mặt loại này, tôi không biết vui đùa, nếu gượng cười lại càng nghe trống rỗng. Tôi xịu mặt:

- Mẹ em đâu có mời tôi? Vả lại, vô làm gì? Tôi không thích dự.

- Vậy chứ anh thích gì nào?

Alison dừng lại dưới một gốc cây dẻ trong lối đi, nhìn sâu vào mắt tôi, gặng hỏi. Tôi thì thầm đáp:

- Anh thích chỉ có hai đứa chúng mình thôi. Anh chỉ thích được cầm tay em. Bao lâu anh ở gần em...

Tôi ngừng lại. Làm sao có thể tả cho Alison biết rõ cảm giác tôi trong tình cảm rối loạn vì những ao ước hết sức mơ hồ? Alison cảm động, đôi môi run run cố gắng mỉm cười:

- Không bao lâu anh sẽ chán cầm tay em.

- Ồ! Alison! Không bao giờ!

Để chứng tỏ, tôi nắm lấy hai bàn tay mềm mại của nàng, tim đập loạn trong lồng ngực. Alison không rút tay ra, nàng lướt môi lên má tôi và mỉm cười ranh mãnh:

- Thôi, chúc anh ngủ ngon, nhé?

Đứng yên trong bóng tối, tôi nhìn nàng chạy ù lên thềm nhà. Vừa say sưa vừa thất vọng, tôi mong nàng trở lại, gọi tôi vào. Tôi điên nên mới từ chối lời mời của nàng lúc nãy. Bây giờ tôi sẵn sàng theo nàng vào nhà, nhưng vô ích. Alison không trở ra nữa.

Niềm vui chợt tắt, tôi kéo cao cổ áo, tiếc rẻ quay đi. Nhiều bận tôi quay lại nhìn những khung cửa sổ sáng trưng, lòng buồn bã.

Một ngọn gió mạnh quất vào mặt tôi, quả Alison có lý: trời lạnh và sắp đổ mưa.

*

* *

Đúng như lời mẹ nói: Levenford là một thành phố nhỏ, cũ kỹ, đầy ống khói. Nhưng vùng ngoại ô với những đồi, những rừng, những suối phong cảnh rất đẹp. Chỉ cần đóng mỗi năm một số tiền nhỏ, tôi có thể trở thành hội viên của các câu lạc bộ đầy dẫy trong tỉnh. Họ thường tổ chức các cuộc du ngoạn hay các giải thưởng cho nhiếp ảnh viên tài tử. Song dù dì Kate và chú Jamie thúc giục, mặc bà khuyến khích, tôi vẫn lắc đầu và tiếp tục nằm nhà đọc sách trong mấy ngày chúa nhật hay ngày lễ.

Ngày trước tôi thường chạy rong khắp các ngọn đồi lộng gió, song từ bao nhiêu năm tháng qua tôi không hề đặt chân lên đó nữa.

Vậy mà, buổi sáng mùa xuân này, vừa thức giấc, tôi chợt thấy cái thú của những buổi đi dạo trước kia.

Có một điều là ở Tô Cách Lan này luôn luôn người ta gặp kẻ thù đáng sợ: thời tiết xấu. Mặc

quần áo, tôi vừa hồi hộp vừa lo lắng nhìn bầu trời xám xịt. Lại mưa suốt ngày chẳng? Lại một ngày đáng ghét làm hỏng cả bữa nghỉ lễ tôi mong đợi chẳng?

Trên đường đến ga, tôi cầu nhàu thầm không ngớt. Một đám người đi du ngoạn đứng đợi trên sân ga ẩm ướt, ai cũng có vẻ bức bối như tôi. Chợt sân ga như sáng lên: Alison đã đến từ bao giờ, đang trò chuyện với thầy Reid.

Mặc một cái áo mưa xinh xắn, trên mái tóc nâu dày, một cái mũ bê rê xanh dương. Chỉ cần sự hiện diện của Alison, tim tôi đập rộn lên. Tôi len giữa đám đông tiến đến hai người. Thầy Reid cười vui vẻ:

- Robert! Tốt lắm! Ta không đi theo hai người đâu.

Alison vượt những hạt nước mưa long lanh trên mặt và mí mắt, hỏi tôi:

- Anh thấy trời mưa không? Ta có thể đi chơi không?

- Được mà, được chứ, Alison!

Tôi vội vàng đáp vì mong ước được đi với nàng, dù có phải hứng mưa đá sáng nay đi nữa. Thầy Reid vui vẻ khuyến khích:

- Không sao đâu, đừng bỏ cuộc. Nhưng nhớ cẩn thận đừng đi xa quá là đủ.

Hai năm sau này thầy Reid đã bỏ tính buồn rầu. Tôi ao ước cái khả năng không khuất phục trở ngại của thầy... cái khả năng này, khổ thay: tôi không có! Sáng nay thầy đi Winton lo vài việc giúp mẹ Alison. Nói chuyện một chốc, thầy băng qua bên kia, lên tàu.

Hình như vào lúc đó, thầy đưa mắt về phía Alison... một tia nhìn như ngằm dặn dò chi đó, song tôi không tìm hiểu lâu la làm chi, vội vàng – với tính vội vàng cố hữu – đến ngay quầy ghi vé.

Sau một lộ trình ngắn bằng tàu hỏa đến Ardfillan, chúng tôi lại bến tàu. Chiếc tàu thủy nhỏ sẽ đưa chúng tôi đến Ardencaple. Bong tàu chất đầy dây thùng và thùng. Sau khi đi dạo một vòng khắp trên tàu, ngắm nghía máy móc chán, hai đứa tìm được một chỗ khá kín đáo trên bong.

Cái giầy lát chuông rung, tàu nhổ neo, các chân vịt quạt nước, tàu từ từ rời bến. Tôi đưa tay che bớt những giọt nước bắn tung tóe và bị gió tạt vào mặt chúng tôi. Quay sang bạn, tôi hỏi:

- Nếu em muốn, ta có thể xuống dưới.

Hai má Alison tươi lên, cái bê rê long lanh mấy hạt nước, vui vẻ trả lời tôi:

- Không đâu, em thích ở đây hơn.

Nàng nói thật to để át tiếng gió và chỉ cho tôi thấy màu xanh vừa hiện ra do đám mây nứt rạn. Vết nứt thứ hai để lộ một mảng da trời xanh khác. Hai đứa hồi hộp nhìn hai đốm xanh hợp lại thành một và lớn dần.

Rồi cuối cùng, mặt trời hiện ra ấm và sáng rõ. Thoáng chốc, mây đen tan hết, bong tàu khô ráo thật nhanh. Tôi háng hái nói:

- Chúng ta sẽ hưởng một ngày tuyệt diệu.

Và kéo Alison ra trước mũi tàu. Tàu phẳng phẳng rẽ nước, dừng lại vài bến để chở khoai tây hay lấy thêm vài bác nông dân dắt trừa ra chợ. Tôi thật hài lòng vì có Alison bên cạnh và chỉ cho riêng tôi.

Đứng tựa vào lan can tàu mỗi khi tàu chòng chành, tôi cảm thấy thân mình Alison chạm vào tôi và tôi say sưa với hạnh phúc đơn giản đó.

Một giờ trưa, chúng tôi đến Ardencaple. Nghĩ đến ba tiếng đồng hồ sống riêng biệt với Alison trong khung cảnh nên thơ này, tôi thích thú hết sức.

Chúng tôi kéo nhau vào quán ăn duy nhất trong vùng, một tòa nhà khá to hơi cũ kỹ. Bà bồi bàn vẻ mặt nhăn nhó đưa chúng tôi vào một phòng ăn dài, lạnh ngắt. Vách trang trí đầu hương, sừng

nai, và những con cá kỳ dị.

- Mùa này không có gì ăn. Chúng tôi chỉ có thể dọn cho cô cậu một bữa ăn nguội. Mỗi phần bốn shillings sáu.

- Robert! Anh thích chỗ này ư?

Tôi giật mình, đỏ mặt nhưng cũng đủ can đảm lắc đầu.

- Em cũng vậy.

Alison kéo ghế đứng lên và nói với bà ta một cách tự nhiên:

- Phiền bà, chúng tôi đói ý, không ăn ở đây nữa.

Mặc bà ta và viên quản lý nài nỉ, chúng tôi nhanh nhẹn đi ra. Băng qua đường, Alison kéo tôi vào quán tạp hóa duy nhất trong vùng. Sau một hồi xem xét, Alison bảo cô bán hàng làm cho 6 miếng xăng ếch, trong khi chờ đợi, Alison chọn thêm ít táo, mấy quả chuối, thỏi chocolate và hai chai nước ngọt.

Tất cả được cho vào một cái xách bằng giấy nâu dày, phải trả có 2 shillings 6. Chúng tôi thư thả theo một đường mòn lên đồi rồi men theo bờ thác Ardencaple đi qua rừng thông và cỏ dại. Sau cùng đến một khoảng rừng thưa, giữa là một con suối róc rách chảy, hai bên bờ cỏ mọc xanh rờn, điểm những cánh hoa dại. Hoa rơi rụng trôi theo dòng nước như những cái thuyền con mong manh. Chúng tôi ngồi tựa lưng vào một tảng đá nhẵn, trên cỏ khô.

Ánh nắng ấm áp xuyên qua các khe lá chiếu đến tận chỗ chúng tôi. Tôi vui vẻ cho hai chai nước ngọt xuống suối cho mát còn Alison thì lo cởi áo mưa dọn bữa ăn. Thật là một bữa ăn ngon lành, đầy thi vị, nước dầm dưới suối mát rượi.

Alison bắt tôi ăn hết mấy quả chuối, và nụ cười trên môi duyên dáng thêm lên, cô bạn bảo tôi:

- Ăn như thế này anh thấy có thích hơn cái quán ăn ban nãy không? Cái quán chi đâu vừa đắt vừa...

Tôi gật đầu đồng ý, phục sáng kiến Alison. Cô thở dài khoan khoái, giở mũ ra, tựa lưng vào phiến đá, nhắm hai mắt lại:

- Ở đây thích thật, em muốn ngủ một giấc quá, Robert ạ!

Alison nói và vươn vai, thân hình trẻ trung, khỏe mạnh, dịu dàng. Mớ tóc nâu dài, óng ánh vây quanh khuôn mặt ửng hồng vì nắng. Đôi mi cong vút, cái cổ trắng ngần... Lòng tôi lâng lâng nhẹ...

Tôi xích lại gần bạn, kê tay sau gáy Alison và bảo:

- Alison ạ, thế này sẽ dễ chịu hơn.

Alison bình thản nhắm mắt lại, nụ cười phớt nhẹ trên môi. Nàng thì thầm:

- Robert! Tim anh đập to ghê gớm. Nghe điếc cả tai!

Ôi! Nhập đề tế nhị biết bao cho một sự tỏ tình? Nhưng sao tôi không thể nào mở miệng nói được một lời? Sao tôi không dám ôm Alison vào lòng? Sao tôi vụng về đến mức này? Tôi yêu nàng biết bao!

Không, tôi muốn giữ nguyên giây phút thần tiên huyền diệu ấy, tôi không muốn bằng một cử động nhỏ nào, phá vỡ sự ngây ngất tuyệt vời hiện có trong tôi. Run rẩy và cảm động, tôi giữ yên nàng trên vai. Giọng tôi thấp nhỏ:

- Alison nhớ không? Hôm nọ anh nói chỉ muốn được ngồi riêng với em, như thế này này...

- Nhưng nếu trời mưa thì sao?

- Mặc kệ trời mưa... – tôi bảo bạn bằng giọng nồng nhiệt – bao lâu chúng ta...

Tôi im lặng đột ngột trong lúc Alison mở to mắt nhìn tôi, vẻ âu lo. Rồi ngồi bật lên như thể đã

quyết định điều quan trọng:

- Robert! Em có chuyện đứng đắn...

- Anh có bao giờ không đứng đắn đâu?

- Đừng giỡn. Em lo cho anh lắm. Thầy Reid cũng vậy, anh ạ!

Rõ ràng là tôi không lầm: ban sáng trên sân ga tôi đã thấy ánh mắt hai người nhìn nhau. Vì vậy, dù buồn vì Alison ngồi xích ra tôi, tôi cũng hãnh diện vì họ chú ý nhiều đến tôi. Alison trang nghiêm:

- Trước hết, chúng tôi cho rằng anh mất thì giờ một cách đáng buồn trong xưởng thép. Anh sẽ quên dần những gì đã thu thập được về sinh vật học. Anh biết rõ chứ: người ta muốn Caruso thành thợ máy nhưng ông ta đâu chịu vậy?

- Alison! Anh hiện có chỗ làm tốt, anh rất hài lòng số phận mình...

Tôi nhún vai ra vẻ bất cần, lời nói trở thành phản nghĩa. Bạn tôi nhìn ra xa im lặng làm tôi áy náy, thấy cần xoa dịu câu nói vừa rồi:

- Anh biết công việc cực nhọc, thỉnh thoảng lại bị đứt tay vì các dụng cụ. Và còn... bị bụi sắt làm mình ho...

Alison quay phắt lại nhìn tôi làm tôi bối rối, nàng lắc đầu:

- Robert ạ, anh thật khó hiểu.

Lòng tôi trĩu nặng, hoang mang không hiểu mình đã nói gì. Tại sao Alison nhìn tôi hiền hòa nhưng đầy trách cứ? Cả hai đưa im lặng sau đó, chỉ có tiếng nước chảy róc rách. Tim tôi như thoi đập mạnh mà yếu hèn đi:

- Em ghét anh?

- Sao lại ghét anh? – Alison cắn môi – Nhưng thú thật, anh làm em thấy chúng ta quá khác nhau. Em thì ở dưới đất, quá thực tế, còn anh, anh như sống trên mây. Có trời biết, anh sẽ ra sao khi thầy Reid rời Levenford...

Tôi hốt hoảng hỏi dồn:

- Thầy Reid sắp rời tỉnh? Thầy nói với em à? Thật không?

Alison cúi mặt, vò nát cọng cỏ trong tay:

- Thầy đã đưa đơn xin dạy ở Trung học Norsham. Ông ở Levenford lâu quá rồi còn gì? Chỗ thầy đang xin không danh tiếng mấy, nhưng tại đó họ áp dụng phương pháp giáo dục mới, sẽ có tương lai hơn, hợp với thầy hơn.

- Thầy đã được nhận lời chưa?

- Rồi. Thầy có ý định cho anh hay tối nay.

Chân tay tôi lạnh toát, choáng váng cả mặt mày. Dù thầy Reid có đôi lần nói bóng gió đến chuyện ra đi, song tôi không ngờ là ông ra đi sớm thế. Thật là một cú đấm bất ngờ làm tôi tối tăm mặt mũi. Trời ơi! Sao thầy sắp đặt mọi điều mà không cho tôi hay biết rõ ràng? Sao thầy không cho tôi biết trước để tôi đủ sức mà chịu đựng cái tin ghê gớm này? Tôi khổ sở, đau đớn, có cảm tưởng như mình bị loại bỏ, gạt ra... Có thể như thế chăng? Alison tránh tia nhìn của tôi.

- Em biết anh buồn vì thầy Reid đi xa, xa những người thân yêu là một điều đau đớn, nhưng Robert ạ, ta vẫn còn có thể liên lạc nhau, kia mà.

Nói xong, Alison ngồi buồn bã, tôi cũng im lặng theo. Tôi còn biết nói gì đây?

- Robert! – Đột nhiên, cô ngẩng lên, nói mau – Mẹ và em cũng sắp ra đi.

- Đi đâu?

Tôi tái mặt, khô môi chỉ thốt ra được hai tiếng ngắn. Giọng Alison cương quyết:

- Em phải nghĩ đến tương lai em. Mẹ cũng đồng ý là điều này quan trọng. Cô Cramb không còn gì để truyền dạy cho em. Mà ở Winton chả có giáo sư nào thật trội. Mẹ quyết định ghi tên em vào Học viện Hoàng gia Luân Đôn.

- Luân Đôn?!

Luân Đôn! Tôi tưởng như đó là một địa danh xa xôi tận bên kia quả đất.

- Và trường trung học Norsham miền Sussex rất gần Luân Đôn. Mặt Alison đỏ bừng, có vẻ hết sức bối rối:

- Anh là người học trò thông minh nhất mà thầy Reid thường nhắc đến và rất yêu, nhưng em thấy anh thật tệ... không để ý gì cả. Em cho anh hay chỉ mình anh là không biết tin này: mẹ em và thầy Reid sắp thành hôn.

Tôi ngạc nhiên dữ. Không thể chối cãi bà Keith còn duyên dáng và hôn nhân giữa thầy Reid với bà thật đáng mừng, song tôi không khỏi sững sờ. Giây lâu tôi mới nói bằng giọng tuyệt vọng:

- Nếu vậy, anh chả còn ai...

- Em đâu có đi luôn? Anh cũng hiểu rằng em phải lo cho nghề nghiệp. Em có đi tận cùng thế giới đâu? Đừng nản lòng, anh ạ. Anh nên nhớ anh còn cả một tương lai trước mặt.

Phải! Nhưng tương lai đó nào có hứa hẹn gì? Tôi buồn rầu cảm thấy ngay bây giờ cái viễn tượng mờ mịt, đen tối và cô độc đang đón đợi tôi. Nhìn sững phía trước tôi thấy mặt trời ngả dần sau đồi. Từ bến tàu, có tiếng còi rú lên ba lần, báo hiệu chiếc tàu chở chúng tôi sẵn sàng tách bến.

Alison giục giã:

- Tàu sắp nhổ neo, anh!

Cô bạn mỉm cười với tôi như an ủi, như van nài đoạn đứng dậy, kéo tay tôi. Rồi, trong khi nắm tay nhau xuống đồi, tôi chợt có cảm tưởng rằng bề ngoài vững vàng, bình thản của Alison che giấu một hoài nghi, ngờ vực ở ngày mai.

Tiếng còi tàu lại rú lên dài hơn khiến tôi nhớ đến tiếng hụ trong xưởng thép.

Một ngày nghỉ đã hết. Bỗng nhiên, tim tôi nặng trĩu. Cái cảm tưởng cô đơn bị mọi người bỏ rơi lại ám ảnh tôi. Tương lai đen tối lại hiện ra sừng sững như bức tường cao, dày, không sao vượt thoát.

Chương cuối

Ở xưởng thép tôi không phải làm việc đến mệt lử, nhưng vì không phải sở thích nên tôi khổ sở vô cùng. Xưởng chuyên sản xuất các máy móc cho tàu bè và những ống bơm hút để xuất cảng. Tôi bắt đầu học việc trong xưởng đúc. Trong nhiều tháng, phận sự tôi là mài rồi chà rửa bằng bàn chải thép những thỏi gang nguyên. Công việc khó khăn này làm hư hai bàn tay ưa tìm tòi nghiên cứu của tôi.

Jamie tốt bụng, hẳn có dịp là tìm cách giúp tôi, song vì vốn có liên hệ họ hàng cho nên sự ưu đãi này có thể gây bất mãn trong xưởng. Chỗ làm việc của tôi gần mấy khuôn cát, nơi người ta đổ sắt, thép nấu chảy vào. Sức nóng nhiều khi làm tôi chịu không nổi và những hôm có gió, cát bay tung tóe khiến tôi ho sặc lên.

Ít lâu sau, tôi được chuyển sang xưởng máy, tại đây người ta dùng nhiều máy để đánh bóng thỏi gang. Tiếng đe búa và máy dùng dùng, xình xịch không ngớt. Các bạn cùng lứa tôi đều vui tính, họ say mê đá bóng, đua ngựa và chuyên khoe thành tích tán gái. Sau bốn năm học việc, một số sẽ xin làm thợ máy trên tàu và một số khác ở lại làm trong xưởng.

Công bình mà nói, ban đầu tôi cũng muốn kết bạn với họ, vì tôi đang cần tình bạn, song bản tính nhút nhát, vụng về tôi thấy thật khó khăn. Vài bạn tôi đi chơi với họ, song những câu chuyện của họ, ồn ào và sôi nổi về đức tính một con chó săn và giải thưởng cho con ngựa thắng cuộc đua không bao lâu làm tôi đâm chán. Trời ơi! Tôi ao ước có một người bạn như Gavin để bàn về sách vở, nhạc, về những tư tưởng mới thường cuốn hút, hấp dẫn tôi và đồng thời làm tôi sờ sợ. Với các đồng nghiệp này, mỗi khi tôi đá động đến vấn đề, họ liền cho tôi lên mặt trí thức, thế là tôi im ngay.

Nhờ có họ với Jamie và bản tính trầm lặng – một đức tính được yêu chuộng ở Tô Cách Lan – tôi vừa lòng hầu hết mọi người. Vả lại tuy không yêu việc, tôi vẫn là người chăm chỉ, phải cái đây không là sở trường của tôi. Mỗi lần nghĩ đến hàng năm, hàng năm dài trôi qua như thế, tôi nản tột cùng.

18 tháng ròng trôi qua và tôi cảm thấy sức chịu đựng hao mòn. Bề ngoài tôi tỏ vẻ bất cần, nhưng thú thật lòng tôi hết can đảm và kiên nhẫn. Tôi sẽ không bao giờ được nghiên cứu, tìm tòi để đạt tới mục đích như xưa kia từng đã vạch ra sao?

Tôi vừa đi vừa miên man suy nghĩ và về đến nhà không kịp nhận ra. Trên bàn ăn, ba thận trọng trải lớp mác ga rin trên lát bánh. Ông lơ đãng đón tôi bằng cái gật đầu.

Tôi đi thẳng ra sau rửa mặt, rửa tay trong khi bà cố nhanh nhẹn, lặng lẽ dọn bữa ăn cho tôi, thức ăn được giữ nóng trong lò.

Nhìn đôi bàn tay khéo léo của bà, tôi chạnh nhớ đến mẹ, linh hồn của gia đình đã mất rồi! Tôi quên kể cho các bạn biết thêm một hạt trong chuỗi dây bất hạnh của đời tôi: mẹ đã mất rồi! Một buổi chiều đông, cơn đau tim bất ngờ đã chấm dứt cuộc sống của mẹ sau một trận cãi vã kịch liệt với ba về bức thư của cậu Adam. Mẹ, từ lâu vẫn lặng lẽ không nói cho ai hay là mình mang chứng đau tim. Chao ơi! Bây giờ đây mỗi khi nghĩ lại, tôi cảm thấy hối hận vì đã không mấy may chú ý khi thấy mỗi lần mệt hay giận, mẹ thường đặt tay lên ngực trái như muốn đè nén một cơn đau hay nâng nhẹ quả tim suy yếu.

Hôm đó, khi bước vào phòng khách, tôi thấy mẹ đang ôm ngực, thở hổn hển và gương mặt xám xanh. Tôi kinh hoàng la lên:

- Mẹ! Để con mời bác sĩ, trông mẹ yếu nhiều...

- Đừng! Đừng chọc giận ba con thêm...

Mẹ nói bằng giọng khó nhọc, khổ sở.

- Không! Mẹ đau nhiều, con biết mà!

Tôi nói và học tốc chạy tìm bác sĩ. Khi tôi và ông vô nhà, mẹ đã ngất rồi. Thăm mạch xong, bác sĩ nói bằng giọng lạnh băng, tàn nhẫn:

- Muộn rồi!

- Mai bác sĩ có trở lại không?

Ba hỏi giọng yếu ớt. Ông lo lắng thực đó. Song ông còn lo tổn tiền hơn!

- Chắc chắn là không. Ngày mai, bà sẽ hết thở. Tôi không đòi khám nghiệm xác là may cho ông rồi.

Tôi ghen ngào nghĩ đến thi thể mẹ nằm trên bàn đá trong nhà mồ...

Nhiều tuần trôi qua... Còn ba?

Ba rất hãnh diện về số tràng hoa phúng điếu. Và ông còn phàn nàn không ngót về điều bà dám cả gan bỏ ông mà đi trước.

Tôi rất ngạc nhiên thấy với tính keo kiệt đặc biệt của ông mà sao ông không bán đồ dùng của mẹ tôi. Mỗi chiều chúa nhật ông vào phòng bà, lấy vài cái áo trong tủ ra, chải cẩn thận rồi treo lên móc, dáng bộ tần mẩn thật đáng thương. Lần thứ nhất kể từ lâu lắm, tôi thấy ông đáng thương. Tôi tin là ông cảm thấy thiếu bà.

Tôi cũng vậy. Mẹ luôn luôn bận rộn công việc, phục dịch cho cả nhà từ trẻ đến già. Mẹ cố gắng làm những gì có thể giữ vững liên lạc gia đình, xoa dịu những cơn thịnh nộ của ba, bù đắp các thiếu thốn do tính keo kiệt của ba. Mẹ cố giữ thể diện trước khách lạ. Tôi mang ơn mẹ nặng lắm. Mẹ rụt rè, ẩn khuất nhưng cao thượng biết bao. Phải! Mẹ không toàn thiện. Những nỗi lo lắng về tiền bạc, về nỗi chịu đựng thầm lặng làm bà hay cau có.

Nhiều bận bà nấn ná, khất hẹn giữ lại vài shillings học phí của tôi cho tận đến lúc ông Hiệu trưởng vào lớp nhìn tôi, nói to lên: "Trong lớp này còn có một trò chưa đóng học phí" làm tôi xấu hổ tưởng có thể ngất đi. Vâng! Mẹ thế đấy, nhưng tôi chưa được biết người đàn bà nào cao cả hơn mẹ. Tôi buồn rầu và nhận ra rằng đã quá chậm, khi tôi hiểu tôi yêu mẹ biết ngần nào! Và cái hình ảnh mẹ hát khe khẽ khi đi Luân Đôn nghỉ hè, nụ cười tươi tỉnh hiếm có với cái khăn choàng lông thú nghèo nàn trên dây phơi trong sân nắng chói cùng một lượt hiện lên trước mắt tôi. Tôi ghen ngào tưởng nuốt không trôi mẩu bánh.

Xong bữa ăn tôi lên phòng thay áo đoạn ghé vào phòng ông. Gánh nặng mẹ trao lại cho tôi là ông đấy. Ông ngồi trong ghế dựa, một tay giữ cuốn sách to trên đùi. Tay kia cầm lát bánh cặp phô ma. Ông cắn miếng bánh, ngẩng lên bảo tôi:

- Robert này, thật khó tưởng tượng nhé: ruột người ta dài hơn một thước đó nghe!

Bây giờ ông tôi có vẻ thích thú môn y học. Từ lâu rồi, ông Mc Kellar đã ngừng giao tài liệu cho ông chép dù chữ ông hơi run song vẫn còn khá đẹp. Rảnh rang ông viết thư kết bạn bốn phương với các bà góa và đôi khi còn làm thơ nữa.

Tóc ông giờ trắng xóa như gòn. Thân thể cường tráng xưa kia nay gầy đi. Áo quần rộng xù xì, nhưng ông nhất định là mình chưa già. Không còn chơi thân với bà Bosomley nữa, ông đón đường các nữ sinh, trêu chọc họ bằng đôi câu chuyện chót nhả. Và, bạn thân mến ơi! Ông vẫn không chừa thói khoe khoang những thành tích tưởng tượng của mình.

Lâu lâu, ông đấm cái ngực lép xẹp của mình, tuyên bố lớn lối:

- Đây, cây cổ thụ chính gốc Tô Cách Lan! Ta mà ứng cử Hội đồng Thị xã đó nghe Robert, thì ta đắc cử liền!

Cũng may là nói xong ông cười khà nên tôi biết ngay ông chỉ nói đùa.

- Ông ơi!

- Cái gì đó?

Tôi chờ cho ông ngẩng lên hỏi và lợi dụng tính ưa nịnh của ông, tôi nói:

- Ông ơi! Con muốn đi nghe hòa nhạc. Con biết ông tự trọng, không làm điều gì tệ bậy, nhưng con muốn ông hứa với con là tối nay không ra khỏi nhà. Có vậy, con mới yên tâm.

- Dĩ nhiên! Dĩ nhiên! Yên tâm đi con trai! “Danh dự trên hết”! Tin ta đi!

Tôi hài lòng đi xuống, để ông yên với “những bệnh của ruột non”.

*

* *

Đã khuya lắm rồi vào một đêm cuối tháng 7, không còn che giấu được nữa: ông sắp mất. Hôm qua, ngày thứ bảy, tuy không được khỏe mà ông cứ nằng nằng đi dự cuộc triển lãm hoa của cậu Murdoch. (Cậu được huy chương bạc về giống hoa cẩm chướng mới, do cậu gây giống). Và ông ngất nửa chừng, đưa về nhà ông nằm liệt luôn. Bác sĩ quả quyết ông không vượt qua lần này. Thần chết lảng vảng đâu đây, khắp gian phòng người bệnh. Cả nhà sống trong bầu không khí chờ đợi căng thẳng.

Dưới phòng khách, cậu Murdoch, Jamie thì thầm trò chuyện với ba. Dì Kate cố giữ cho cháu bé đừng làm ồn. Trong bếp, bà cố nhón chân đi lại, trông chừng mấy vỉ bánh nướng. Lúc đêm đổ xuống, mọi người rút lui. Không ai phản đối khi tôi đòi thức canh chừng ông.

Sự im lặng bao trùm nặng trĩu, dù tôi đã mở rộng cửa sổ, đêm tối mịt, sức nóng không làm dịu bớt sự nặng nề. Ông nằm ngửa, không rên rỉ, thở rất yếu. Khuôn mặt hóp, thân thể gầy nhom. Trước khi ngủ, bà cố đã vào lau mặt cho ông và chải bộ râu trắng xóa.

Tôi vừa buồn rầu vừa tự an ủi là ông sắp được giải thoát. Đã đến lúc làm tổng kê đời ông. Phải chăng đây là lúc đáng sợ trước khi ra đi vĩnh viễn mà mọi người trước sau ai cũng trải qua?

- Người đàn ông này đã phạm nhiều lầm lỗi, có bao nhiêu hành động lỗ bịch, điên rồ? Không ai biết rõ hơn tôi những yếu đuối, những bướng bỉnh của ông. Tôi cũng lo sợ mà cảm thấy tôi, đứa con trai cuồng nhiệt và buồn bã đã thừa hưởng của ông tôi chút tính tình. Rồi tôi thích thú mà nhận lấy những xung động ngầm này, vì cũng giống như ông, tôi từ chối nhắm mắt tuân theo các quy ước sắp sẵn. Ông tôi còn những đức tính đáng kể, ông khinh bỉ sự hẹp hòi, có lòng đại lượng, có lòng nhân ái. Chao! Những đức tính này há không bù lại những lỗi lầm nhẹ của ông sao?

Ngồi trên đầu giường ông, tôi thiu thiu ngủ. Đồng hồ chọt đổ ba tiếng kéo tôi khỏi giấc mơ. Hơi thở ông càng yếu, báo hiệu cái chết gần kề. Thành linh, bà cố tôi mở cửa, tay cầm giá nến bước vào. Do bản năng, bà đoán được cái chết đã đến. Trong giây phút nghiêm trọng này, bà không bảo tôi đọc to một đoạn Thánh kinh. Bà nhìn người hấp hối, rồi lặng lẽ ngồi xuống cái ghế mây

tôi vừa đem lại cho bà. Tôi đứng lên, lại bên cửa sổ. Nghe tiếng lá cây chạm nhau xào xạc, tiếng chim đập cánh, thấy bóng mấy cây dẻ lờ mờ in hình lên nền trời, tôi đoán bình minh sắp trở về. Thái độ bà cố tôi thật đẹp. Trong lòng bà sự thù ghét ông tôi không còn nữa. Những tranh chấp làm cho hai người đối đầu nhau trong bao năm nay thốt nhiên xem ra ấu trĩ, không đáng lưu tâm.

Những tháng sau này, sức khỏe ông tôi càng mong manh thì bà càng xử tốt. Bà chăm sóc cho ông tận tình, không phải vì thương hại mà vì bà hiểu sự thù ghét lúc này sẽ làm cho bà thấp hèn, bất xứng.

Giây phút cuối cùng... một người ra đi. Cái chết của một người trẻ trung khỏe mạnh là một điều ghê sợ, đáng tiếc. Nhưng ông cố tôi mòn mỏi quá đi rồi, một con thuyền mong manh cũ nát rồi bến không chút khó khăn, chấn động. Bà nhìn tôi gật đầu nhẹ và làm dấu thánh giá đoạn đứng lên.

Sau đó, bà cột một giải băng dưới cằm ông – đặt hai đồng tiền lên hai mi mắt khép kín – một tục lệ của nông dân vùng này – Tôi buồn rầu vô hạn khi nhìn khuôn mặt lạnh cứng của người vừa tắt thở. Ông cố tôi đã về một nơi đầy ánh sáng hay bóng tối? Song chắc chắn ông không còn lỗi lầm, cuồng dại nữa. Ông đã thoát các kẻ thù của ông, kể cả kẻ thù tệ hại nhất, là chính ông.

Bà bảo nhỏ tôi đóng kín cửa sổ lại. Đêm đã tàn: tôi có thể thấy các cánh đồng xa xa và trên nền trời ngả xám, in bóng ba cây dẻ. Tôi thổi ngọn nến. Đột nhiên, từ một nông trại nằm lưng chừng đồi có tiếng gà gáy ó o vang dậy, tiếng gà thúc giục như thể muốn thách thức ánh lửa tàn.

*
* *

Sau tang lễ ông cố, chúng tôi hội họp tại phòng khách uống trà. Lễ tiễn đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng cũng không long trọng lắm nhưng cũng đủ lễ nghi. Luật sư Mc Kellar cũng đến với chúng tôi. Ông đến vì một nguyên do: số tiền hăng bảo hiểm trả lại sau khi ông cố nhắm mắt. Theo lời luật sư Mc Kellar số tiền lên đến 789 livres, 7shillings, 3 pences chẵn. Một số tiền khá lớn. Ba và Adam chới mắt trước khi nhận được. Tôi chợt nhớ đến ông cố: ông cho đây là một trò bịp bợm và từng cấm tôi nhắc đến trước mặt ông. Cảm ơn Thượng đế: ông cố tôi không còn đây để nghe ba cố lấy giọng bình tình (mà vẫn cứ run) để hỏi ông Mc Kellar:

- Thế bao giờ thì ông có thể trả tiền cho chúng tôi?

- Ngay tức khắc.

Viên luật sư đáp. Rồi ông thông thả rút giấy tờ trong túi áo ra:

- Đây, tờ bảo hiểm nhân mạng số 57430 mang tên Alexander Gow. Và đây là di chúc ông cụ. Tôi đọc to cho quý vị nghe.

- Thôi, khỏi cần! Lúc làm di chúc có mặt tôi, tôi thuộc lòng rồi. Khỏi!

Adam bắt đầu sốt ruột, gạt phăng đi! (chắc cậu vừa sốt ruột vừa ghét cái vẻ trang trọng của

ông Mc Kellar). Ông Mc Kellar cố giấu vẻ bất bình, giọng thản nhiên:

- Thủ tục buộc tôi phải đọc cho quý vị. Không dài lắm đâu ạ!

Ba giảng hòa:

- Vâng, ông cứ đọc.

Mc Kellar mang kính vào rồi chậm rãi đọc di chúc cho mọi người nghe. Di chúc thật rõ ràng, đơn giản: ông cố để lại tất cả tiền bạc cho mẹ, trường hợp mẹ chết trước thì thuộc quyền thừa kế của ba...

- Tốt lắm! – Ba xoa tay thở dài một cách hài lòng – Mọi việc đều đúng luật.

- Chưa hết đâu, thưa ông...

Mc Kellar kêu to lên thành linh, nắm tay đập lên bàn làm mọi người cùng kinh ngạc, lặng im chờ đợi. Luật sư đưa mắt nhìn hết mọi người, rồi cúi xuống tờ di chúc, một nụ cười nở nhẹ trên môi ông ta, xem ra ông có vẻ thích thú vì đã đến lúc tiết lộ sự bí mật quá lâu.

Rồi đột nhiên, tia nhìn của ông ngừng lại khi bắt gặp mắt tôi, ông có vẻ ân cần và tiếp:

- Còn bản bổ chính tờ di chúc, bản này viết tay ngày 20 tháng 7 năm 1910.

Tôi cố nén để khỏi kêu to lên một tiếng: ngày 20 tháng 7! Ngày đau đớn nhất đời tôi: hổng thi, bạn chết! Ngày ghi khắc sâu trong tim óc tôi... không nhòa nhạt.

Tôi cố để lắng tai nghe. Ông Mc Kellar nhấn mạnh, từng tiếng một:

- Hôm đó, ngày 20 tháng 7, Dandie Gow đến văn phòng tôi (tôi xin được gọi ông ấy là Dandie, dù ông có nhiều lầm lỗi trong đời, tôi vẫn hãnh diện gọi ông bằng cái tên thân mật ấy, vì tôi xem ông như người bạn). Ông hỏi tôi xem có thể thêm bớt gì trong tờ bảo hiểm nhân mạng của ông không. Chúng tôi đã bàn cãi kỹ càng, lâu lắm. Và đi đến kết luận là cho đến mỗi trình nhỏ trong số tiền to lớn ấy đều sẽ thuộc về đứa con trai ngồi đây: Robert Shannon! Để nó có thể học Y khoa ở Đại học Winton. Tôi sẽ là giám hộ.

Im lặng rợn người. Tôi tái mặt, cổ nghẹn khô, tim thắt lại. Từ lâu, từ lâu rồi tôi cam chịu số phận đen tối này không còn dám mơ mộng, tin tưởng gì nữa đến việc được học Y khoa... Ba rên rỉ:

- Không, ông ấy không có quyền sửa chữa như thế.

Nụ cười trên môi ông Mc Kellar có vẻ mỉa mai:

- Tại sao không? Không có luật lệ nào cấm ông ấy thay đổi ý kiến về quyền thừa kế trong tờ di chúc. Việc này đúng luật.

Ba nhìn Adam tuyệt vọng, Adam hằm hằm mặt:

- Chắc mẹ muốn thế. Nhưng theo tôi, lúc đó ông không được sáng suốt...

- Khi ông Gow viết bản bổ chính cách đây ba năm, ông còn khỏe lắm, y như tôi và cậu vậy, Adam ơi!

- Tôi chống lại điều này! Tôi sẽ kiện! – Giọng ba nghẹn ngào – Tôi sẽ kiện! Rồi ông xem!

- Cứ làm những gì ông muốn! Cứ kiện đi!

Lần này vị luật sư không cười nữa mà nhìn ba và Adam bằng tia nhìn thách thức:

- Các người cứ kiện, tôi sẽ đứng ra biện hộ cho Robert Shannon. Và ông Leckie này! Ông nên nhớ ông sẽ ở vào tình trạng không mấy tốt đẹp. Ông sẽ tiêu tan cái hy vọng giữ chức Giám đốc Thủy cục, tôi cho ông hay trước đó!

Mc Kellar ngừng lại một lúc, thích thú vì vai trò mới mẻ của mình, vai trò khá gay go sau nhiều năm nhàm chán vì công việc không hứng thú:

- Vợ ông không hề mong được thừa hưởng số tiền bảo hiểm này, dù là tự tay bà đóng góp phần

lớn mỗi tháng. Còn ông Gow, bạn già của tôi cũng không hề đụng đến một trinh con. Nguyên vọng chính đáng cuối cùng của ông ấy là số tiền đó được sử dụng một cách ích lợi, công bình. Tôi quyết thực hiện ý muốn đó, nếu không, tôi không còn là Mc Kellar nữa, thừa ông! Chúa ơi! Có thể như vậy sao? Ông cố tôi đã di tặng ân huệ cuối cùng và tuyệt vời này cho tôi? Vậy mà bao nhiêu năm tháng không hề rằng nói ra một tiếng nào cho tôi biết. Không tiết lộ ý định để tôi có thể cảm ơn ông! Cao quý biết chừng nào! Hai má nóng bừng, mặt cúi gằm, hơi thở đứt quãng, tôi ngồi lặng... Bỗng tôi cảm thấy bàn tay êm dịu của dì Kate đặt lên vai: - Dì không biết mọi người nghĩ sao, chớ phần dì, dì chịu lắm! Món tiền được sử dụng rất hợp lý, không có cách nào hay hơn.

Chồng dì chen vào, hớn hở ra mặt. Chao! Dì Kate thân yêu với tính tình bộc trực nóng nảy và Jamie tốt bụng, chồng dì đều cũng tán thành. Tôi đoán là tiền trong tay họ sẽ trở nên sạch sẽ hữu ích, con họ chắc nên người dễ dàng hơn tôi nhiều.

Murdoch sáng ngời mắt, tán đồng trong lặng lẽ.

Ông Mc Kellar thu xếp giấy tờ, đứng dậy nói với tôi: - Ngày mai, ta chờ con ở văn phòng lúc 10 giờ. Bây giờ, đi với ta một đoạn đường. Thở chút không khí thoáng mát xem, tốt lắm, Robert!

Tôi rời gian phòng khách khó thở. Vẫn còn bàng hoàng. Thần kinh căng thẳng quá mức gần như không chịu đựng nổi.

Song vừa bước ra đường vắng, tôi bình tĩnh trở lại ngay. Bước chân tôi và luật sư Mc Kellar vọng lại tai tôi rõ ràng, mạnh dạn đầy tin tưởng.

Tôi gọi thầm hai tiếng: "Ông ơi!".

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>